

BÁCH KHOA

7

15 THÁNG TƯ 1957

Trong số này

- HUYỀN-VĂN-LANG Chánh-sách tiền-lệ
HOÀNG-MINH-TUYNH Luận về chế-độ Dân-chủ
PHẠM-NGỌC-THẢO Vấn-đề học-tập văn-hóa trong quân-đội
Maurice DUVERGER }
MỸ - QUỲ lược - dịch } Hai giai-đoạn của chủ-nghĩa quốc-gia
VÕ-THU-TỊNH Tìm hiểu quốc-cơ Pantja Sila
NGUYỄN-TỬ-QUANG Lý-thuyết và thực-hành
MINH-PHONG Sơ-lược phong-trào giải-phóng phụ-nữ thế-giới
NGUYỄN-HIẾN-LÊ Vấn-đề dịch văn
PHẠM-THỊ-KHÁNH-TRANG Lá thư Mỹ-quốc
GIOVANNI PAPINI }
TRỰC - ĐỊNH dịch } Giuda kẻ bán Chúa
ĐẶNG-VĂN-NHÂM Giáo-dục mỹ-thuật
THUẦN-PHONG Duyên hội-ngộ trong câu hò miền Nam
QUÁCH-TẤN Chút lòng (Thơ)
NGUYỄN-KIM-THANH lược-dịch Anna Frank
VÕ-PHIẾN Người ta (Truyện ngắn)
TỪ-VU
(bản dịch của Vi-Huyền-Đắc) Nhất gia (Truyện dài)

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số lời :

HUỲNH - VĂN - LANG : *Tìm hiểu cán cân chi phí.*

HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế-độ dân-chủ cổ-điển.*

PHẠM - NGỌC - THẢO : *Vấn-đề tập-trung lực-lượng
trong quân-đội.*

Maurice GARÇON
MỸ - QUÝ lược-dịch } *Vấn-đề độc-tài.*

NGUYỄN - HIẾN - LÊ : *Phép dịch thơ.*

PHẠM-TUỜNG-TRINH : *Góp ý-kiến về việc giáo-dục
trẻ em ở cấp Tiểu-học.*

NGUYỄN - PHI - KHANH : *Vấn-đề bảo-hiểm.*

Hào-Nguyên Nguyễn-Hóa : *Thử tóm-tắt học-thuyết khắc-kỷ.*

TR U C - Đ I N H : *Thánh Tô-ma với Chúa sống lại.*

NGUYỄN-HỮU-NGU : *Một chuyện tù Côn-lôn vượt ngục,
40 năm về trước.*

T. T. K. : *Chim bằng lại bay (Thơ)*

V Õ - P H I Ê N : *Người tù.*

NGUYỄN-QUANG-LÊ : *Tìm hiểu ngân-sách.*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TOÀ SOẠN : 412-414, đại-lộ Trần-Hung-Đạo

— SAIGON —

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

*Même si vous n'allez pas
à la*



FOIRE DE TOKIO

*Il est temps
de réserver
vos Places
à*

AIR FRANCE

*Pour n'importe
quel point du monde!*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

12, ĐAI LỘ THÔNG NHỰT, 12

Tél: { 20.981
à
20.984



ET TOUTES AGENCES DE
VOYAGES AGRÉES

*Toujours
à la pointe
du progrès*

XÂY DỰNG nước nhà về toàn-diện là nhiệm-vụ chung của mọi người, trong đó việc góp phần sáng-kiến cá-nhân, dù đúng dù sai, đều có ích, miễn là tư-tưởng ấy xuất-phát từ một ý muốn tốt và thành-thực.

Là diễn-dàn chung của những người tha-thiết đến **CHÍNH-TRỊ, KINH-TẾ, VĂN-HÓA, XÃ-HỘI**, Bách-Khoa trong ba tháng vừa qua đã hiến các bạn đọc tất cả sự cố-gắng, tận-tụy, hy-sinh của mình để nói lên những thắc-mắc chung và tìm lối thoát thích-hợp cho những con đường bế-tắc.



CHẤN-HUNG KINH-TẾ

Năm 1955, ta nhập-cảng 9 tỷ 6 bạc mà xuất-cảng chỉ có 2 tỷ. Sự chênh-lệch này nhờ ngoại-viện mà lấp được chỗ trống. Nhưng ta không thể trông vào ngoại-viện mãi mãi được. Ta phải tìm một lối thoát. Trong **Bách-Khoa số 1**, Ông **Huỳnh-văn-Lang** ở bài « Một chánh-sách xuất cảng » đã đưa ra một giải-pháp để nâng đỡ sự xuất-cảng. Giải-pháp trên đã được các báo-chí Pháp, Việt nói đến rất nhiều, giới thương-mại cũng chú-ý và hưởng-ứng.

Trong bài « Một giai-đoạn mới trong chánh-sách kinh-tế » đăng trong **Bách-Khoa số 1 và 2**, Ông **Bùi-văn-Thịnh** tìm hiểu và đề-cao những ưu-điểm trong chánh-sách kinh-tế của Chính-Phủ mới ban-hành.

Cũng trong **Bách-Khoa số 2**, Ông **Huỳnh-văn-Lang** cân nhắc ta nên khuếch-trương kinh-tế với một kế-hoạch hoàn-bị, đại quy-mô, hay chỉ nên tạm-thời dự-thảo những kế-hoạch nhỏ và ngắn, lấy cân-cán thương-mại làm tiêu-chuẩn để chuẩn-bị đi tới những kế-hoạch lớn-lao hơn. (Kế-hoạch kinh-tế — **Huỳnh-văn-Lang** — B.K. 2)

Muốn cân cân thương-mại mau lấy lại được thăng-bằng, ta phải nghĩ đến việc khuếch-trương tiểu-công-nghệ. Nhưng tại sao tiểu-công-nghệ của ta không phát-triển được ? Ông **Nguyễn-Huy-Thanh** tìm hiểu trong **Bách-khoa số 3** những nguyên-nhân đã khiến hàng nội-hóa không tiêu-thụ được. Ông kết-luận cần phải nghiên-cứu lại « Vấn-đề tài trợ tiểu-xí-nghiệp ».

Khuếch-trương kinh-tế không chưa đủ, ta còn phải nghĩ đến người tiêu-thụ, nâng-đỡ mức sống nhân-dân. Có người cho rằng nếu thành-lập được Hợp-tác-xã để bảo-vệ quyền-lợi người tiêu-thụ thì vấn-đề nâng cao mức sống dân-chúng sẽ được giải-quyết phần nào. Trong **Bách-Khoa số 3**, Ông **Huỳnh-văn-Lang** nhìn nhận Hợp-tác-xã là hình-thức thích-hợp nhất để bảo-vệ người tiêu-thụ, nhưng ông thấy cần phải đề-phòng bọn người lợi-dụng hình-thức hợp-tác-xã để trục-lợi. (Một ít nhận-xét về phong-trào Hợp-tác-xã — Huỳnh-văn-Lang, — B.K. 3)

Trong **Bách-Khoa số 4**, Ông **Tăng-văn-Chi** nhận thấy hiện-tình Việt-Nam không thể áp-dụng chánh-sách giảm-phát và đánh sứt giá đồng bạc Việt-Nam được. Bài « **Thử tìm biện-pháp thích-ứng để nâng-đỡ xuất-cảng sản-phẩm Việt-Nam** » của ông đưa ra những giải-pháp thiết-thực để chấn-hưng lại kinh-tế nước nhà một ngày một nguy-ngập sau bao năm chiến-tranh.

Đồng tiền là mạch-huyết của dân-chúng. Cũng vì nó là huyết-mạch của toàn-dân nên thối-mắc của chúng ta đã gặp thối-mắc của Ông **Huỳnh-văn-Lang** trong bài « **Tìm hiểu giá-trị đồng bạc** ». (**Bách-Khoa số 4**).

Đồng tiền là huyết-mạch của nhân-dân, bởi vậy sự đóng-góp của nhân-dân vào công-cuộc kiến-thiết toàn-diện phải được thi-hành một cách công-bằng và hợp-lý. Trong **Bách-Khoa số 5 và 6**, ông **Huỳnh-văn-Lang** đề-cập đến hai « **Quan-niệm cũ và mới về chánh-sách thuế-vụ** » để góp ý-kiến thiết-lập một hệ-thống thuế-vụ thích-hợp với hoàn-cảnh hiện-tại.

Người Việt-Nam vẫn được ca-tụng là có đức-lính cần-kiệm, nhưng sự cần-kiệm chưa được tổ-chức hẳn-hoi như ở các nước, nên nhiều khi không biết dùng vào công-việc gì cho có ích-lợi. Đô-thành Saigon — Cholon có quỹ tiết-kiệm từ năm 1887, nhưng có bao nhiêu người được biết đến. Trong **Bách-Khoa số 5**, ông **Nguyễn-Huy-Thanh** cho rằng đã đến lúc phải gây một phong-trào tiết-kiệm dân-chúng để góp một phần vào công-cuộc tài-trợ các ngành hoạt-động trong nước. Cũng trong bài này, ông **Nguyễn-huy-Thanh** phân-tích hình-thức quỹ tiết-kiệm tại các nước tân-tiến trên thế-giới.

Song-song với vấn-đề thuế-vụ, vấn-đề Quân-bình Giá-vật đã được Ông **Tăng-văn-Chi** đề-cập đến trong **Bách-Khoa số 6**. Nếu có một chánh-sách thuế-vụ công-bằng và hợp-lý thì vấn-đề quân-bình giá-vật cũng cần có những biện-pháp thích-nghị để bảo-vệ giá sinh-hoạt của nhân-dân.

TRÁCH-NHIỆM NGƯỜI CÔNG-GIAO

Với đà tiến-triển của thế-giới hiện-nay, Hội Thánh Công-giáo tiến-phát ra sao ? Trong **Bách-Khoa số 2**, Ông Hoàng-minh-Tuynh đi trở lại lịch-sử Hội-Thánh để nhận xét sự phát-triển song-hành của Giáo-hội và đà tiến-bộ của thế-giới. Ông kết-luận « Trong Hội-Thánh, trước kia có nhiều giáo-hội chỉ đóng vai thụ-động nay đã trở nên hoạt-động, tích-cực ít ra là cho mình, và có những triệu-chứng tỏ ra họ có thể một ngày gần đây sẽ trở nên tích-cực cho kẻ khác ».

Nhận-định được đà tiến-triển của Hội-Thánh, Ông Hoàng-minh-Tuynh trong hai **số Bách-Khoa 3 và 4** đề-cập đến vấn-đề trách-nhiệm của người Công-giáo đối với hòa-bình thế-giới và đối với anh em vô-thần.

Người Công-giáo có trách-nhiệm đối với hòa-bình không ? Ông Hoàng-minh-Tuynh dịch huấn-lệnh của đức Hồng-Y Salêge đề-cập đến trách-nhiệm mà một số người Công-giáo sao nhãng, đề vạch rõ quan-điểm của người Công-giáo về hòa-bình thế giới.

« Người ta sẽ chẳng tin, nếu người ta không thấy là đáng tin. (Thánh Tô-Ma.)

Trong một số bài giảng ở nhà thờ « Notre Dame de Paris » Cha Riquet có đề-cập đến vấn-đề trách-nhiệm của người Công-giáo trước chủ-nghĩa vô thần. Trong **Bách-Khoa số 4**, ông Hoàng-minh-Tuynh có trích-dịch một đoạn để làm đề-tài cho người Công-giáo Việt-Nam suy-luận : người Công-giáo phải làm biến tan các thành-kiến, các ngộ-nhận đã khiến tôn-giáo mình trở nên rất khó hiểu cho một số đông người vô tín-ngưỡng, đầy thiện-chí đang tìm dõn sự chân-thật.

Thiên-Chúa giáo có thể tóm-lắt trong hai điều : Kính Chúa và Rộng yêu mọi người. Do đó, ta thấy Đức Ái-Nhân rất quan-trọng đối với người Công-giáo. Trong **Bách-Khoa số 5 và 6**, ông Hoàng-minh-Tuynh đề-cập đến Đức Ái-Nhân, điều mà hiện nay hình như người ta đã quên là một điều-kiện căn-bản để được cứu rỗi. Ông nhấn mạnh lời của Thánh Gioan : « Chúng ta hãy yêu nhau, vì tình yêu phát-xuất từ Thiên-Chúa. Kẻ nào yêu người là bắt đầu thuộc về Thiên-Chúa và biết Thiên-Chúa ».

QUÂN-ĐỘI — NHÂN-DÂN.

Quân-đội dù muốn dù không phải sống giữa nhân-dân vì nhân-dân là dự-trữ của quân-đội. Đó là yếu-tố chính để có một quân-đội. (Thế nào là quân-đội mạnh — Phạm-ngọc-Thảo — B.K. số 1).

Có quân-đội mạnh không phải để giết người. Đánh giặc giết người làm gì ? Người ta thường nghĩ đến đức Dũng của người chiến-binh. Nhưng phải xây-dựng tinh-thần dũng-cảm trên những nền-tảng nào ? (Đánh giặc mà không giết người — Phạm-ngọc-Thảo — B.K. số 2).

Lấy đức Nhân xây đức Dũng để đánh giặc không giết người như thế vẫn chưa đủ ; người Tướng phải hiểu quân mình và quân địch, phải biết rõ về chuyên-môn quân-sự, đặc-biệt về chiến-thuật công-kiên và phải hiểu rõ quyền hành nhà binh. Có được như thế mới chắc-chắn nắm được thắng-lợi (Góp ý-kiến về thiên Mưu-Công của Tôn-Tử — Phạm-ngọc-Thảo — B.K. số 3).

Giỏi về quân-sự chưa đủ để chỉ-huy binh-sĩ. Muốn trở nên một vị chỉ-huy hoàn-toàn, người Tướng còn phải biết lãnh-đạo về mặt tinh-thần nữa. « Uy-lín của những lon hay bông mai không đủ để lãnh-đạo tinh-thần binh-sĩ ». « Muốn trị được việc nước trước tiên phải tu thân. Người phượng Đông rất trọng cá-nhân nên đòi-hỏi rất nhiều ở sự tu-dưỡng cá-nhân. Giấy tờ, pháp-luật có thể đặt một người ở một địa-vị nào đó, nhưng người ấy sẽ không có đủ uy-lín để lãnh-đạo nếu người ta thiếu tin-tưởng ở cá-nhân người ấy ». (Một ý-kiến về lãnh-đạo tinh-thần quân-đội — Phạm-ngọc-Thảo — B.K. số 4).

Quân-đội có thể tham-gia sản-xuất để tự-túc được không ? Vấn-đề binh-sĩ tự-túc trong quân-đội đã được thực-hiện trong thời-kỳ chiến-tranh, có thể thực-hiện trong thời-bình được không ? Kinh-tế tự-túc không giảm giá-trị quân-sự của quân-đội nhưng trái lại làm cho quân-nhân tha-thiết với mảnh vườn và ruộng nương của đất nước (Bách-Khoa số 5 — Vấn-đề kinh-tế tự-túc trong quân-đội — Phạm-Ngọc-Thảo).

Đề hiểu năm diêm : Đạo, Trời, Đất, Tướng, Pháp trong « thiên Kế » của Tôn-Tử, Ông Phạm-ngọc-Thảo trong Bách-Khoa số 6 đã phân-tích và tìm-hiểu thiên Kế qua những hiện-trạng chính-trị, quân-sự hiện-tại.



TRAU GIỎI CÙNG BÁCH-KHOA

« Người » trong tác-phẩm Saint Exupéry

(Phan-Mai — Bách-Khoa số 1)

Địa-vị nhạc Jazz trong nghệ-thuật hiện-đại

(Huê-Châu — Bách-Khoa số 1)

Văn-chương nước Mỹ

(Văn-Quỳ — Bách-Khoa số 1)

Đông-Y dịch-lý

(Nguyễn-văn-Ba — Bách-Khoa số 1)

Đề không đầu

(Minh-Phong — Bách-Khoa số 1)

Luận về cái nhìn

(Hoàng-thái-Linh — Bách-Khoa 2)

Chân vệ-sinh

(Nguyễn-văn-Ba — Bách-Khoa 2)

Nỗi lăm-tham của dân Trung-Hoa đời nhà Đường

(Bách-Khoa 2 — Nguyễn-ngu-Í)

Edgar Poe đã sáng-tác bài thơ bất-hủ « The Raven »

(Con quạ) ra sao ? (Nguyễn-hiến-Lê — Bách-Khoa số 4)

Cách chuẩn-bị cho người sản-phụ theo phương-pháp để không đau
(Bách-Khoa 5 — Bác-sĩ Dương-quỳnh-Hoa)

Người nổi chí Thánh Cam-Đà
(Vấn-đề hiển-diễn tại Ấn-Độ) (Bách-Khoa 5 — Nguyễn-đức-An)

Tiếng Việt ngày nay (Bách-Khoa 5, 6 — Nguyễn-hiến-Lê)

Học-thuyết Épicure (Hào-Nguyên Nguyễn-Hóa — Bách-Khoa 6)

Giòng suối trong bãi sa-mạc (Nguyễn-huy-Thanh — Bách-Khoa 6)

Con người trong vũ-trụ (Nguyễn-văn-Ba — Bách-Khoa 6)

Giáo-dục hợp-tác-xã (Phan-văn-Trí — Bách-Khoa 6)



THAM-LUẬN CÙNG BÁCH-KHOA

Vài ý-kiến về học-sử (Phạm-hoàn-Mĩ — Bách-Khoa 1)

Nên đề trẻ được tự-do hay nên nghiêm-khắc với trẻ
(Hoàng-minh-Tuynh — Bách-Khoa số 1)

Trung-Cộng lẫn-công Hoa-kiều ở Đông-Nam-Á
(Đỗ-trọng-Chu — Bách-Khoa số 2)

Sử-gia Tàu đối với Bà-Triệu
(Trần-long-Hưng và Nguyễn-hữu-Ngư — Bách-Khoa số 1)

Hãy trả tự-do cho trẻ em
(Nguyễn-trung-Nhật — Bách-Khoa số 2)

Tứ-đức mới của người phụ-nữ Việt-Nam
(Minh-Tiên — Bách-Khoa 2)

Hạnh-phúc lao-động là ở chế-độ dân-chủ xã-hội
(L.G. — Bách-Khoa số 3)

Một gương kiên-trung và kiên-trình : Bà Sương Nguyệt-Anh
(Phương-Nhân — Bách-Khoa số 3)

Nhiệm-vụ cán-bộ nghiệp-đoàn trong một nước độc-lập
(Huỳnh-đức-Quang — Bách-Khoa số 5)

Một nhận-định trước làn sóng di-cư (Nguyễn-anh-Linh — Bách-Khoa số 5)



THÔNG-CẢM CÙNG BÁCH-KHOA

Viễn-xứ (Thơ Phan-lạc-Tuyên — Bách-Khoa số 1)

Chú không-lồ ích-kỷ (Oscar Wilde)
(YẢ-HẠC và TRINH-NGUYỄN dịch — Bách-Khoa số 1)

Trái tim đau ?	(NGUYỄN-NGUỒN-TRINH — Bách-Khoa số 2)
Bao giờ trời lại sáng	(Phạm-duy-Lân — Bách-Khoa 3)
Tối-tầm	(X.V. — Bách-Khoa số 3)
Xuân-ý	(Thơ AN-CHÁU — Bách-Khoa số 4)
Sau giấc ngủ mười năm	(Minh-đức — Bách-Khoa số 1)
Hồn ma cũ	(Bình-nguyên-Lộc — Bách-Khoa số 4)
Nhất-gia	(Tùng-Vu, bản dịch của Vi-huyền-Đắc — Bách-Khoa số 4)
Đứa con nuôi (đoản-thiên)	(Mặc-Thu — Bách-Khoa số 5)
Chiếc xe « lết » của cha tôi	(Vi-huyền-Đắc — Bách-Khoa số 6)
Mài dao dạy vợ (kịch ngắn)	(Bình-nguyên-Lộc — Bách-Khoa 6)
Tráng-sĩ Hành (thơ)	(Trần-tuấn-Khải — Bách-Khoa số 6)

BÁCH-KHOA là tạp-chí của các bạn.

Thắc-mắc của các bạn là thắc-nắc của BÁCH-KHOA.

Đọc và cổ-động cho BÁCH-KHOA là nói lên những tiếng thắc-mắc chung.

Kể từ nay, tòa-soạn tạp-chí BÁCH-KHOA dời lại 412 - 414, đường Trần-Hung-Đạo, Saigon.

Thư-từ, ngân-phiếu và bài vở, xin gửi về địa-chỉ nói trên.

BÁCH-KHOA

BÁCH - KHOA

Bán nguyệt - san

412 - 414, Trần - hưng - Đạo

SAIGON

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Phơng-danh độc-giả :

Địa-chỉ :

Thời-hạn mua :

Thẻ-thức trả tiền :

Saigon, ngày

Chữ ký độc-giả,

Tòa - soạn **BÁCH - KHOA**

412 - 414, Trần - hưng - Đạo

SAIGON

CHÁNH-SÁCH TIỀN-TỆ

HUỲNH-VĂN-LANG

TRONG hai bài trước, khi nói về chánh-sách thuế-vụ, chúng tôi có bảo rằng theo quan-niệm mới, ta không thể tách chánh-sách tiền-tệ ra khỏi chánh-sách thuế-vụ. Đã hẳn ta có thể quan-niệm hai chánh-sách tiền-tệ và thuế-vụ riêng-biệt nhau. Nhưng hai chánh-sách cũng là thành-phần của một chánh-sách kinh-tế chung, phải đi song song nhau và cùng một hướng như nhau. Hơn nữa, chính chánh-sách tiền-tệ phải phục-vụ chánh-sách thuế-vụ và giúp cho chánh-sách thuế-vụ được thực-nghiệm triệt-đề. Biết rằng : không có sự phục-vụ của chánh-sách tiền-tệ, chánh-sách thuế-vụ một mình nó cũng có thể đạt mục-đích của nó được, vì chánh-sách tiền-tệ ngày nay không còn quan-trọng như trước nữa. Trên thực-tế, trong khi thực-hiện, thì chánh-sách thuế-vụ là một yếu-tố quan-trọng nhất và chánh-sách tiền-tệ phải hòa-hợp theo. Cho nên nếu những học-giả tân-tiến ngày nay xem chánh-sách tiền-tệ như một phần của chánh-sách thuế-vụ tổng-quát thì cũng không có gì quá đáng. Cũng như chánh-sách thuế-vụ, chánh-sách tiền-tệ là chánh-sách thấm vào hay đưa ra hệ thống kinh-tế một số lượng tiền-tệ.

Khi nói về chánh-sách tiền-tệ thì quan-niệm tiền-tệ phải hiểu rộng hơn, nghĩa là số-lượng tiền-tệ kè cả tín-dụng, một điểm khác hơn là khi nói về chánh-sách thuế-vụ. Nhưng đối-lượng của hai chánh-sách như một : số lượng mãi-lực ở thị-trường. Mục-tiêu của chánh-sách thuế-vụ là thêm vào hay rút đi, mục-tiêu của chánh-sách tiền-tệ là kiểm-soát, nói ra hay thấm hẹp lại. Như thế thì cũng không có gì khác xa nhau.

Có nhiều phương-pháp để kiểm-soát, ta có thể chia ra làm ba loại như sau : 1) — kiểm-soát cưỡng-bách chung — 2) — kiểm-soát tình-nguyên chung — 3) — kiểm-soát cưỡng-bách tuyển-trạch.

KIỂM-SOÁT CƯỜNG-BÁCH CHUNG

Đây là vấn-đề Ngân-Hàng Quốc-Gia hay Trung-Ương kiểm-soát hệ-thống ngân-hàng tư bằng cách : a) can-thiệp trên thị-trường hối-đoái hay giá-khoán — b) thay đổi phân-xuất tái chiết-khấu ; c) biến-chuyển phân-xuất lưu-trữ pháp-lý.

a) — can-thiệp trên thị trường hối-đoái hay giá-khoán. Khi Ngân-Hàng Quốc-Gia mua ng ại-lệ hay giá-khoán trên thị-trường thì tức là gia tăng số bạc lưu-thông. Khi bán ra thì là giảm bớt số bạc lưu-thông.

Riêng về giá-khoán, khi Ngân-Hàng Quốc-Gia bán ra thì phân-xuất tiền lời của các giá-khoán ấy lên tùy theo số giá-khoán bán ra. Nếu số giá-khoán của Ngân-Hàng Quốc-Gia bán ra nhiều thì giá cả các giá-khoán ấy xuống, và một hiện-tượng ngược lại sẽ diễn ra : phân-xuất tiền lời sẽ xuống tùy theo số giá-khoán Ngân-Hàng Quốc-Gia mua. Điều quả-quyết trên đây chỉ có nghĩa là khi sự can-thiệp mua hay bán của Ngân-Hàng ảnh-hưởng thực-sự đến giá cả giá-khoán ở thị-trường.

Phần khác, ngân-hàng học dạy rằng : số tiền Ngân-Hàng Quốc-Gia mua giá-khoán sẽ lưu-thông, rồi sẽ vào hệ-thống ngân-hàng, để bị một nhân-số lưu-trữ ngân-hàng (le multiplicateur des dépôts bancaires) nhân lên. Theo lý-thuyết thì nhân-số ấy là số nghịch-đảo của phân-xuất tiền phải lưu-trữ theo pháp-lý (le multiplicateur est l'inverse du taux des réserves légales). Ví-dụ nếu phân-xuất lưu-trữ theo pháp-ý là 20% thì con nhân-số lưu-trữ ngân-hàng sẽ là $1/0,20$ hay là 5. Vì thế mà tiền-lệ sẽ lưu-thông bằng mấy lần số tiền Ngân-Hàng Quốc-Gia ném ra ở thị-trường khi mua giá-khoán. Ví-dụ, nếu nhân-số là 5, mà khi mua giá-khoán, Ngân-Hàng Quốc-Gia tung ra 1.000\$ thì số tiền lưu-thông sẽ thêm lên không phải là 1.000\$ song là 5 lần 1.000\$, nghĩa là 5.000\$.

Khi Ngân-Hàng Quốc-Gia bán giá-khoán ra thì một hiện-tượng ngược lại sẽ diễn ra. Số bạc lưu-thông sẽ bị thu hẹp il lại bằng mấy lần số bạc bán các giá-khoán ra.

b) — Phân-xuất tái chiết-khấu.

Khi mua giá-khoán của một doanh-nghiệp và đề khởi phải giảm bớt số bạc lưu-trữ của mình thì các ngân-hàng thường khi ký chuyen-nhượng các giá-khoán ấy và đem tái chiết-khấu ở Ngân-Hàng Quốc-Gia. Lẽ tất nhiên, phân-xuất tái chiết-khấu cho Ngân-Hàng Quốc-Gia phải nhỏ hơn phân-xuất chiết-khấu áp-dụng với doanh-nghiệp hay tư-nhân. Phân-xuất tái chiết-khấu càng cao thì phân-xuất chiết-khấu phải càng cao theo. Cho nên tùy theo gia-giảm phân-xuất tái chiết-khấu ấy mà Ngân-Hàng Quốc-Gia hạn-chế (nếu gia) hay bành-trướng (nếu giảm) lưu-dòng của các ngân-hàng tư.

c) — **Phân-xuất lưu-trữ theo pháp-lý.**

Ngân-Hàng Quốc-Gia bắt buộc các Ngân-hàng khác phải giữ cho Ngân-Hàng Quốc-Gia một phân-xuất lưu-trữ trên tổng-số giao-trữ họ có bên phụ-trái. Khi tư-nhân đem một số tiền gửi tại ngân-hàng tư, thì ngân-hàng tư phải gửi lại một phần 10%, 20% hay 30%... tại ngân-hàng quốc-gia. Dư lại bao nhiêu thì dựa theo đó để mở tín-dụng hay cho vay mượn. Cái phân-xuất lưu-trữ tại Ngân-Hàng Quốc-Gia gọi là lưu-trữ theo pháp-lý vì do sự quy-định của luật ngân-hàng.

Pháp-lý thường giao cho Ngân-Hàng Quốc-Gia quyền sửa đổi phân-xuất ấy tùy theo tình-hình kinh-tế và tiền-lệ. Như đã nói trên, nhân-số của các giao-trữ ngân-hàng là số nghịch-đảo của phân-xuất lưu-trữ pháp-lý. Cho nên nếu phân-xuất lưu-trữ càng cao thì trọng-lượng tín-dụng được gây ra sẽ giảm đi, nghĩa là nếu phân-xuất càng to thì nhân-số càng bé đi. Trái lại, nếu phân-xuất càng bé thì nhân-số càng to và sự bành-trướng tín-dụng lại càng nhiều.

KIỂM-SOÁT TÌNH-NGUYÊN CHUNG

Những loại kiểm-soát này mới có đây thôi, vì chỉ những phương-pháp kiểm-soát cưỡng-bách không cũng chưa đủ.

Nghĩa là Ngân-Hàng Quốc-gia có một quan-niệm tổng-quát về nền kinh-tế trong nước, làm cách nào để chỉnh-phục các ngân-hàng khác theo quan-niệm chách-sách tiền-lệ của mình để bành-trướng hay hạn-chế tín-dụng tùy theo tình-trạng kinh-tế. Ở các nước Anh, Mỹ, Gia-nã-Đại, người ta thấy cái lối ấy có kết-quả nhiều. Giám-Đốc Ngân-Hàng Trung-Ưong mời các Giám-Đốc các ngân-hàng khác đến để giải-thích tình-hình kinh-tế nước nhà và yêu-cầu họ phải tự ý thêm hay bớt tín-dụng vì công-ích (Phương-pháp này có thể áp-dụng ở Việt-Nam không?).

KIỂM-SOÁT CƯỜNG-BÁCH TUYỀN-TRẠCH

Những kiểm-soát này không xáo-động tình-hình chung một trật. Nó không tùy ở Ngân-Hàng Quốc-Gia, song tùy ở Chánh-Phủ. Như hạn-chế tín-dụng để tiêu-thụ, tín-dụng để cất nhà cửa... Không phải chỉ có ngân-hàng mới mở tín-dụng mà thôi, còn bao nhiêu cơ-quan tài-chánh khác như hợp-tác-xã hay quỹ này quỹ nọ. Kiểm-soát tuyền-trạch này đặc-biệt chú-trọng đến hành-động của những cơ-quan ấy.

Theo chính-sách thuế-vụ mới thì người ta bớt quan-tâm đến những kiểm-soát tiền-lệ cưỡng-bách chung, mà lại chú-trọng nhưt những kiểm-soát tiền-tệ tình-nguyên chung mà xưa kia người ta không bao giờ nghĩ đến, và những kiểm-soát cưỡng-bách nhưng tuyên-trạch. Cái đó cũng vì nhiều lẽ.

Cho đến cuộc đại-khủng-hoảng năm 1930 thì người ta hết sức tin cậy ở chính-sách tiền-lệ để kềm hãm bớt những cuộc tuần-phát kinh-tế. Người ta đã nghĩ sai rằng : lạm-phát chính là hiệu-quả của một số bạc lưu-thông quá nhiều và khuân-bách chỉ vì thiếu bạc lưu-thông. Người ta nghĩ rằng số bạc lưu-thông có một ảnh-hưởng quyết-định trên cả nền kinh-tế một nước.

Nhưng trong cuộc khủng-hoảng 1930, người ta đã thất-vọng khi áp-dụng những phương-pháp kiểm-soát cưỡng-bách chung. Ở Mỹ cũng như ở các nước khác, Ngân-Hàng Quốc-Gia mua giá-khoán trên thị-trường, hạ bớt phân-xuất tái chiết-khấu và duy-trì phân-xuất lưu-trữ theo pháp-lý trước (một phân-xuất đã thấp rồi). Tóm tắt, họ đã dùng mọi phương-pháp mà theo lý-thuyết sẽ tăng-gia số bạc lưu-thông nhiều lắm. Thế nhưng trọng-lượng tiền-lệ lưu-thông cứ bị giảm bớt đi.

Những kiểm-soát cưỡng-bách chung sẽ có hiệu-quả chắc-chắn và quyết-định, nếu các ngân-hàng thương-mại bị ép-buộc phải cho vay, cho mượn và nhân-dân bị ép buộc phải vay mượn. Song ngân-hàng không bị ép buộc như thế được, nên sanh ra cái hiện-tượng lưu-trữ thặng-dư. Ngân-hàng vẫn không cho vay mà tư-nhân vẫn không buồn mượn.

Thế là người ta phải công-nhận rằng : Nguyên một chính-sách bánh-trương tiền-lệ cũng chưa đủ hãm đề gia-tăng số bạc lưu-thông.

Hơn nữa, sau đại-chiến vừa qua, người ta lại gặp một hiện-tượng trái ngược lại. Ngân-Hàng Quốc-Gia gia-tăng phân-xuất lưu-trữ theo pháp-lý của các ngân-hàng khác, nhưng những ngân-hàng khác đã có thặng-dư lưu-trữ, thành-thủ ngân-hàng vẫn cho vay được và người ta vẫn vay. Dù có kiểm-soát cưỡng-bách chung như thế, trọng-lượng tiền-lệ lưu-thông vẫn gia-tăng.

Các giám-đốc ngân-hàng, thấy rằng họ phải có thặng-dư lưu-trữ để trốn-tránh những kiểm-soát cưỡng-bách chung. Họ dự-trữ để cho vay khi được giá hơn.

Do những nhận xét trên đây, ta có thể nói rằng chính-sách tiền-lệ ngày nay đã bớt quan-trọng như xưa rồi. Một khuynh-hướng rõ-rệt là càng ngày người ta càng bớt quan-tâm đến những kiểm-soát cưỡng-bách chung, để chú-trọng đến nhưt những kiểm-soát tình-nguyên chung và những kiểm-soát cưỡng-bách tuyên-trạch.



Cũng như chánh-sách thuế-vụ, chánh-sách tiền-tệ chỉ và phải là một phần của chánh-sách kinh-tế tổng-quát. Kinh-tế lên lên xuống xuống, chánh-phủ phải làm thế nào cho những sự lên xuống ấy bớt mạnh-bạo, nghĩa là phải làm thế nào để mức lợi-tức quốc-gia ít biến-chuyển, đi lên lên, rồi có xuống thì xuống lần lần, đừng cho lên quá cao rồi xuống quá thấp. Đó là chánh-sách kinh-tế Chánh-Phủ cần phải theo đuổi cho kỹ được ; kinh-tế vững-chắc là một yếu-tố chánh để tiến-hóa về mọi mặt. Muốn cho chánh-sách kinh-tế tổng-quát thành-tựu thì các chánh-sách khác (như là chánh-sá h thuế-vụ) là thành-phần của nó phải cùng đi một hướng như nhau trong khuôn-khổ chánh-sách kinh-tế và nhiều khi dung-hoà lẫn nhau. Không có gì buồn cười cho bằng «trống đánh ngược, kèn thổi xuôi» là khi các chánh-sách thành-phần lại đi ngược lại chánh-sách tổng-quát. Đó là điều cần phải tránh.

HUỖNH-VĂN-LANG

Danh-ngôn, danh-lý trong số này qui về ý-chính
« CHÂN-NGHĨA CUỘC ĐỜI ».

THỜI-ĐẠI chúng ta là thời-dại tốt đẹp hơn hết mọi thời-dại, dù là thời-dại đã qua hay thời-dại sắp tới, vì đó là thời-dại mà chúng ta có thể hành-dộng được.

GAÉTAN BERNOVILLE

LÀM TÀI TRAI, lúc cùng khổ, chí càng phải bền ; khi tuổi tác, khi càng phải hăng.

Lời MÃ-VIỆN theo HÁN-SỬ

CUỘC ĐỜI là một ông thầy tốt. Sự khốn-quần đau-khổ là ông thầy giỏi, là người bạn tốt để rèn luyện ta.

KHUYẾT DANH

CHẾ-ĐỘ DÂN-CHỦ

HOÀNG-MINH-TUYNH biên-khảo

Khởi sự từ số này, chúng tôi cho ra một quý-vị độc-giả một thiên-luận về chế-độ dân-chủ theo hai khuynh-hướng hiện nay đối-lập nhau và chia nhau ngự-trị trên đàn chính-trị thế-giới.

Đó là khuynh-hướng cò-diền và khuynh-hướng mác-xít. Cổ nhiên là sau đó, chúng tôi sẽ có kết-luận và phê-phán về cả hai khuynh-hướng nói trên.

Để viết thiên luận về chế-độ dân-chủ, chúng tôi đã tham-khảo những sách của các ông A. Esmein, J. Barthélemy, J. Laferrrière, M. Pelot, G. Burdeau, M. Duverger và nhất là G. Vedel. Tác-phẩm của vị giáo-sư sau này là căn-cứ trọng-yếu nhất của chúng tôi trong số các tài-liệu chúng tôi đã dùng làm căn-cứ, có nhiều đoạn, chúng tôi đã trích-dịch nguyên-văn, Để tránh sự rườm-rà và để khỏi làm rộn mắt người đọc, chúng tôi dụng-ý bỏ những lời chưa xuất-xứ, mong quý-vị hiểu và lượng cho.

HIỆN nay có hai điều nhận-xét sau đây ta nghiệm thấy rất đúng :

Điều thứ nhất là trong các nguyên-tắc người ta căn-cứ để điều-hành công việc quản-trị quốc-gia, nguyên-tắc dân-chủ, bề ngoài, coi như được mọi người tán-đồng. Hầu hết các chế-độ chính-trị đều cao-rao mình theo nguyên-tắc dân-chủ, trong khi các chế-độ đối-lập cũng tuyên-bố theo nguyên-tắc dân-chủ không kém. Trên bình-diện quốc-tế và cứ theo các lời người ta tuyên-bố, ta có thể coi như dân-chủ là một cái gì chính-thống, có tính-chất một chính-nghĩa, y như ngày xưa cò-nhân coi quân-chủ là một cái gì thiêng-liêng, bất-khả xâm-phạm và có thể hy-sinh mọi sự, kể từ tính-mạng mình, và lấy làm thỏa-mãn,

vinh-hạnh nếu được hy-sinh tất cả cho nó.

— Cuộc chiến-tranh 1939-1945 chính là cuộc tranh-đấu của một mặt-trận dân-chủ chống lại các chế-độ phản dân-chủ, mệnh-danh dưới một tiêu-đề chung là chế-độ phát-xít (mặc dầu từ chế-độ phát-xít chính-cách tới chế-độ quốc-gia xã-hội Đức và chế-độ tài-phiệt và quân-phiệt Nhật có nhiều điểm dị-đồng quan-trọng).— Bởi vậy, nguyên-tắc dân-chủ có thể coi như đã toàn thắng chẳng những về phương-diện tư-trường, mà còn toàn-thắng về phương-diện thực-tế, cụ-thể, sau cuộc tranh-hùng trong thế-giới mới rồi.

Điều nhận-xét thứ hai là cũng một danh-từ dân-chủ, người ta hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, và có nhiều quan-niệm về chế-

độ dân-chủ. Chỗ khác nhau ấy không phải chỉ nguyên ở một vài điểm dị-đồng không quan-trọng trong tư-tưởng, hoặc trong một vài chi-tiết về định-chế. Sự tranh-biện rất kịch - liệt đối - chọi nhau trong những điểm căn-bản, và hiện nay đóng vai trò chính trên đàn chính-trị quốc-tế và nhiều khi trên đàn chính-trị quốc-nội của nhiều nước nữa.

Thành ra người ta tuy đồng quan-điểm với nhau về *thuyết dân-chủ* mà chống-đối nhau về *nghĩa dân-chủ*.

Muốn giải-quyết những khó-khăn trên, muốn tìm hiểu vì đâu lại có những mâu-thuẫn đó, ta phải dùng những phương-pháp nào ? Phương-pháp hay nhất có lẽ là phải xét, trong thực-tế, chế-độ dân-chủ đã phát-sinh, đã thực-hiện bấy nay thế nào, và hiện đang thực-diễn ra sao ? Nhờ cuộc « *điều-tra* » này, ta có thể thấy rõ cuộc xung-đột giữa các quan-niệm về chế-độ dân-chủ một thêm sáng-tỏ dần.

Tuy nhiên, trước khi mở cuộc « *điều-tra* », có bốn điều cần phải được minh-xác, nhận-định trước :

Thứ nhất là mục-dịch của thiên khảo-sát này là kiểm-điểm lại các quan-niệm chính về triết-lý hay chính-trị nguyên là nguồn-gốc phát-sinh ra các chế-độ tự-nhận là dân-chủ ; đồng-thời kiểm-điểm lại các định-chế do từ các quan-niệm ấy biểu-hiện nên, hay nói rõ hơn, kiểm-điểm lại các cơ-cấu người ta đã dựa vào các quan-niệm ấy mà thiết-lập nên.

Thứ hai là từ 150 năm trở lại đây, lịch-sử dường như tiến theo một khuynh-hướng phát-triển đặc-biệt, theo khuynh-hướng ấy thì kẻ bị-trị (đối với người thống-trị) ngày càng được tham-dự trực-tiếp vào công-việc quản-trị quốc-gia. Theo một định-nghĩa đã được nổi tiếng, thì chế-độ dân-chủ là chế-

độ trong đó công-việc quản-trị quốc-gia là của nhân-dân, do nhân-dân làm lấy và làm cho nhân-dân. Mặc dầu quan-niệm đó xác-đáng hay không, sự tiến-triển trên được coi như tiến-triển của nhân-loại trên đường tự-do.

Thứ ba là trong cuộc trường-chinh của kẻ bị-trị tiến tới chỗ nắm các quyền-bính và tự-do, hình như từ đầu thế-kỷ XX, đúng hơn là từ cuộc cách-mạng Nga năm 1917, các ý-niệm dân-chủ đã thấy có chỗ khác nhau. — Trước đó thì trong công-cuộc thực-hiện lý-tưởng dân-chủ, nhiều nước dường như căn-cứ trên một cương-yếu tư-tưởng, nếu không đồng-nhất, thì cũng qui về một mối ; các định-chế, về chi-tiết, có khác nhau nhưng tựu-trung đều cùng phát-xuất từ một nguồn cảm-hứng giống nhau và về đại-thể không có gì là khác nhau cả. Trào-lu dân-chủ cho tới thế-kỷ XX, gồm nhiều chi-lưu, và mỗi ngày có thêm nhiều chi-lưu mới, nhưng vẫn giữ được đồng-chất với nhau. Trái lại, khi chế-độ xô-viết xuất-hiện, nhất là từ khi chế-độ ấy được củng-cố và bành-trướng khắp hoàn-cầu, thì ta bị đặt trước một trào-lu thứ hai mà trào-lu này dường như không có gì dính-dáng với trào-lu thứ nhất mà cũng không qui về một mối với trào-lu thứ nhất nữa. Thật ra thì trào-lu thứ hai không phải mới hơn trào-lu thứ nhất, nhưng trong bước đường tiến của nó trong thế-kỷ XX, người ta không thấy nó bày rõ ra ngoài mà như chìm bên dưới vậy.

Thứ tư là rất khó tìm được một danh-từ thật đúng để chỉ hai quan-niệm dân-chủ đang đối-lập nhau. — Hiện nay, người ta vẫn thường dùng hai tiếng « *tây* » và « *đông* » để phân-biệt hai quan-niệm ấy, nhưng cái tên gọi theo địa-lý chỉ có tính-cách hình thức bề ngoài. Nhiều tên gọi

khác lại tùy sự phê-phán của mỗi bên về giá-trị của đối-phương theo như mình tưởng, và, bởi vậy thiếu hẳn tính-cách khách-quan : như « dân-chủ hình-thức » và « dân-chủ thực-sự », dân-chủ giả và dân-chủ thực. — Nhiều tên gọi khác lại như có ý tóm-tắt thật ngắn lại nhưng phương-thức gồm nhiều sắc-thái phức-tạp mà không sao thu được hết ý, như « dân-chủ tự-do, dân-chủ cá-nhân » đối với « dân-chủ xã-hội, dân-chủ đại-chúng », trong khi cả hai bên cùng tự khoe mình phụng-sự tự-do, cá-nhân và quảng-dại quần-chúng cả. Như ta sẽ thấy, xét cho cùng, sự đối-lập giữa hai quan-niệm dân-chủ chỉ có tính-cách triết-lý : một bên thì cho tự-do là một giá-trị sẵn có, nó cố-hữu với con người và con người có tự-do thì mới gọi được là con người ; một bên thì cho tự-do là giá-trị con người có tạo nên thì mới có và tự-do chỉ thật-sự có khi nào con người dùng cuộc cách-mạng xã-hội mà tự giải-phóng lấy mình. Chỉ nguyên cái luận-cứ căn-bản đó đã khá phức-tạp rồi, và khó thu tóm thành một phương-thức cho gồm được hết ý.

Vậy, nên cách dùng danh-từ đúng hơn hết có lẽ là cách căn-cứ vào nhận-xét sau đây. Hình-thức dân-chủ thứ nhất đã có sau nó một lịch-trình chính-trị và pháp-lý khá dài, nó đã nghiêm-nhiên hóa thành một cương-yếu, một hệ-thống nguyên-tắc, đồng-chất với khoa-học chính-trị và luật hiến-pháp khiến cho người ta có thể lẫn-lộn khoa-học, chính-trị hoặc luật hiến-pháp với hình-thức dân-chủ này (như khi gọi cuốn tự-điển là cuốn *Larousse*), cũng như về kinh-tế-học các giáo-điều của học-phái tự-

do trong một thời-gian khá lâu đã được coi như là cả một bộ môn khoa-học kinh-tế vậy. Bởi đó, ta có thể dùng danh-từ « *cô-điền* » gọi hình-thức dân-chủ thứ nhất.

Duy đến khi tìm danh-từ để gọi hình-thức dân-chủ thứ hai, ta thấy thật là khó-khăn. — Hoặc là dùng tiếng « *hiện-đại* », tiếng « *mới* » ? Nhưng nếu gọi thế sợ không trúng nghĩa vì hình-thức dân-chủ thứ hai này có phải « mới » xuất-hiện, hoặc xuất-hiện « *đời nay* » đâu. — Cách gọi tên đúng hơn hết, có lẽ là dân-chủ không phải cô-điền. — Tuy nhiên gọi thế hơi dài, lại có vẻ tiêu-cực và không được đích-xác. — Không còn cách nào hơn nữa, vậy xin gọi là dân-chủ mác-xít. Cách gọi này vừa gọn, vừa nêu rõ được cái ảnh-hưởng quan-trọng của tư-tưởng Mác và đồ-đệ trong việc tạo-thành lý-thuyết dân-chủ đó, và chẳng, hiện trong các nước đang thực-hiện và thi-hành lý-thuyết đó, người chủ-trương vẫn tự-nhận là áp-dụng lý-thuyết của chủ-nghĩa Mác và chịu ảnh-hưởng của lý-thuyết đó. Tuy nhiên, có điều nên nhớ là cái ý-tưởng về dân-chủ này có từ trước Mác và tương-hợp với một tín-ngưỡng từ lâu vẫn chủ-trương rằng có tự-do thì mới có bình-dẳng-được.



Thiên khảo-cứu này, sẽ chia ra làm ba phần chính theo thứ-tự sau này :

Phần I. — Khảo về chế-độ dân-chủ cô-điền.

Phần II. — Khảo về chế-độ dân-chủ mác-xít.

Phần III. — Kết luận : khảo về ý-nghĩa lý-tưởng dân-chủ.

CUỘC ĐỜI là trường gây dựng nhân-phẩm.

HONORÉ ESQUERRE

HỌC-TẬP VĂN-HÓA TRONG QUÂN-ĐỘI

PHẠM-NGỌC-THẢO

THEO dõi tin-tức quân-sự trên thế-giới, ta nhận thấy các quân-đội trang-bị càng ngày càng tối-tân, nên đồng-thời, cách biên-chế tổ-chức cũng như chiến-lược, chiến-chuật, kỹ-thuật, cũng phải thay đổi khá nhiều. Đó đó, vai trò người chỉ-huy càng ngày càng khó-khăn. Kế bên những điều-kiện can-đảm, đạo-đức, khả-năng lãnh-đạo, lần lần nổi bật lên một điều-kiện càng ngày càng quan-trọng là vấn-đề trình-độ văn-hóa.

Trong du-kích-chiến thô-sơ, việc trẻ sớm đôi chút chưa có một ảnh-hưởng quyết-định lắm. Khi đơn-vị đã tiến lên trình-độ áp-dụng chánh-quy-chiến, việc tính-toán thời-gian tối ư quan-trọng. Rồi đây, quyết-định một sự thắng hay bại của một cuộc chiến-tranh, có thể, không phải là vấn-đề tháng hay ngày, mà là vấn-đề giờ hay phút. Muốn hoàn-thành nhiệm-vụ mình đứng nhíp với một kế-hoạch lớn và tinh-vi đến mức-độ đó, người chỉ-huy và toàn-thể binh-sĩ phải biết tính-toán rất chu-đáo và tỉ-mỉ. Đành rằng, ngày nay nhiều máy-móc tự-động tối-tân giúp cho người đỡ suy-nghĩ nhiều việc, song máy-móc hay vũ-khí càng tinh-vi thì người xử-dụng nó lại

càng phải có một kiến-thức cao rộng. Có thể một binh-sĩ không biết chút gì về đường đạn cũng xử-dụng được một bức-kích-pháo (mortier). Song nếu gặp một trường-hợp gì bất-thường, chắc chắn người đó phải chịu bó tay. Nhưng, muốn học về lý-thuyết đường đạn, cũng cần một căn-bản học-thức, mới có thể hiểu mau chóng và đầy-đủ.

Trước nhu-cầu văn-hóa, thoát-tiên người ta nghĩ đến việc thu-nhận nhiều thanh-niên có học-thức khá, đề đào-tạo thành sĩ-quan có thể phục-dịch công việc cho thích-hợp. Song, kinh-nghiệm cho biết, một số khá đông sĩ-quan đào-tạo theo lối này, không hoàn-thành được nhiệm-vụ mình. Tuy giỏi về lý-thuyết quân-sự, nhưng, thiếu kinh-nghiệm chiến-đấu thực-sự, họ khó chỉ-huy những binh-sĩ đã trải da, tróc vảy tại chiến-trường.

Biện-pháp trên có nhiều phương-diện tốt đẹp là gieo mầm cho những tác-phong mới, những sáng-kiến lạ dựa trên nhiều quan-điểm khác hơn quan-điểm của giới quân-sự nhà nghề; song, nó cần được nhiều biện-pháp khác bổ-túc.



Đó là vấn-đề tổ-chức học-tập văn-hóa trong quân-đội.

Trước khi góp vài ý-kiến về cách tổ-chức, cần chú-ý là đừng lẫn-lộn vấn-đề học-tập văn-hóa và học-tập chánh-trị. Thiếu dứt-khoát trong việc phân ranh-giới, chắc chắn sẽ đưa đến một thất-bại không thể tránh.

Điều trước tiên cần giải-bày cho binh-sĩ rõ là mục-dịch của việc học-tập văn-hóa trong quân-đội, nhằm trọng-tâm xây-dựng cho họ một thái-độ đúng-dẫn để quan-sát và nhận-xét, một phương-pháp suy-luận khoa-học, một cách-thức giải-quyết thông-suốt tất cả các vấn-đề. Đành rằng, kết-quả của sự học-tập có thể là những quyền-lợi vật-chất, những phần thưởng tinh-thần, những cấp-bằng v.v..., song, mục-dịch chánh là điều đã nêu trên. Mục-dịch đó, một khi họ thấm-nhuần, sẽ kích-thích họ theo đúng phương-hướng tiến-bộ.

Địa-vị của vấn-đề học-tập văn-hóa sẽ được đặt lên đúng tầm quan-trọng của nó. Trong những nhiệm-vụ căn-bản của một quân-nhân, sẽ ghi thêm vào nhiệm-vụ tự nâng-cao trình-độ văn-hóa của mình.

Hình-thức tổ-chức học-tập có thể : một mặt, tổ-chức học-tập thường-xuyên tại đơn-vị, mặt khác, tổ-chức những trường văn-hóa đặc-biệt, dành cho quân-nhân (tức-nhiên, đây không quan-niệm tổ-chức một hệ-thống giáo-dục đầy-đủ song-song với hệ-thống của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục).

Tại đơn-vị, có-thể ấn-định hàng ngày một giờ dành riêng để học văn-hóa. Buổi sáng chẳng hạn từ 7 giờ đến 8 giờ, tất cả quân-nhân các cấp đều phải học-tập văn-hóa, dù là trình-độ mù chữ hay trình-độ thạc-sĩ. Đối với quân-nhân học-lực thấp kém, có thể họp lại học chung thành lớp từ 20 đến 30 người có hướng-dẫn. Hướng-dẫn

viên sẽ được lựa trong hàng ngũ quân-nhân có học-lực khá và hiểu biết chút ít về phương-pháp giáo-khoa. Tùy hoàn-cảnh của đơn-vị, có thể tổ-chức một lớp dành cho quân-nhân chưa biết đọc biết viết ; một lớp cao hơn cho những người đã biết bốn phép toán và bắt đầu biết làm luận-văn. Cao hơn nữa thì nên tổ-chức những nhóm quân-nhân học-lực tương-đương với trình-độ Tiểu-học, Trung-học đệ-nhứt cấp v.v... Những nhóm này, gồm quân-nhân đồng trình-độ học-thức, sẽ thực-hiện việc trao-đổi ý-kiến, tài-liệu, và không có tánh-chất lớp học. Những người trình-độ thật cao sẽ nghiên-cứu riêng và sẽ làm cố-vấn cho những nhóm thấp kém hơn. Việc học-tập sẽ được kiểm-soát và theo-dõi. Phương-tiện sẽ được đơn-vị cung-cấp một phần. Từ đơn-vị Tiểu-Đoàn trở lên, có thể bắt đầu có một thư-viện gồm, chẳng những sách quân-sự, mà còn thêm sách văn-hóa.

Ngoài hình-thức trên, quân-đội có thể mở những trường văn-hóa dành riêng cho quân-nhân. Những trường này sẽ thực-hiện chương-trình ngang với trình-độ Trung-học đệ-nhứt cấp, có phần nặng về toán-học và sử-ký, địa-dư hơn. Trường dành ưu-tiên cho quân-nhân chiến-đấu lâu năm. Giáo-viên của trường tức-nhiên phải có những điều-kiện học-lực của những trường Trung-học chánh-quy. Trong hoàn-cảnh hiện tại của nước nhà, thiết-tưởng không ngần-ngại gì xây-cất nó bằng tranh lá cho rẻ tiền, miễn là rộng-rãi và hợp vệ-sinh. Cần-thiết là nội-dung của trường.

Vấn-đề khuyến-kích quân-nhân học thêm cũng cần được chú-ý và cần có những đặc-ân cho họ trong việc thi-cử. Những đặc-ân này có thể tỷ-lệ với sự thâm-niên của một quân-nhân trong quân-đội.



Đối với một nước vừa thoát khỏi tình trạng thuộc-địa, vấn-đề học-tập văn-hóa có lẽ phải được đề-cao trong mọi ngành. Đối với quân-đội, nó sẽ tạo cho quân-nhân những nền-tảng vững-chắc để xây-dựng những tiến-bộ về kỹ-thuật, chiến-thuật. Hơn nữa, nó sẽ là một đường-lối lành-mạnh mở trước quân-nhân để thu-hút những tư-tưởng và hoạt-dộng tinh-thần của họ.

Có những quân-nhân chiến-đấu rất oanh-liệt, được chiến-hữu mến thương nhiều, tiến lên đến một chức-vụ nào đó rồi đứng

lại. Dù cấp trên cố-tâm nâng-dỡ, đưa-dắt nhưng không cất nhắc họ lên được. Họ buồn phiền khi thấy các bạn đồng-cấp xưa kia, lần lượt trở nên cấp trên họ, càng ngày càng cao. Kinh-nghiệm cho thấy nguyên-nhân đa-số trường-hợp đáng buồn đó là trình-độ văn-hóa thấp kém, yếu-tố làm trở-ngại cho việc trau-đồi quân-sự và tiến-bộ của họ. Vậy cần phải nghĩ đến họ tức là phải nghĩ đến vấn-đề học-tập văn-hóa trong Quân-đội vậy.

PHẠM-NGỌC-THẢO

■ CÂU CHUYỆN TRÁI CAM CỦA LƯU-CƠ

Ở Hàng-Châu, có người bày ra chợ bán một thứ cam bẽ ngoài rất đẹp, rất ngon, trông như vàng, như ngọc. Ta mua một trái đem về bóc ra thì hơi xông lên mũi, mùi xát như xơ rừa. Ta bèn ra chợ hỏi người bán cam :

— Chú bán cam cho người ta làm của cúng lễ, đãi khách, hay lừa bịp người ta lấy tiền ? Chú giả-dối đáng trách lắm ?

Người bán cam cười đáp :

— Tôi làm nghề bán cam đã bao lâu nay, bán đã bao nhiêu trái, không hề thấy một ai trách móc, đến nay chỉ mới thấy có ông.— Đó là tại ông không chịu suy xét kỹ, chứ thiên-hạ thiếu gì người giả-dối hơn tôi. Ông thử xem : có người đeo hồ-phù, ngồi đa hồ, hùng-dũng trông rõ ra vẻ võ-quan, mà không biết có được giỏi như Tôn-Tấn, Ngô-Khởi không ?— Có người đội mũ cao, đóng đai dài, uy-nghi, trông rõ ra vẻ văn-quan, mà không biết có được giỏi như Y-Doãn, Cao-Dao không ?— Giặc nổi không biết dẹp, dân khò không biết cứu, quan-lại tham-nhũng không biết trừng-trị, pháp-độ hồng-nát không biết sửa-đổi, ngồi không ăn lương không biết mắc-cổ. Thế mà khi ở thì ở nơi dinh-thự xán-lạn, khi ăn thì ăn toàn thức ngon vật lạ, khi đi thì đi toàn bằng ngựa xe, vông cáng ; lúc nào cũng oai-nghi hách-dịch vô cùng.— Những hạng ấy bẽ ngoài chẳng như vàng như ngọc, mà trong thì chẳng xát-xơ là gì ?— Sao ông không trách những hạng người đó, mà lại trách tôi làm gì ?

Ta nghe nói nín thính, không biết đáp lại làm sao, nghe giọng khôì-hài của người ấy, ta đoán hoặc giả người ấy ghét kẻ gian-ngoa, giả-dối, bịa ra câu chuyện trái cam để răn đời chăng ?

LƯU-CƠ

HAI GIAI - ĐOẠN CỦA CHỦ - NGHĨA QUỐC - GIA

MAURICE DUVERGER

MỸ-QUÝ lược-dịch

Có những nước, xưa kia nổi danh trong việc nêu gương tranh-đấu giải-phóng dân-tộc mình, và đề-cao việc tôn-trọng tự-do con người, nay lại chủ-trương đàn-áp phong-trào giải-phóng ở các nước khác, và xúc-phạm đến nhân-quy ngay trong nước họ. Tại sao có mâu-thuân đó ? Chúng tôi xin lược-dịch bài của ông Maurice Duverger đăng ở báo « Le Monde » số 377 để chúng ta thêm sáng-tò vấn-đề.

NẾU phân-tích sâu-sắc, ta thấy rằng chủ-nghĩa quốc-gia cũng như tất cả các lý-thuyết, có thể có nhiều ý-nghĩa rất khác nhau ; nó có thể phụng-sự những lý-tưởng và quyền-lợi trái ngược ; ta phải cho nó là « tốt » trong trường-hợp nào đó và « xấu » trong trường-hợp khác.

Đại-cương, ta có thể chia ra hai loại chủ-nghĩa quốc-gia, thích-ứng với hai thời-kỳ của cùng một cuộc tiến-triển. Thời-kỳ thứ nhất hướng một dân-tộc bị-trị chống lại một dân-tộc hay những dân-tộc thống-trị : nó bộc-lộ một ý-chí muốn được sống như một quốc-gia độc-lập. Đó là những cuộc khởi-nghĩa của dân-tộc ở Âu-châu, Mỹ-châu hồi thế-kỷ XIX và tràn-lan ở Á - châu, Phi - châu ngày nay. Chủ - nghĩa quốc - gia đó giải - phóng con người và tiến-bộ vì nền độc-lập của một nước là một trong những điều-kiện để có thể thực-hiện tự-do cá-nhân của dân-tộc nước ấy. Lúc đầu, nền độc-lập của

một quốc-gia mới mẻ có thể diễn ra trước mắt dân-chúng nước ấy bằng một sự hỗn-độn về hành-chánh, một mức sống thấp kém, một sự giảm-sút về tự-do cá-nhân, tóm lại bằng một sự thoái-bộ. Tuy thế, nền độc-lập ấy tạo ra những điều-kiện cho một cuộc tiến-bộ trường-kỳ và bền-vững. Vì, dù chế-độ bảo-hộ có khoan-hồng đến đâu, nó luôn luôn xuyên-tạc ý-thức tự-do, chớ không thể nào đem lại tự-do thực-sự. Dân-tộc một nước mới trưởng - thành, thường hay muốn đả-phá những gì có liên-hệ với chế-độ cũ. Do đó, xảy ra những khuynh-hướng quá-khích gây thiệt-hại, tuy nhứt thời, nhưng không phải nhỏ. Dù vậy, người ta vẫn thích hơn là sống mãi trong tình-trạng bị đô-hộ.

Nhưng còn một hình-thức khác của chủ-nghĩa quốc-gia có thể xuất-hiện khi hình-thức đầu được thỏa-mãn. Nó chứng tỏ lòng ích-kỷ của một nước không chịu công-nhận rằng, tự-do của họ phải được hạn-chế

ở chỗ tôn-trọng tự-do của những nước khác. Chủ-nghĩa bài-ngoại, sùng-chủng, đế-quốc là những biểu-hiện chánh của loại chủ-nghĩa quốc-gia thứ nhì. Kẻ bị-trị cũ, tới phiên họ, lại không ngần-ngại đóng vai trò thống-trị. Có những nước đỡ hơn thì chỉ đến mức coi thường những quy-ước quốc-tế. Họ muốn kẻ khác tôn-trọng họ, còn họ thì chẳng cần có bõn-phận gì đối với ai cả. Loại chủ-nghĩa quốc-gia ấy thoái-hóa và phản-động. Về chánh-trị nội-bộ, nó dùng để dẹp tan những yêu-cầu của các giai-cấp hay của những nhóm người bị áp-chế và bênh-vực quyền-lợi của những hạng người có đặc-quyền : Họ thù ghét những chuyện mơ-hồ về thống-nhất lực-lượng để thiết-lập một cộng-đồng quyền-lợi giữa kẻ bóc-lột và kẻ bị bóc-lột, tức-nhiên có lợi cho kẻ bóc-lột.

Chủ-nghĩa quốc-gia cũng đòi phe khi nội-dung nó thay đổi. Hồi thế-kỷ XIX, ở Âu-châu, nó thuộc về lý-thuyết của phe tả : chủ-nghĩa tự-do và chủ-nghĩa quốc-gia là hai mặt của một tư-tưởng, đối-lập của chủ-nghĩa thủ-cụu. Chủ-nghĩa này mơ-ước duy-trì những chế-độ và quyền-thế cò-truyền. Mãi đến đầu thế-kỷ XX ở Pháp, phe hữu mới theo bước cũ của phe tả, đứng ra bênh-vực chủ-nghĩa quốc-gia, nhưng lại khóa cho

nó một ý-nghĩa khác hẳn lúc trước. Sự thay đổi vai trò của hai phe ăn khớp với việc chuyển-hướng từ giai-đoạn thứ nhứt đến giai-đoạn thứ nhì của chủ-nghĩa quốc-gia.

Những biến-chuyển nói trên cắt nghĩa tại sao có những người Pháp ủng-hộ chủ-nghĩa quốc-gia của dân-tộc Phi-châu và Á-châu, nhưng đồng-thời chống lại chủ-nghĩa quốc-gia của những người Pháp hay người Âu chủ-trương chiến-tranh thuộc-địa ở hai châu kia.

Loại chủ-nghĩa quốc-gia thứ nhứt (ở Phi-châu, Á-châu) thuộc giai-đoạn giải-phóng và tiến-bộ ; loại chủ-nghĩa quốc-gia thứ nhì (ở Pháp và Âu-châu hiện nay) thuộc giai-đoạn thoái-hóa và đế-quốc. Song các sự-khien không phải rõ-rệt như thế. Trong nhiều xứ ở Á-châu hay Phi-châu, bọn phong-kiến kích-thích tinh-thần dân-tộc của đại-chúng để làm họ xao-lãng những áp-bức đang đè nặng lên họ. Hai loại chủ-nghĩa quốc-gia phát-triển cùng một lúc. Dầu sao, độc-lập quốc-gia là một bước cần-thiết trên con đường giải-phóng dân-tộc : sự bóc-lột trong nước chỉ có thể được xóa bỏ thật tình, khi quyền áp-chế của ngoại-bang chấm dứt.

MỖI CUỘC ĐỜI là một con đường. Con đường mở ra không phải để cho ta an-giấc hay nghỉ-ngơi, mà để cho ta bước đi trên đó.

P. DRIVE

LÚC NÀO ngắm thấy cái huyết đào nhẵn-nhụi, trông thấy cái mồ đắp chắc-chắn, ngó thấy người đi đưa cách-biệt hẳn mình, lúc bấy giờ mới là lúc được nghĩ.

Lời KHÔNG-TỬ theo Gia-Ngữ

PANTJA - SILA CỦA CỘNG - HÒA NAM - DU'ÔNG

VỎ - THU - TỊNH

Từ xưa đến nay, các cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc cũng như các cuộc cách-mạng xã-hội giải-phóng con người, đều được, do một ý-thức-hệ, một chủ-nghĩa hay một triết-học vận-động, chuẩn-bị và phát-động hướng-dẫn. Chính cái nền-tảng triết-học tiên-phong ấy là tinh-thần, là linh-hồn cho mọi công-cuộc đấu-tranh.

Nhiều quốc-gia độc-lập đã được xây-dựng trên những cơ-sở lý-luận, trên những chủ-nghĩa, trên những căn-bản triết-học mà ta gọi là *Quốc-Cơ* của nước ấy.

Hitler đã xây-dựng Đức-quốc theo quốc-xã chủ-nghĩa. Lê-Ninh đã xây-dựng Nga-sô trên chủ-nghĩa Duy-vật Mác-xít. Người Nhật đã xây-dựng Nhật-bồn trên tinh-thần Thiên-đạo Hoàng-đạo. Ibasaud đã xây-dựng Sadë Á-Rập-bá trên nền-tảng một tôn-giáo tức là Hồi-giáo. Soekarno đã xây-dựng Nam-Dương trên cơ-sở Pantja-Sila hay là ngũ-cơ chi dân-sinh (5 nền-tảng dựng nước).

Tất nhiên, ai là người tha-thiết, hoặc hữu-trách với công cuộc cách-mạng giữ nước và dựng nước, hẳn phải ý-thức rằng công-cuộc giữ nước và dựng nước thành

hay bại là phần lớn do sự phổ-biến thâm-nhuần sâu rộng, hay hời-hợt các căn-bản triết-học, nền-tảng dựng nước mà ta gọi là quốc-cơ ấy ; vì lẽ, mọi hành-động mà không có lý-thuyết hướng-dẫn, sẽ khó lòng tiến xa và thành-tựu ; vì lẽ đã làm chính-trị, chúng ta không nên quên rằng một chủ-nghĩa khi lắng sâu vào quần-chúng sẽ có một tác-động mãnh-liệt, ít khi lường trước được và cũng vì một lẽ khần-trương mà giản-dị rằng : nếu ta không tranh-đấu để phát-huy chủ-nghĩa của chúng ta, thì nhân-dân, vốn khát-khao một cái gì để tin, để hướng theo, thế tất dễ bị lôi cuốn vào các nguy-thuyết mà đối-phương đang ráo-riết tìm mọi cách tuyên-truyền mê-hoặc.

Đề góp tài-liệu vào công-cuộc luận-giải, phát-huy quốc-cơ Việt-Nam, chúng tôi nghĩ rằng tìm hiểu quốc-cơ một nước bạn mà những hoàn-cảnh đấu-tranh cứu nước và dựng nước có thể liên-chiếu với các hoàn-cảnh Việt-Nam, là một việc làm không phải là không có phần nào bồi-ích.

Chúng tôi muốn nói đến Quốc-cơ Pantja-Sila hay ngũ-cơ chi dân-sinh của nước Cộng-Hòa Nam-Dương là một nước bạn

và láng giềng của chúng ta ở Đông-Nam-Á-Châu, một nước đã cùng một lần với chúng ta, vào mùa thu 45, vùng dậy chiến đấu đuổi Thực-dân Hòa-Lan để giành lại quyền độc-lập.

Cuộc chiến-đấu giành độc-lập vừa quân-sự, vừa chính-trị của dân-tộc Nam-Dương tuy thắng-lợi trước chúng ta 5 năm (từ 17-8-45 đến 27-12-49) song không phải là kém phần gian-khò.

Thoạt đầu, tại Nam-Dương, Thủ-Tướng đầu-tiên do Tổng-Thống Soekarno chọn ra là Sjahrir, một trí-thức say-mê chủ-nghĩa xã-hội lý-tưởng đã phản-đối chế-độ độc-đảng, dù là đảng quốc-gia chân-chính, và chủ-trương thực-hiện một cách tuyệt-đối tự-do chính-trị, khuyến-khích thành-lập nhiều đảng dù phải đối-lập nhau : đảng Quốc-gia Nam-Dương (P.N.I.), đảng Hồi-giáo (Masjumi), đảng Cộng-sản Nam-Dương (P.K.I.) v.v... đã lưu lại ngày nay một hiện-tượng phân-tán ý-chí, (nếu không là tương-phản, mâu-thuẫn sâu-sắc) trong khối dân-tộc Nam-Dương. Đó là một trong những lý-do của tính-chất bất ổn-định-không vững-chắc - của chính-trường Nam-Dương từ lúc thu-hồi độc-lập cho đến ngày nay.

Tại Nam-Dương, thực-dân Hòa-lan đã áp-dụng chính-sách « liên-bang », mưu-tạo thêm ra 15 tiểu-bang đòi tự-trị : Nam Bornéo, Tây Java, Madura, Đông và Nam Sumatra..., lợi-dụng tinh-thần cục-bộ địa-phương của các bộ-lạc khác nhau trên quần-đảo Nam-Dương, để gây chia rẽ trong khối 75 triệu dân này.

Nam-Dương đã bị xâu-xé bởi những nhóm vô-trang, hoành-hành và chiếm-cứ các vùng mà người ta cho rằng có các cựu binh-sĩ quân-đội Hoàng-gia Hòa-lan (KNIL), đã cộng-tác với quân-đội Hồi-

giáo ly-khai và dư-dãng của loạn-tướng Westerling. Thêm vào đấy, cả một khối đông-đức Hồi-giáo khăng-khăng đòi hồi-giáo-hóa nước Nam-Dương cho kỳ được, và cả một quần-chúng, cả đến bộ-đội chỉ quen thần-phục đoàn-thề hay vị chỉ-huy trực-tiếp hơn là thần-phục chính-quyền trung-wong.

Nam-Dương đã thừa-hưởng một nền « kinh-tế thực-dân », kiệt-quệ và phải đang nỗ-lực biến nó ra nền « kinh-tế quốc-gia ». Nền kinh-tế gọi là « kinh-tế thực-dân » ấy đặc-điểm là sự lệ-thuộc vào một số ít sản-phẩm xuất-cảng, luôn luôn bị ảnh-hưởng theo các giao-động của thị-trường quốc-tế như : thiếc, cao-su, dầu dừa... Năm 1953, tại Nam-Dương có đến 10 triệu người thất-nghiệp (tức 12% tổng-số dân-chúng toàn-quốc), và cứ mỗi năm, số người thất-nghiệp tăng lên trung-bình 350.000 người.

Cuối cùng, chúng ta phải nhắc đến vai trò của Liên-hiệp-quốc, vai trò của khối Tự-do, một vai trò rất quan-trọng đã quyết-định một cách đặc-biệt tại Nam-Dương :

— Đêm 18-12-48, quân-đội Hòa-lan nhảy dù xuống Djogjakarta và bắt cầm tù Soekarno, Hatta và các Bộ-trưởng Chính-phủ Nam-Dương. Liên đó, ngày 24-12-48, Hội-đồng Bảo-an của Liên-hiệp-Quốc can-thiệp, buộc Hòa-lan phải phóng-thích các nhân-vật trên và hai bên phải ngừng chiến để thương-thuyết.

Với sự can-thiệp cương-quyết cuối cùng của Mỹ, Hòa-Lan phải rút quân và ngày 27-12-49, Mohammed Hatta nhận tại Amsterdam Hiệp-Uớc do Nữ-Hoàng Juliana trao trả chủ-quyền lại cho Nam-Dương, đồng thời ngày ấy tại Djakarta, ngọn cờ Nam-Dương độc-lập trắng phau và đỏ thắm theo quốc-thiệu Indonésia

Raya (nước Nam-Dương hùng-vĩ) đã được long-trọng kéo lên, phơi-phới trong lòng 75 triệu dân Nam-Dương.

Nam-Dương đã trải qua một giai-đoạn chiến-dã rất gay-go, đau-thương và đầm máu.

Chính từ trong các hoàn-cảnh ấy : dân-tộc chia-rẽ (vì chính-sách liên-bang và vì âm-mưu xui-giục các nhóm vũ-trang ly-khai, do thực-dân gây ra) - khuynh-hướng hồi-giáo-hóa nước Nam-Dương ; - dân-sinh cơ-cực sau mấy thế-kỷ bị đô-hộ, bóc-lột ; - và vai trò quyết-định của Quốc-tế... Phải ! chính từ trong các hoàn-cảnh ấy đã được thể-hiện và hệ-thống-hóa Quốc-cơ Pantja-Sila của Nam-Dương ngày nay. Quốc-cơ ấy ngoài cái căn-bản cổ-truyền của dân-tộc, hẳn khó bề thoát ra khỏi các nguyện-vọng chính-dáng của giai-đoạn là thống-nhất dân-tộc trong cộng-đồng quốc-tế, là dung-hòa quyền-lợi quốc-gia với yêu-sách của khối Hồi-giáo cùng các tôn-giáo khác, là nhằm giải-quyết tình-hình khản-trương về kinh-tế, về dân-sinh.

Quốc-cơ Pantja-Sila, lần đầu tiên đã được Soekarno thuyết-trình tại đại-hội « Điều-tra và chuẩn-bị Độc-lập » ngày 1-6-1945 - và đã được minh-xác lại trong bài TỰA của Hiến-pháp tạm thời 1950 của Cộng-Hòa Nam-Dương.

Và nhận-định về quốc-cơ ấy, người Nam-Dương đã quan-niệm như thế nào ?

« Một nền-tảng triết-học như Pantja-Sila đề hướng-dẫn mọi hoạt-động trong đời sống chính-trị của Nam-Dương, khích-động cả một khối dân-tộc 75 triệu dân, thì quyết không phải là sản-phẩm do một khối óc tưởng-tượng sau một đêm ngủ của một cá-nhân nào đó gọi là Soekarno tạo ra đâu ; nó phải là một nhân-sinh-quan tiềm-tàng trong đời sống

của nhân-dân Nam-Dương qua bao nhiêu thế-kỷ, trong quá-trình đấu-tranh chống thực, dành độc-lập, thống-nhất xứ-sở, dần dần thành hình, kết-tinh, thể-hiện ra mà thôi ; Soekarno chỉ làm công việc cảm-thông, lãnh-hội, đề-rời diễn-đạt lại cho có hệ-thống, cái ý-chí của toàn-thể 75 triệu dân Nam-Dương. Và nếu 75 triệu dân ấy có nghe theo Soekarno, thì chẳng qua là họ đã tự nghe lấy tiếng nói của chính mình mà thôi ».

Vậy Pantja-Sila là gì ?

Là năm nguyên-tắc, năm cơ-sở. Trên 5 cơ-sở ấy, người Nam-Dương xây-dựng quốc-gia Nam-Dương : chủ-nghĩa DÂN-TỘC, chủ-nghĩa QUỐC-TẾ, chế-độ ĐẠI-NGHỊ ; xã-hội phồn-thịnh và THƯỢNG-ĐẾ.

Trong hoàn-cảnh của một nước Nam-Dương có hàng ngàn hòn-đảo, hàng trăm thổ-dân, thì chủ-nghĩa DÂN-TỘC phải được quan-niệm như thế nào trong Quốc-cơ Pantja-Sila ấy ?

Về cơ-sở thứ nhất : « chủ-nghĩa « DÂN-TỘC », Soekarno đã xác-định như sau :

« Thế nào gọi là dân-tộc ? Điều-kiện dân-tộc là thế nào ?

Căn cứ theo lời giải-thuyết của Ernest Renan thì điều-kiện của dân-tộc là Ý-CHÍ ĐOÀN-KẾT ; và định-nghĩa Dân-tộc là một đám người tự-giác đoàn-kết và ý-nguyện đoàn-kết.

Chúng ta lại xem qua câu định-nghĩa của một sử-gia khác, Otto Bauer, về dân-tộc là gì ? Đáp : Dân-tộc là ĐỒNG VẤN-MỆNH mà sản-sinh ra « tánh cộng-đồng xã-hội ».

... Định-nghĩa của Renan thật củ-kỹ lắm rồi mà câu định-nghĩa của Bauer

cũng lỗi thời nữa. Là vì trong thời-gian Renan còn sống và đương thời của Bauer thì khoa-học gọi là địa-chính-học (géopolitique), bàn về mối liên-hệ giữa NGƯỜI và ĐẤT tức là mối liên-hệ giữa nhân-loại và địa-lý, chưa xuất-hiện.

Nhân và Địa không thể tách rời, Không thể đem nhân-dân và đám đất chúng đạp dưới chân mà phân chia hẳn ra hai đàng được. Renan và Bauer chỉ trông thấy nhân-dân, chỉ nghĩ đến Người mà thôi ».

Đối-chiếu vào hoàn-cảnh của Nam-Dương, Soekarno đã dẫn chứng như sau :

« Hãy lấy xứ Menangkabau làm điển-hình. Trong dân-tộc Nam-Dương có nhóm Menangkabau độ 2 triệu tuổi người rất giàu ý-chí đoàn-kết. Nhóm này tự cho là một gia-tộc. Nhưng xứ Menangkabau không phải là một nước, mà là một đơn-vị nhỏ trong một nước. Các xứ Madura, Djogja, Pasundan... cũng vậy.

Cho nên, nói một cách đơn-giản thì dân-tộc Nam-Dương không phải một đám người chỉ căn cứ vào « ý-chí đoàn-kết », mà sinh-hoạt trên một địa-vực nhỏ hẹp như Menangkabau hay Madura hay Djogja hay Pasundan hay Macassar... song dân-tộc Nam-Dương là tất cả những con người, theo địa-chính-học đã từng sống trên toàn cõi quần-đảo Nam-Dương này từ mũi Sumatra phía Bắc đến Papua phía Nam..

Hai lần trong lịch-sử Nam-Dương, nước ta đã thống-nhất thành một Quốc-gia dân-tộc : Đó là triều-đại Çrivijaya (từ thế-kỷ thứ 7 đến thế kỷ 13), và triều-đại Mojopahit (từ cuối thế-kỷ 13 đến đầu thế-kỷ 16).

Quốc-gia dân-tộc là do nước Nam-Dương lập thành ra, tức là theo khuôn-khò của thời-đại Çrivijaya và Mojopahit, mà cũng là khuôn-khò mà hiện giờ chúng ta cần phải chung sức xây-dựng ».

Đề riêng sự can-thiệp quyết-dịnh của Hội-đồng Bảo-an, của nước Mỹ đã giải-thoát cho chính bản-thân Soekarno, và cho dân-tộc Nam-Dương ra thì hẳn vì lý-do quân-sự nhằm thực-hiện một công-trình vĩ-đại và rất khó-khăn là bảo-vệ cho kỳ được ngót 3 ngàn hòn đảo của Nam-Dương nằm trên 2 triệu cây số vuông khối họa-xâm-lãng, vì lý-do kinh-tế nhằm bảo-vệ các tài-nguyên rất phong-phú mà nền kỹ-nghệ phôi-thai của Nam-Dương chưa thể khai-thác đúng mức khỏi sự bóc-lột, lợi-dụng của các tư-bản ngoại-quốc, vì lý-do địa-thể của Nam-Dương ở giữa Á-châu và Úc-Châu, giữa hai giòng biển Ấn-độ-dương và Thái-bình-dương, trên con đường giao-thông quốc-tế, và vì lý-do bản-tính của dân-tộc Nam-Dương vốn ưa chuộng hòa-bình và khao-khát được giữ niềm giao-hào với tất cả các nước bạn khác trên hoàn-cầu, nên Soekarno đã bàn-cập đến chủ-nghĩa QUỐC-TẾ trong Pantja-Sila. Một số người khi nghiên-cứu về Pantja-Sila và đường lối chánh-trị của Soekarno, nông-nổi kết-luận rằng Soekarno đã ngã hẳn theo chủ-nghĩa quốc-tế Cộng-sản. Nếu cần thì chúng ta cũng nên nhắc lại rằng chính Soekarno vào năm 1948 đã tạo-thành tận gốc bọn phiến-loạn Cộng-sản tại Madiun và Surakarta và đã xử-tử hai lãnh-tụ Cộng-sản Nam-Dương là Muso và Sjarifuddin, và chính Soekarno, trước khi bàn-cập đến chủ-nghĩa quốc-tế, đã minh-dịnh thái-độ « chống lại chủ-nghĩa đại-dồng » của mình như sau :

« Tôi xin thú thật rằng năm tôi lên 16 tuổi, trong lúc theo học tại một trường trung-học ở Hòa-Lan, tôi bị ảnh-hưởng của một giáo-sư thuộc chủ-nghĩa xã-hội, ông Baars. Ông ấy bảo « không cần tin-tưởng chủ-nghĩa dân-tộc, hãy tin-tưởng vào chủ-nghĩa nhân-đạo đại-dồng thế-giới. Nên tẩy sạch đừng còn một tý gì về ý-thức chủ-nghĩa dân-tộc ! ». Đó là câu chuyện năm 1917. Nhưng đến năm 1918, (cảm tạ Thượng-Đế) một người đã thức tỉnh tôi dạy là Tôn-Trung-Sơn tiên-sinh. Sách « Tam-dân chủ-nghĩa » do tiên-sinh trước-tác, đã đánh tan chủ-nghĩa đại-dồng thế-giới mà ông Baars đã truyền-nhiệm tôi. Từ đó về sau, « tam-dân chủ-nghĩa » đã gieo sâu vào tôi tư-tưởng chủ-nghĩa dân-tộc. Vì vậy muốn nói về dân-tộc Trung-Hoa, nên nhìn nhận Tôn-Trung-Sơn làm lãnh-tụ, mà Soekarno này là một người Nam-Dương cảm-kích Tôn-Trung-Sơn đến giờ phút cuối-cùng ».

Thế thì cơ-sở thứ hai của Pantja-Sila là chủ-nghĩa Quốc-tế song nhất-định không phải là quốc-tế đại-dồng thế-giới theo lối Cộng-sản đầu !

Sau khi lưu-ý đến hiểm-họa của một chủ-nghĩa dân-tộc chật hẹp : « Chủ-nghĩa dân-tộc bao-hàm tính chất nguy-hiểm. Nguy-hiểm vì có thể khiến một hạng người đem dân-tộc chủ-nghĩa này biến thành chủ-nghĩa dân-tộc chật hẹp, đến nỗi chủ-trương « dân-tộc Nam-Dương trên hết »...

Soekarno bàn-cập đến chủ-nghĩa quốc-tế trên cơ-sở dân-tộc : «... Chúng ta nói chủ-nghĩa quốc-tế, mà vẫn thừa nhận dân-tộc. Nếu chủ-nghĩa quốc-tế mà không đậm rết trên chủ-nghĩa dân-tộc thì không thể nở hoa được, cũng như chủ-nghĩa dân-tộc mà

không bón tưới trong vườn hoa quốc-tế thì không thể sinh-trưởng được ».

Chủ-nghĩa quốc-tế của Quốc-cơ Pantja-Sila đã được thể-hiện trong đường-lối ngoại-giao của Nam-Dương như thế nào ?

Trong một tạp-chí có danh tiếng Foreign Affairs xuất-bản tháng 4-1953 tại Mỹ-quốc, Phó Tổng-Thống của Cộng-Hòa Nam-Dương là Mahommed Hatta đã trình-bày đường-lối đối-ngoại của nước Ông đại đề như sau :

« Đặc-điểm của Nam-Dương là ý-chí **HÒA-BÌNH**—vì hòa-bình là một điều-kiện cần-thiết cho Nam-Dương để kiến-thiết kinh-tế và nâng-cao mức sống của dân-chúng. Do đó, đường-lối chính-trị của Nam-Dương là giao-hảo với tất cả các nước nhất là với các nước láng-giềng đã từng đau-khổ dưới ách thực-dân, thân-thiện với tất cả các nước nhờ sự thực-hiện Quốc-cơ Pantja-Sila : trên căn-bản hòa-bình, tôn-trọng lẫn nhau, và không xen vào các vấn-đề nội-trị của các nước khác. Nam-Dương vừa mới độc-lập nên rất tha-thiết bảo-vệ nền độc-lập ấy. Vì những lẽ trên, Nam-Dương không theo khối Nga mà cũng không theo khối Mỹ. Và cũng không muốn gia-nhập vào một khối thứ ba nào gọi là để quân-bình lại lực-lượng của hai khối trước... Và lại, những nước mới độc-lập thường có một ý-thức quốc-gia rất mạnh-mẽ và cần phải giữ vững tinh-thần tự-trọng. Hồi tưởng lại chế-độ đô-hộ vừa qua, chúng ta không thể nào bao-dung được những hình-thức đô-hộ kiêu mới : đô-hộ về kinh-tế hay đô-hộ về chủ-nghĩa...

Đường-lối đối-ngoại của Nam-Dương không phải là **TRUNG-LẬP** mà là **Độc-lập và độc-lập tích-cực** nghĩa là : trước mâu-thuẫn của hai khối Tự-do và Cộng-sản,

Nam-Dương sẽ cố-gắng tích-cực can-thiệp, dàn xếp, đề bảo-vệ hòa-khí và làm dịu lại sự căng-thẳng giữa hai bên »...

Và cơ-sở thứ ba của Pantja-Sila là chủ-nghĩa Đại-nghị hay là chủ-nghĩa Dân chủ

Vì sao đề ra cơ-sở dân-chủ ấy ? « Vì nước Nam-Dương không phải quốc-gia của riêng một người nào, không phải Quốc-gia của riêng một nhóm nào, chúng ta cốt xây-dựng một quốc-gia « thiên hạ vì công ».

Đề trả lời cho những kẻ nào muốn chủ-trương Hồi-giáo-hóa nước Nam-Dương, Soekarno giải-thích :

« Nhưng nếu các ngài mò bụng tôi ra đề quan-sát tim tôi, các ngài sẽ thấy được một trái tim của Hồi-giáo. Thế mà, trái tim Hồi-giáo của Soekarno này lại hướng về chế-độ đại-nghị đề bảo-vệ Hồi-giáo ?

Vì nếu quả chúng ta là tín-đồ Hồi-giáo thì sao lại không đề cho chúng ta nỗ lực hoạt-động khiến cho một phần lớn đại-biểu trong Quốc-hội lọt vào tay Hồi-giáo, vì Hồi-giáo thật đã chiếm phần lớn nhân-dân Nam-Dương, và Hồi-giáo thật là một tôn-giáo phát-đạt nhất trong quần-chúng... Giả tí trong hội-nghị có 100 hội-viên, nếu ta dựa vào nền-tảng đại-nghị hay dân-chủ mà hoạt-động ráo-riết đề chiếm 60, 70, 80, 90 ghế cho Hồi-giáo, thì tức là Hồi-giáo đã chiếm phần thắng-lợi rồi đó ».

Và cái tinh-thần đại-nghị hay dân-chủ ấy sẽ như thế nào ?

« Trong nghị-hội nhân-dân sẽ cần có sự biện-luận kịch-liệt về chủ-trương. Nếu một quốc-gia thiếu sự đấu-tranh về chủ-nghĩa, trong cơ-cấu đại-biểu thiếu về sôi-mồi giống như núi Hỏa-diệm-sơn, thì

quốc-gia ấy chưa phải là hoạt-động...

« Giả tí như các đồng-chí Cơ-đốc-giáo muốn rằng pháp-luật của Nam-Dương, mỗi chữ đều phải phù-hợp với Thánh-kinh, thì xin các đồng-chí ấy hãy nỗ-lực hoạt-động làm thế nào cho đa-số đại-biểu của Cơ-đốc giáo được tiến vào ghế hội-nghị nhân-dân. Đó mới là công-chánh.

Không một quốc-gia nào xứng được gọi là quốc-gia hoạt-động nếu ở trong nội bộ thiếu sức đấu-tranh.

Đừng nói rằng ở Thồ-nhĩ-Kỳ không có sự tranh-đấu, đừng cho rằng ở Nhật-bồn không có sự bất-đồng trong chính-kiến. Thượng-đế cho chúng ta tư-tưởng là khiến cho chúng ta mỗi ngày phải sinh-hoạt không ngừng, phát-sinh, mất xát, giống như gáo gạo bỏ trâu, đợi đến khi hạt gạo đẹp, trắng đề làm thực-phẩm cho nước Nam-Dương chúng ta ».

Cơ-sở thứ tư của Pantja-Sila là nền-tảng xã-hội phồn-thịnh

« Có phải chăng chúng ta chỉ cầu một nước Nam-Dương độc-lập hoành-hành bởi những nhà tư-bản mà thôi ; hay là một nước Nam-Dương mà toàn-thể dân-chúng được sống trong hòa-bình, yên-lĩnh, được no cơm ấm áo, và được êm-ấm trên giang-sơn tồ-quốc chúng ta ? Chúng ta chọn lấy một trong hai cái này. Đừng có nghĩ rằng đã có Đại-nghị nhân-dân thì tức khắc có thịnh-vượng no-ấm. Thử xem các nước Châu Âu cũng có đủ cơ-cấu đại-biểu, cũng có chế-độ dân-chủ quốc-hội, mà lại vẫn bị tư-bản lộng-hành đó chẳng ? Đó là chỉ vì chế-độ nhân-dân hội-nghị ở đây hoàn-toàn mô-phỏng theo phương-thức cách-mạng của Pháp mà bào-chế lại. Gọi là dân-chủ chỉ có dân-chủ trên chính-trị thôi. Không có một xã-hội công-chính, không

có một nền kinh-tế dân-chủ .. Ở nghị-trường, các đại-biểu lao-công có thể lật đổ một nội-các. Nhưng ở trong sở công-tác của họ, ở trong công-xưởng thì thế nào ? Ngày nay, họ có thể buộc một Thủ-tướng từ chức ; song sáng hôm sau họ có thể bị đuổi ra ngoài đường, họ sẽ thất-nghiệp..

« Nếu chúng ta tìm một nền dân-chủ, thì không cần đến nền dân-chủ của châu-Âu song... một nền KINH-TẾ DÂN-CHỦ, khả-dĩ đem lại sự phồn-thịnh cho xã-hội chúng ta. Dân-tộc Nam-Dương từ lâu đã bàn-cập đến vấn-đề này : chúng ta gọi Ratu Adil là « Thần công-chính ». Thần công-chính đó tức là sự công-bằng xã-hội. Vì lúc ban đầu, nhân-dân cảm thấy thiếu cơm, thiếu áo, nên mong muốn có một xã-hội công-bằng hơn dưới sự phù-trợ của thần công-chính Ratu Adil. Như thế thì dân-tộc Nam-Dương từ lâu đã hiểu và ưa thích nguyên-tắc xã-hội công-chính rồi. Cho nên đối với chúng ta, xã-hội công-chính đây không phải chỉ là bình-đẳng về chính-trị, mà cả trong địa-hạt kinh-tế nữa. Chúng ta phải xây-dựng công-bằng và phồn-thịnh chung đến tột mức ».

Và cuối cùng cơ-sở thứ năm của Pantja-Sila là Thượng-Đế duy-nhất.

« Chẳng những nhân-dân Nam-Dương phải có tín-ngưỡng, mà mỗi người dân Nam-Dương phải tín-ngưỡng Thượng-đế riêng của mình.

Tin-đồ Thiên-chúa giáo phải thờ-phụng Đức Chúa Trời theo lời dạy bảo của Chúa Ki-tô, tín-đồ Hồi-giáo phải thờ-phụng Thượng-đế theo chỉ-thị của nhà Tiên-tri Mahomet, tín-đồ Phật-giáo phải theo kinh-điển nhà Phật mà thi-hành lễ-bái.

Tất cả chúng ta đều tin vào một đấng Thượng-đế. Nước Nam-Dương sẽ là một

nước mà ai cũng có quyền thờ-phụng đấng Thượng-Đế của mình một cách tự-do... không bao-hàm lòng « tín-ngưỡng chặt-hẹp », và nước Nam-Dương phải là một nước có tín-ngưỡng nói chung.

Theo đạo này, theo đạo khác, Hồi-giáo hay Thiên-chúa giáo... chúng ta tôn-trọng khoan-dung lẫn nhau để xây-dựng một nước Nam-Dương độc-lập trên lòng tin một Thượng-Đế duy-nhất ».

Và để kết-luận, Soekarno đã thuyết-trình trước đại-hội ngày 1-6-1955 như sau :

« Nền-tảng của chúng ta là : chủ-nghĩa dân-tộc, chủ-nghĩa quốc-tế, chế-độ đại-nghị, xã-hội phồn-thịnh và tôn-giáo, tổng cộng là năm cơ-sở... Trên năm cơ-sở này, chúng ta xây-dựng quốc-gia Nam-Dương ta được bền vững lâu dài ».

Kiểm-diểm lại năm cơ-sở ấy, Soekarno nhấn mạnh về tương-quan giữa Pantja-Sila và tinh-thần của xã-hội Nam-Dương.

Hai cơ-sở trên : chủ-nghĩa dân-tộc và chủ-nghĩa quốc-tế, theo Soekarno, có thể hợp lại thành một chủ-nghĩa mệnh-danh là chủ-nghĩa xã-hội dân-tộc.

Còn hai cơ-sở tiếp theo : chủ-nghĩa đại-nghị (hay dân-chủ) và chủ-nghĩa xã-hội phồn-thịnh có thể hợp lại thành một chủ-nghĩa mệnh-danh là chủ-nghĩa dân-chủ xã-hội. Không phải chủ-nghĩa dân-chủ xã-hội theo nghĩa Âu-Châu, mà là chủ-nghĩa dân-chủ về chính-trị kinh-tế trên căn-bản xã-hội công-chánh cơ-truyền của dân-tộc Nam-Dương như đã nói trên.

Thế tức là bốn cơ-sở đầu gom lại thành hai cơ-sở thôi, cộng với cơ-sở thứ năm là « Tôn-giáo hay Thượng-Đế duy-nhất », vị chi là còn lại ba cơ-sở.

Và rốt cuộc ba cơ-sở ấy : chủ-nghĩa xã-hội dân-tộc, chủ-nghĩa dân-chủ xã-hội

và lòng tin vào Thượng-Đế, chúng qui còn có thể gom lại thành một :

« Nếu tôi đòi năm cái (Pantja-Sila) thành ra ba (Trisila), lại đòi ba cái thành ra một cái (Ekasila) ; cái này tôi có thể dùng một danh-từ Nam-Dương nói ra đây, tức là Gotong Rojong (Cộng-đồng lạc vân : cùng vui cùng làm). Chúng ta xây-dựng một nước Nam-Dương cùng vui cùng làm vậy ».

Gotong Rojong hay « Cộng-đồng lạc vân » là quan-niệm sinh-hoạt có phần tích-cực hoạt-động hơn so với chủ-nghĩa gia-tộc. Quan-niệm chủ-nghĩa gia-tộc có tính-cách bình-lĩnh, mà cộng-đồng lạc vân thì biểu-lộ ra một sự-nghiệp, một lòng NHÂN-ÁI, một thứ HÀNH-ĐỘNG, tức là như câu của Ủy-viên Soekardjo đã nói « Satu karjo, satu gawé » (một lo, một làm, tức là cùng lo, cùng làm). Có việc thì cùng chung lo, có việc thì cùng chung làm. Gotong Rojong là sự hành-động phấn-đấu của một loạt HY-SINH, một loạt LAO-KHỔ, một loạt HỖ-TRỢ và HỢP-TÁC. Nó lợi-ích cho cả đại-chúng đồ mồ-hôi vì hạnh-phúc tất cả. Và vì lợi-ích, đại-chúng không phiến-hà. Gotong Rojong là thế đấy !

Nguyên-tắc hỗ-trợ, hợp-tác giữa giàu và nghèo, giữa Hồi-giáo và Cơ-đốc giáo, giữa Nam-Dương và giống pha lộn của kẻ nhập-tịch Nam-Dương, cũng đồng một thế cả ! ٢.



Như Soekarno đã vừa phân-tích, trước hết cái căn-bản hạ-tầng của năm cơ-sở trong Pantja-Sila đã xây-dựng trên một quan-niệm cổ-truyền của Nam-Dương là Gotong Rojong hay Cộng-đồng lạc vân.

Cái quan-niệm này là hậu-quả tất-nhiên

của hoàn-cảnh địa-lý, của Nam-Dương từ xưa đến nay : một quần-đảo gồm có trên 3.000 hòn đảo, hơn 100 thổ-dân với ngôn-ngữ khác nhau, phân-biệt thành mấy chục daerahs hay tiểu-bang, giữa ngã tư đường quốc-tế, giữa hai lục-địa Á và Úc, giữa hai biển lớn Thái-bình-dương và Ấn-độ-dương. Như thế, muốn sống hòa-bình với nhau và với các nước khác, tất nhiên phải sống trong một tinh-thần cộng-đồng hòa-bình : là cùng vui, cùng làm, cộng-đồng lạc vân hay Gotong Rojong.

Quốc-cơ Pantja-Sila, phần nào lại được xây-dựng trên những hoàn-cảnh giai-đoạn của Nam-Dương ngày nay : một nước nông-nghiệp, kỹ-nghệ hầu như không có, dân-sinh cơ-cực qua mấy thế-kỷ bị đô-hộ, nay vừa mới thu-hồi được độc-lập. Từ những hoàn-cảnh ấy tất nhiên phát-sinh các khuynh-hướng hoạt-động đặt nặng về kinh-tế, về xã-hội phồn-thịnh.

Cũng không thể không nhìn-nhận rằng Pantja-Sila đã chịu ảnh-hưởng của Hồi-giáo. Soekarno xác-định rằng nếu chỉ lấy Hồi-giáo làm cơ-sở duy-nhất cho Nam-Dương thì sẽ đưa nước Nam-Dương vào một lối bế-tắc là sự giao-tranh giữa các tôn-giáo. Song mặt khác, chính Soekarno lại nhìn-nhận rằng trong Quốc-cơ Pantja-Sila vẫn có nhiều giáo-lý của Hồi-giáo mà ông cũng như đa-phần dân-tộc Nam-Dương là những tín-đồ trung-thành.

Nhưng lại chính ngay từ trong cái hoàn-cảnh địa-lý ấy, chính ngay từ trong các hoàn-cảnh giai-đoạn ấy, lại xuất-hiện ra những trở-ngại căn-bản, ảnh-hưởng đến sự thống-nhất và chấn-hưng nước Cộng Hòa Nam-Dương.

Vốn từ xưa phân-chia thành nhiều daerahs rải-rác trên hàng ngàn hòn đảo,

nền dân-tộc Nam-Dương quen sống trong tình-thần cục-bộ địa-phương. Trước hiềm-họa xâm-lãng chung, thì toàn-dân đoàn-kết, thống-nhất ý-chí. Song đến lúc độc-lập rồi, đến lúc nguy-cơ đe-dọa chung không còn nữa, thì các mâu-thuẫn về khuynh-hướng cũng như quyền-lợi lại thấy xuất-hiện ra.

Soekarno cũng như những người cộng-tác với ông cố-gắng thực-hiện thống-nhất (tức là thực-hiện chủ-nghĩa dân-tộc của Quốc-cơ Pantja-Sila), song đã gặp phải bao nhiêu phản-ứng gay-go : Miền Đông Nam-Dương chống lại chính-quyền trung-ương để lập « Cộng-Hoà Nam Mollusques », các địa-phương khác lục-tục đòi thoát-ly... Chính-quyền trung-ương và nhất là Soekarno đã hứa rằng ngoài đảo Java ra, các địa-phương khác sẽ được phần nào tự-trị. Song cho tới ngày nay, lời hứa ấy không được thực-hiện. Cộng-Hoà Nam-Dương vì thiếu cán-bộ chánh-trị và chuyên-môn, vô-tình hay cố-ý, đã theo một đường-lối chính-trị gọi là « Java hóa » Nam-Dương và chia nước Nam-Dương ra từng tỉnh mà thường sự phân-cắt không thể theo nguyên-vọng tự-trị của các địa-phương. Do đó, ngấm ngấm trong các daerah có một sự phẫn-uất chung...

Bên cạnh cái mầm phẫn-uất ngấm ngấm ấy, lại còn kẻ ảnh-hưởng của vai trò các lãnh-tụ. Thời xưa là vai trò của các Sultan, dần dần các Sultan theo chế-độ Phong Thục mà bị hạ uy-thế, nhường chỗ lại cho lớp trí-thức cách mạng, và tuy sau 1945, gần 30 đảng-phái chính-trị chính-thức xuất-hiện, song phần lớn giữa các đảng-phái vẫn không thấy chương-trình sai-biệt nhau bao nhiêu nên chung-quì yếu-tố thành-lập đảng vẫn là yếu-tố lãnh-tụ, yếu-tố cá-nhân.

Mặt khác, quân-đội thành-lập và trưởng-thành trong hoàn-cảnh đấu-tranh cách-mạng, cho nên vẫn quen lối sinh-hoạt, tham-gia đảng-phái chính-trị, thêm vào đây vai trò người chỉ-huy, tình-thần địa-phương, nên quân-đội Nam-Dương có tính-cách muốn độc-lập đối với chính-quyền trung-ương và muốn can - thiệp vào các công-cuộc chính-trị.

Chung qui Nam-Dương, tuy hiện-tại thống-nhất, song bên trong còn cả một khuynh-hướng đòi tự-trị của các địa-phương, cả một tranh-chấp giữa các lãnh-tụ, giữa các đảng-phái..., cho nên cái trở-ngại cho nền thống-nhất Nam-Dương, cho chủ-nghĩa dân-tộc của Quốc-cơ Pantja-Sila, là một trở-ngại bên trong, một trở-ngại căn-bản.

Thứ đến các hoàn-cảnh giai-đoạn, nhất là hoàn-cảnh khai-sinh cho nền độc-lập và cộng-hòa của Nam-Dương đã đem lại cho nước này những khuynh-hướng đặc-biệt.

Vốn trưởng-thành mau lẹ, vốn chưa hề có kinh-nghiệm xương máu và thiết-thực với chế-độ Cộng-sản như ở Việt-Nam, Nam-Dương một mặt không ý-thức nổi cái nguy-cơ của đế-quốc đỏ, một mặt còn hăm-hực với chế-độ thực-dân áp-bức và bóc-lột, nên một khi mới vùng dậy được, Nam-Dương không khỏi có khuynh-hướng cấp-tiến không-trởng, cụ-thể là chủ-trương tuyệt-đối tự-do dân-chủ, chủ-trương có thể sống độc-lập tích-cực giữa hai khối Tự-do và Cộng-sản. Và hậu-quả là trong công-cuộc thực-hiện chủ-nghĩa quốc-tế, dân-chủ phồn-thịnh của Quốc-cơ Pantja-Sila, Nam-Dương hiện nay bị rối ren trong sự tranh-chấp dằng-dai và phức-tạp giữa 27 đảng-phái chính-trị công-khai, hậu-quả là Nam-Dương hiện nay lâm vào thế bị xâu-xé giữa hai khuynh-hướng cổ-truyền và ngoại-lai :

một bên là tinh-thần tôn-giáo mạnh-mẽ của dân-tộc, và tinh-thần quốc-gia, chống Cộng-ráo-riết của quân đội Nam-Dương, và phần lớn các đảng chính-trị Nam-Dương mà đáng kể nhất là đảng Masjumi, một bên là đảng Cộng-sản Nam-Dương (P.K.I.) cấu-kết với hai triệu Hoa-kiều tay sai của Bắc-kinh mà các thủ-đoạn hoạt-động kinh-tế, thương-mại đã làm công-phần bất-cứ một người Nam-Dương nào có ý-thức yêu nước.



Phê-phán về Pantja-Sila, đã có nhiều ý-kiến tương-phản nhau.

George Met Kahin, trong tác - phẩm « Nationalism and Revolution in Indonesia » đã từng khen ngợi Pantja-Sila như sau :

« Người ta không thể tìm thấy trong các bản thuyết-trình chủ-nghĩa một kiểu-mẫu về tổng hợp nào có giá-trị hơn : tổng-hợp giữa các tư-tưởng của dân-chủ Tây-phương, của Hồi-giáo canh-tân, của chủ-nghĩa duy-vật Mác-xít với tinh-thần dân-chủ, cộng-đồng của thôn xóm địa-phương tạo thành một nền-tảng cho đời sống tinh-thần của xã-hội, nhất là xã-hội trí-thức chính-trị Nam-Dương vào thời hậu-chiến »

Thế mà, J.M. Van der Kroef trong bài « Conflicts of religious policy in Indonesia » đăng ở Far Eastern Survey (tháng 9-1953) có phê-bình về tính-cách « hồi-giáo hóa » của Pantja-Sila, đại-đề như sau :

« Cộng-Hòa Nam-Dương xây-dựng trên đức tin vào Thượng-Đế, và một Bộ-trưởng Tôn-giáo-vụ có trách-nhiệm trước tiên là bảo-vệ nguyên-tắc tín-ngưỡng vào một Thượng-Đế duy-nhất.

Quan-điểm ĐỘC-THẦN đã được xác-nhận một cách rõ-ràng trong Hiến-pháp.

Song xét trên thực-tế, có phải toàn-thể

dân-chúng Nam-Dương là tin theo thuyết độc-thần cả đâu ? Nguyên-tắc Thượng-Đế duy-nhất mâu-thuẫn không những với quan-niệm đa-thần của Ấn-độ giáo, vô-thần của Phật-giáo (?) mà còn mâu-thuẫn với tín-ngưỡng vừa đa-thần, vừa bài-vật của đông-đức thổ-dân trên mấy ngàn hòn đảo của Nam-Dương.

Nếu nguyên-tắc Thượng-Đế duy-nhất này phù-hợp với giáo-lý của Hồi-giáo chỉ tin-tưởng vào « Allah và một Allah thôi », thì lại mâu-thuẫn với một số các tín-ngưỡng khác và các tôn-giáo khác.

Mặt khác, làm sao dung-hòa được nguyên-tắc Dân-chủ và nguyên-tắc Tín-ngưỡng vào một Thượng-Đế duy-nhất ?

Nếu trong khối Nam-Dương có một số người vì theo một tôn-giáo, một tín-ngưỡng nào đó mà không nhận có Thượng-Đế, hoặc không công-nhận chỉ có một Thượng-Đế duy-nhất, thì theo Hiến-pháp Nam-Dương số người ấy có bị loại-trừ ra ngoài vòng pháp-luật không ? »

Và kết-luận về Pantja-Sila, Kroef đã viết :

« Lẽnh như vấn-đề chưa được nghiên-cứu thấu-triệt ; ngay trong căn-bản nội-tại cũng còn nhiều điều lơ-mờ, lẫn-lộn ».

Kề ra, cả hai ý-kiến trên, không phải là hoàn-toàn không có căn-cứ.

Quốc-cơ Pantja-Sila, như chính người Nam-Dương đã từng xác-định, không phải là sản-phẩm của một cá-nhân. Đó là công-phu của cả một khối dân-tộc từ một quá-trình tranh-đấu mà ý-thức được, rồi do Soekarno đúc-kết, hệ-thống lại mà thôi.

Pantja-Sila là một cố-gắng DUNG-HÒA các mâu-thuẫn của các hoàn-cảnh phức-tạp về chủng-tộc, tôn-giáo và kinh-tế trong xã-hội Nam-Dương vào đầu thế-kỷ thứ 20 ; một xã-hội phân-tán bởi những

zu-hướng địa-phương, bởi những tranh-chấp giữa các lãnh-tự, bởi những xung-đột giữa các đảng-phái, tôn-giáo một xã-hội mà căn-bản vốn thần-đạo và không thể dung-nạp thuyết đại-đồng của Cộng-sản quốc-tế (như Soekarno đã trình-bày) thể nhưng chủ-trương sống chung với đế-quốc Nga duy-vật và vô thần, - một xã-hội rất giàu về tài-nguyên mà dân-sinh lại cơ-cực, lâm-than vì bị thực-dân bóc-lột suốt mấy thế-kỷ...

Và Pantja-Sila, với năm cơ-sở của nó, đã nhằm mục-phiêu giải-quyết những vấn-đề khần-trương của giai-đoạn : thống-nhất cho kỳ được khối dân-tộc phân-tán ; độc-lập tích-cực trong địa-hạt quốc-tế để bảo-vệ chủ-quyền và hòa-bình cho xứ-sở ; dân-chủ hợp-tác để đoàn-kết mọi tầng-lớp ; nâng cao mức sống của nhân-dân để thỏa-mãn nguyện-vọng chung ; tin-tưởng vào Thượng-Đế duy-nhất để nhượng-bộ với khối đông-đức Hồi-giáo nhằm dung-hòa mọi mâu-thuẩn bên trong, kết-hợp cái tinh-thần cổ-hữu của dân-tộc Nam-Dương với các tư-tưởng cấp-tiến của Tây-phương bên ngoài.

Với tính-chất dung-hòa với giá-trị **TIEU-CHUẨN**, và được đúc-kết, hệ-thống lại thành một lý-luận, một chủ-nghĩa một lý-thuyết dẫn đầu, trình-bày và nhiều lần trình-bày một cách đại-chúng khả-dĩ lôi cuốn, hấp dẫn được mọi người, Pantja-Sila quả đã xứng-đáng với lời khen tặng trên đây của George Kahin.

Nhưng, nếu xét vấn-đề dưới cạnh khía khác, thì DUNG-HÒA chưa hẳn là giải-quyết được vấn-đề và đặt ra tiêu-chuẩn giai-đoạn, chưa hẳn là tìm được lối thoát trước những cái bế-tắc riêng và chung. Nhất là chính ngay trong sự DUNG-HÒA ấy lại chứa đựng những mâu-thuẩn nội-tại như Van der Kroef đã nhận-xét. Và nhất

là « Hiện nay những vấn-đề quan-trọng mà chúng ta phải giải-quyết không phải chỉ là những vấn-đề nhất thời hay ngẫu-nhiên » (lời Tổng - Thống Ngô Đình-Diệm đã nói cùng Quốc-hội lập hiến Việt-Nam ngày 17-4-56).

Xét cho cùng, với hoàn-cảnh địa-lý phân tán phức-tạp về mọi mặt, với hoàn-cảnh chính-trị chưa trưởng-thành đúng mức vì chưa nếm qua mùi cay đắng của Cộng-sản độc-tài, — như các hoàn-cảnh của Nam-Dương, — thì cũng khó mà sản-sinh một quốc-cơ nào khác hơn là Quốc-cơ Pantja-Sila có tính-cách DUNG-HÒA thỏa-hiệp, và giá-trị **TIEU-CHUẨN** giai-đoạn. Cho nên lời phê-phán của Van der Kroef tuy có quá khắt-khe, song tưởng không phải là hoàn-toàn vu-vơ.

Cái tình-trạng tranh-chấp giữa cá-nhân hai lãnh-tự Soekarno và Hatta, tranh-chấp giữa khuynh-hướng cấp-tiến không-trưởng dung Cộng và lập-trường chống Cộng của các đảng-phái quốc-gia, nhất là Masjumi và của quân-đội Nam-Dương là những phần-tử đã thiết-thực đấu-tranh cho đất nước — cái tình-trạng rối-ren, khó xử ấy tại Nam-Dương hiện nay, là một hậu-quả tất-nhiên của đường-lối Dung-hòa nhất thời nói trên.

Phỏng như Soekarno có thành-lập một Chính-phủ trung-lập không dựa vào Cộng-Sản mà cũng không dựa vào đảng Masjumi, hay thành-lập một Chính-phủ liên-hiệp đủ các đảng-phái, thì Soekarno cũng chưa có thể làm cho Nam-Dương thoát khỏi các bế-tắc của nhân-loại nói chung, của Nam-Dương nói riêng, là cái bế-tắc của chủ-nghĩa Cộng-Sản và của chế-độ Tư-bản, đề khả-dĩ đạt đến các tiêu-chuẩn đẹp-đẽ đã nêu ra trong Quốc-cơ Pantja-Sila ấy.

Vì rằng, « đứng trước những khối kinh-tế hoặc chính-trị cấu-kết thành những Gp-lực lớn lao luôn luôn uy-hiệp chúng ta », một quốc-cơ như quốc-cơ của Nam-Dương chẳng những phải « căn-cứ vào địa-lý trường-tồn của nước, vào truyền-thống nhân-dân của Dân » mà còn phải « căn-cứ vào hướng-tiến hiện tại của khái-niệm dân-chủ » tức là « hơn các

dân-tộc khác, chúng ta phải cố-gắng bội phần san phẳng mọi tranh-chấp giữa sự công-bằng xã-hội và tự-do cá-nhân để cứu-vãn CON NGƯỜI. (trích Thông-diệp của Tổng-Thống Ngô-dinh-Diệm gửi cho Quốc-Hội lập-hiến Việt-Nam ngày 17-4-1956).

VÔ-THU-TÍNH

■ NGU HAY KHÔN ?

Tề Hoàn-Công đi săn, qua một cái hang, thấy có một vị lão-trượng, liền hỏi :

— Hang này tên gọi là gì ?

Vị lão-trượng thưa :

— Hang Ngu-Công.

— Tại sao lại có tên đó ?

— Tại tôi nên mới có tên đó.

— Ta trông hình-dáng lão-trượng không phải là ngu, tại sao lại đặt tên đó ?

— Nguyên tôi có một con bò cái đẻ được một con. — Khi bò con lớn, tôi đưa đi bán, được tiền mua một con ngựa con đem về cùng nuôi với bò mẹ. — Bữa nọ, có một anh thiếu-niên căn-cứ vào cái lẽ « **bò không thể sinh ra ngựa** », ngang-nhiên bắt ngựa tôi mua đem đi mất. Tôi chịu, không cãi được. Mọi người thấy vậy đều cho tôi là ngu, và họ gọi cái hang tôi ở đây là hang Ngu-Công.

Hoàn-Công nói :

— Như vậy thì kể ra lão-trượng cũng ngu thật !

Đi săn trở về, Tề Hoàn-Công kể lại câu chuyện cho Quân-Trọng nghe. Quân-Trọng nói :

— Đó chính là cái ngu của tôi đó ! Nếu có vị vua giỏi như vua Nghiêu và có hạng bề tôi minh như Cao-Dao, thì khi nào trong nước lại có kẻ dám làm điều ngang-ngược như thế. Ngu-Công chịu đẻ mất ngựa, chắc là tại biết rõ hình-pháp ngày nay không còn được tôn-trọng. Xin nhà vua kịp ra lệnh chỉnh-đốn chính-sự lại.

Khổng-Tử nghe nói, bảo các đệ-tử rằng :

— Đệ-tử hãy ghi lấy việc đó ! Hoàn-Công là bá-quân, Quân-Trọng là hiền-thần, tuy đã là bậc khôn-ngoa mà vẫn cho mình là ngu-dại.

LÝ - THUYẾT và THỰC - HÀNH

NGUYỄN - TỬ - QUANG

CHÚNG ta bình-tâm đọc lại đoạn này này của Trang-Tử :

« Vua Hoàn-Công đọc sách ở nhà trên. Có người thợ mộc đương đẽo bánh xe ở nhà dưới, nghe tiếng đọc liền bỏ chày, đục, chạy lên nhà trên hỏi vua rằng :

— Muôn tâu lệnh bệ-hạ ! Cả dám hỏi bệ-hạ đọc những câu gì thế ?

Hoàn-Công đáp :

— Những câu của thánh-nhân.

— Thánh-nhân hiện nay có còn sống không ?

— Đã chết rồi.

— Thế thì những câu của bệ-hạ đọc chỉ là những tao-phách của cò-nhân đấy thôi.

— À, anh thợ cưa ! Ta đương đọc sách, sao dám nghị-luận ? Hễ nói phải thì ta tha, không phải thì ta bắt tội.

Người thợ mộc nói :

— Hạ-thần đây cứ lấy việc của hạ-thần làm mà xem. Khi đẽo cái bánh xe, dễ rộng thì mộng cho vào dễ nhưng không chặt ; dễ hẹp thì mộng cho vào khó nhưng không ăn. Còn làm không rộng, không hẹp, vừa vặn đúng mực thì thật tự ý hạ-thần liệu mà bày ra, tay của hạ-thần làm như đã có cái phép nhất-định, chứ miệng

thần không thể nói ra được. Cái khéo ấy, hạ-thần không thể dạy được cho con của hạ-thần ; cũng như con của hạ-thần không thể học được của hạ-thần. Bởi thế, thần năm nay đã 70 tuổi mà vẫn giữ nghề đẽo bánh xe.

Người đời cò đã chết thì cái hay của người đời cò không truyền lại được, cũng đã chết cả rồi. Thế thì những câu nhà vua học thật chỉ là những tao-phách của cò-nhân mà thôi ».

Ý của Trang-tử cũng như Tuân-tử muốn chống lại cái học của các cụ xưa chỉ biết lấy « cò » làm cốt. Điều gì của người xưa để lại, đều phải đều hoàn-toàn tuyệt đẹp, tuyệt hay đáng cho người thực-hành, tuân theo cả.

Ý của Trang-tử có phần đúng.

Nhưng ở đây, chúng ta không như Trang-tử phủ-nhận hoàn-toàn giá-trị của sách-vở của cò-nhân, cho là một thứ cặn-bã rượu (tao-phách) không dùng nữa.

Sách-vở là ghi lại những tư-tưởng, lý-luận, việc làm của cò-nhân đã kinh-nghiệm trong cuộc sinh-hoạt thời ấy. Chẳng những nó có giá-trị ở một thời mà còn giá-trị, ảnh-hưởng đến thời-dại sau. Ta đọc sách, học lý-luận là để nhận xét cái hay cái dở, cái hợp thời, cái không

hợp-thời rồi đem ra ứng-dụng với việc làm để đúc lại thành một kinh-nghiệm hoàn-hảo. Chỉ có điều đáng trách là những người quá trọng sách-vở, lý-luận của người xưa, hoặc của những người đồng thời, mà cho là « khuôn vàng thước ngọc » để bắt chước làm theo, như thế là ta đã sa vào một chủ-nghĩa giáo-điều (Dogmatisme).

Giáo-điều biến con người thành một cái máy.

Lý-thuyết là gì ?

Lý-thuyết là đem thực-tế trong lịch-sử, trong kinh-nghiệm, trong các cuộc tranh-dấu, xem-xét, so-sánh thật kỹ-lưỡng, rõ-ràng làm thành kết-luận, rồi đem chứng-minh với hoàn-cảnh thực-tế. Đó là lý-thuyết chân-chính.

Lý-thuyết như kim chỉ-nam. Nó chỉ phương-hướng cho chúng ta trong công việc thực-tế. Không lý-thuyết thì lúng túng như nhắm mắt đi đêm. Lý-thuyết trở thành một lực-lượng vật-chất khi đã thâm-nhập vào quần-chúng, biến thành hành-động.



Có những người xem được sách, xem nhiều sách. Đó là điều đáng quý nhưng chưa phải là « biết » lý-luận. Lý-luận cốt để áp-dụng vào thực-tế. Lý-luận mà không áp-dụng vào thực-tế là lý-luận suông. Dầu có xem được hàng ngàn, hàng vạn quyển lý-luận, nếu không biết đem ra thực-hành thì khác nào cái tủ đựng sách.

Lý-luận dù của những nhà văn-hào lão-huỵen hay của những nhà cách-mạng chân-chính đi nữa cũng không thể « tung ra khắp bốn biển đều là đúng cả ». Bởi thế, ta không thể coi đó là một mớ giáo-điều mà phải coi như một cây kim chỉ-nam để hành-động.

Từ chỉ-nam xa của Châu-công tiến đến cái địa-bàn ngày nay ; từ ông sấm, ông sét của Đa thần-giáo tiến đến cây thâu-lôi của Franklin ; từ tư-tưởng thần-bí của « Kinh viện triết-học » (philosophie scholastique) tiến đến Duy-vật-luận cơ-giới ; và những tác-phẩm « Vạn pháp tinh lý » (l'Esprit des lois) của Montesquieu, « Xã-hội khế-ước » (Contrat social) của Jean-Jacques Rousseau v.v... để cổ-động tuyên-truyền cho chế-độ tư-sản dân-quyền đã đánh dấu cả một tiến-triển vĩ-dại trong tư-tưởng-giới. Nếu các ông này chỉ khư-khư theo giáo-điều, không dám cải-cách hoặc làm một cuộc « cách-mạng » tư-tưởng của người thì làm sao tiến-bộ, phát-minh được.

Lịch-trình tiến-hóa của nhân-loại còn cho chúng ta biết rất nhiều lịch-sử như thế nữa.



Không phải học lý-thuyết trên mặt chữ mà ta phải học-tập lập-trường của phương-pháp xem xét vấn-đề, giải-quyết vấn-đề.

Đọc lịch-sử nước nhà, ta phải có một sự nhận-thức : Ưu-điểm trội nhất của cuộc kháng-chiến đời nhà Trần chống quân Nguyên là mưu cao, mẹo giỏi, toàn-dân đoàn-kết ; ưu-điểm trội nhất của cuộc kháng-chiến đời Hậu-Lê chống quân Minh là nhẫn-nại, dẻo-dai ; ưu-điểm trội nhất của cuộc-kháng-chiến đời Nguyễn-Quang-Trung chống quân Thanh là tấn-công nhanh chóng, mãnh-liệt.

Lịch-sử mấy ngàn năm nay của dân-tộc ta vốn có luật phát-triển và đặc-điểm dân-tộc của nó. Học-tập di-sản lịch-sử của dân-tộc, chúng ta phải dùng một phương-pháp khoa-học mà kết-luận tổng-quát có tính-cách phê-bình. Đó là những kinh-nghiệm, những của-cải quý-báu.

Độc lịch-sử là như thế. Học lý-thuyết sách-vở của người xưa cũng phải như thế.



Những nhà triết-học Trung-Hoa ngày xưa cũng có nhiều ý-kiến đối chọi nhau về vấn-đề « lý-thuyết và thực-hành ». Kẻ cho lý-thuyết (tri) và việc làm (hành) là hai việc riêng nhau như Trình Y-Xuyên, Chu-Hy, Từ-Ái ; người lại cho cả hai chỉ là một (tri hành hợp nhất) như Vương-Dương-Minh ; người lại cho « biết khó làm dễ » (tri nan hành dị) như Tôn-Văn v.v....

Điều này, chúng ta không cần phải chú-ý lắm.

Có điều quan-trọng rất cần là ta phải xét cái « tri » của con người ấy có đem ra « hành » không ? Nếu không « hành » là cái « tri » suông.

Lý-luận phải đem thực-hành. Thực-hành phải nhâm theo lý-luận. Rút kinh-nghiệm ở thực-thành bồi-bổ cho lý-luận, rồi đem ra thực-hành nữa và... cứ cái trình-tự ấy thì lý-luận mới hoàn-hảo, thực-hành mới ít lầm lẫn, sai lạc.

Lý-luận cũng như cây tên hay viên đạn. Thực-hành cũng như cái đích đề bắn. Có tên mà không bắn hay bắn lung-tung cũng như không có tên. Học mà không hành cũng như không học.

Đức Không-tử nói : « Ôn cố tri tân » (ôn điều cũ mà biết điều mới). Ôn điều cũ tức là học, biết điều mới tức là sáng-tác điều mới. Ngài thường khen thầy Nhan Hối : « Văn nhất tri thập » (học một biết mười). Học một điều mà biết được mười điều đó là con người có óc sáng-tạo, biết đem những điều đã học được (lý-thuyết) vào công việc thực-tế (thực-hành) để làm sáng tỏ cái học thêm.

Ta học cũng như con tằm ăn lá dâu. Tằm ăn lá dâu nhả ra tơ, thành một vật hữu-dụng. Nếu cái học của ta không trở thành vật hữu-dụng cho ta, cho đời thì chẳng khác nào con tằm hự, ăn lá dâu nhả ra lá dâu, không tiêu-hóa được. Tằm chết.

Áp-dụng lý-thuyết vào thực-hành chính là một luật tiến-bộ.

NGUYỄN-TỬ-QUANG

■ QUAN-NIỆM CỦA MẶC-TỬ VỀ « TRUNG-THẦN »

Văn-Quân là vua đất Lỗ-Dương một hôm hỏi Mặc-Tử :

— Có người nói với ta : trung-thần là kẻ bắt cái thì cái, bắt ngừng thì ngừng ; đề thì im, gọi thì thưa ; thấy nghĩ thế nào ?

Mặc-Tử đáp :

— Bắt cái thì cái, bắt ngừng thì ngừng, người như thế thì có khác gì cái bóng ? Đề thì im, gọi thì thưa, người như thế có khác gì tiếng vang ? Bọn tay chân mà dùng những kẻ như bóng, như vang thì có ích-lợi gì ? Cứ theo ý tôi thì chỉ có thể gọi là trung-thần, kẻ nào thấy vua lăm-lối biết liệu cách can-ngăn đưa vào điều thiện ; biết mình có điều gì hay thì khôn-ngoaan bày-tỏ cho vua vâng chịu lẽ phải ; lúc nào cũng thành-thực một lòng mà không a-dua, tìm vấy, kéo cánh, cầu lợi cho mình. Ai có được đủ bấy nhiêu điều, tôi mới gọi là trung-thần.

GIẢI-PHÓNG PHỤ-NỮ THẾ-GIỚI

MINH-PHONG

Tại sao ta cần biết phong-trào giải-phóng Phụ-nữ thế-giới ?

TỪ xưa đến nay, trên khắp thế-giới, từ nước văn-minh đến nước hậu-tiến, từ nước đi đô-hộ đến nước bị đô-hộ, Phụ-nữ luôn luôn chịu nhiều thiệt-thòi hơn nam-giới. Vì vậy, ở nước nào, P.N. cũng đứng lên tranh-đấu bình-vực quyền-lợi của giới mình, của dân-tộc mình, để mưu cuộc sống hạnh-phúc, ấm no cho P.N. và nhi-đồng. Có nước cuộc đấu-tranh giải-phóng của P.N. đã thành-công, có nước phong-trào phụ-nữ đang giành được nhiều thắng-lợi lớn, có nước phong-trào P.N. mới nhen-nhúm.

Như thế, chúng ta cần biết phong-trào giải-phóng P.N. thế-giới để thấy PNVN ta không cô-độc. Lòng hăng-hái của chúng ta sẽ tăng gấp bội khi ta biết có hàng triệu P.N. cùng đau-khò, cùng lo-lắng như chúng ta và đang tìm lối ra bằng cách đoàn-kết đấu-tranh để tự giải-phóng mình, giải-phóng giới và giải-phóng xứ-sở.

Chúng ta cũng cần biết phong-trào P.N. thế-giới để ta vững-tâm hơn vì ta thấy rõ con đường chúng ta đi là con đường đúng, con đường của chánh-

nghĩa. Ta phải noi gương các chị để thấy rõ phương-hướng đi tới của chúng ta. Đường đi còn nhiều trở-lực khó-khăn, nhưng học-tập chị em các nước tiền-tiến, chúng ta sẽ tránh những sai-lầm của các chị, còn những cái hay, ta học-hỏi, suy-nghĩ và áp-dụng.

Hơn nữa, chị em ta ngày nay, tuy trên nguyên-tắc đã được một ít quyền, nhưng di-tích của hai tầng áp-bức phong-kiến và thực-dân còn nặng, nên cuộc tranh-đấu giải-phóng P.N. còn nhiều gian-khò. Song chúng ta tin-tưởng sẽ vượt mọi khó-khăn để đi đến thắng-lợi vì chị em các nước đã thắng-lợi.

Sơ-lược phong-trào P.N. các nước

Ở đây, không thể nói hết phong-trào P.N. tất cả các nước mà chỉ trình-bày phong-trào ở mấy nước tiền-tiến để chị em ta lấy đó làm mẫu.

NƯỚC ANH : Nước Anh là một nước công-ughệ, thương-mại phát-triển mạnh và sớm nhất thế-giới, nhưng cũng là một nước bảo-thù rất nặng. Anh-quốc còn vua, nhưng luật Anh cho phép có Nữ-Hoàng. Đã có bà vua rất nổi tiếng là Nữ-Hoàng Victoria, nhưng đời sống của

đa-số P.N. không vì vậy mà sung-sướng hơn chút-nào.

Cuối thế-kỷ thứ 19 và đầu thế-kỷ 20, ở Anh có phong-trào đòi nữ-quyền rất mạnh (mouvement féministe). Một số đông các bà, các chị trong từng lớp quý-tộc, tư-sản, được ăn học, đòi quyền tham-chánh, quyền bầu-cử và ứng-cử vào Nghị-viện. Phong-trào nổi như cồn, nhút là vào khoảng 1910-1912, lời cuốn nhiều chị em sinh-viên, viên-chức. Các chị em biểu-tình trước Hạ-nghị-viện, ném đá đòi phá Nghị-viện nếu nguyên-vọng của các chị không được thỏa-mãn. Mặc dầu thế, Phong-trào này không đi đến kết-quả gì, vì chỉ có các chị em lớp trên tham-gia, còn đa-số P.N. lao-động, sống cơ-cực, không tha-thiết đến phong-trào này.

Trong khi ấy, ở khắp nước Anh, kỹ-nghệ phát-triển, nhà máy mở rộng, đời sống khó-khăn, P.N. phải đi làm ăn sanh sống. Cùng với chồng con, họ tham-gia các cuộc đấu-tranh đòi tăng-lương, bớt giờ làm, cải-thiện mức sống chung.

Trong cuộc kháng-chiến chống phát-xít Đức, hàng triệu nam-giới ra tòng quân; theo lời kêu gọi của Chánh-phủ Anh, P.N. đã nhiệt-tâm thay thế chồng con họ trong các ngành: sản-xuất, nông-nghiệp, hầm mỏ, xưởng cơ-khí, ngành giao-thông vận-tải, bưu-điện, y-tế vệ-sinh, giáo-dục. Trong nhiều ngành, P.N. tham-gia từ 45% đến 85%. Họ đóng góp rất nhiều trong việc bảo-vệ Tổ-quốc. Chiến-tranh kết-thúc, P.N. đã được quyền bầu-cử, ứng-cử như nam-giới. Hơn nữa, nếu việc làm ngang nhau, tiền lương ngang nhau. Nhưng hiện thời họ còn bị nhiều nỗi khổ chưa thể giải-quyết được như nạn thất-nghiệp (thường-xuyên hàng trăm ngàn người trở lên), nạn chiến-tranh (đàn-áp

phong-trào đòi giải-phóng ở Mã-lai, ở đảo Chypres và ở những nước nhược-tiểu thuộc Phi-châu).

HUÊ-KỲ; Huê-kỳ là nước kỹ-nghệ phát-triển rất mạnh. Ở đây, phong-trào nữ-quyền cũng lên cao tuy không sôi-nổi bằng ở Anh. Nội-dung của phong-trào nữ-quyền là đòi tham-chánh, bình-dẳng với nam-giới về quyền xử-dụng tài-sản, tự-do kết-hôn và tự-do ly-hôn. Hai quyền dưới được pháp-luật công-nhận, nhưng còn quyền tham-chánh, bầu-cử, ứng-cử thì mãi tới năm 1945 (sau thế-giới chiến-tranh), P.N. Huê-kỳ mới được hưởng.

Song song với phong-trào nữ-quyền, có phong-trào của chị em lao-động. Cuối thế-kỷ thứ 19, nhiều nhà máy mở rộng, dùng một số đông nữ công-nhân. Điều-kiện làm việc ngạt-ngheo, đồng lương thấp kém (một người làm chỉ đủ nuôi một người), mà giờ làm từ 12 đến 14 tiếng đồng-hồ một ngày. Năm 1899, ngày 8-3, chị em Phụ-Nữ các xưởng máy châu-thành Chicago ra đường biểu-tình đòi bớt giờ làm « ngày làm 8 giờ », tỏ rõ sức mạnh của chị em. Tuy giới chủ không chấp-thuận liền, nhưng các chị nữ-công-nhân Chicago đã nêu gương tranh-dấu rất cao cho chị em các nước. (Sau này, ngày 8-3 được lấy làm ngày Phụ-nữ quốc-tế) Từ đó, chị em P.N. Huê-Kỳ, khi âm-thầm, khi bùng-bột, luôn luôn tranh-dấu đề nâng cao đời sống và đòi tự-do dân-chủ. Trong cuộc chiến-tranh chống Đức, thành-tích sản-xuất của P.N. Huê-Kỳ rất lớn-lao. Trong các ngành công-nghiệp, chị em tham-gia từ 60% đến 75% và đã tỏ rõ khả-năng của mình. Sau khi thắng Đức, P.N. Huê-Kỳ đã được quyền bầu-cử, ứng-cử. Nhiều chị em tiến-

bộ như bà Roosevelt đã được cử làm đại-điện ở Liên-hiệp-quốc.

Nhưng ở Huê-Kỳ, bên cạnh những cảnh lộng-lẫy giàu sang, vẫn còn nạn thất-nghiệp. Chị em Huê-Kỳ đang tiếp-tục đấu-tranh giữ vững đồng-lương, đòi quyền làm việc dễ sanh-sống. Các chị còn tranh-đấu yêu-cầu tăng khoản ngân-sách dùng vào công việc kiến-thiết nước nhà và nâng cao mức sống cho Phụ-Nữ và nhi-đồng Huê-Kỳ.

NƯỚC PHÁP : Nước Pháp là một nước trải qua rất nhiều cuộc cách-mạng. Phụ-nữ cũng như nhân-dân Pháp có một truyền-thống đấu-tranh từ cuối thế-kỷ thứ 18 (cách-mạng 1789).

Ở Pháp, phong-trào nữ-quyền do một số chị em học-thức cầm đầu, chỉ mới sôi-nổi nhiều vào khoảng sau chiến-tranh 1914-18. Họ đòi quyền bầu-cử, ứng-cử và tham-chánh. Có nhiều hình-thức tranh-đấu ngộ-ngộ : trong khi toàn-quốc phò-thông đấu-phiếu đề bầu nghị-sĩ vào Nghị-viện, P.N. không được bỏ thăm. Chị em bèn tổ-chức những thùng thăm riêng ở các ngã tư, di vận-dộng bỏ thăm đòi P.N. được bầu-cử, ứng-cử. Phong-trào này lôi cuốn rất nhiều chị em, trong đó có một số chị em lao-công như các chị midinettes chẳng hạn. Còn các chị em lao-động khác ít tham-gia. Không phải họ thờ-ơ với quyền bầu-cử, ứng-cử, nhưng họ cho rằng tranh-đấu như vậy không có kết-quả ; họ quan-niệm phong-trào phải sâu rộng hơn, toàn-diện hơn.

Thiệt ra, chị em lao-động Pháp rất sớm giác-ngộ. Ngay khi ngọn lửa cách-mạng 1789 mới nhóm, những người nội-trợ, những chị em thợ-thuyền Paris đã tham-gia phá ngục Bastille. Chính họ biểu-tình đi tới Versailles, buộc vua Louis XVI phải trở về thủ-đô để giải-quyết bánh mì và

việc làm cho họ cùng chồng con họ. Bất kỳ cuộc cách-mạng nào, như cách-mạng 1791, 1792, 1830, 1848, 1870, giọt máu đào của P.N. Pháp cũng nhỏ trên đường phố Paris hòa cùng máu chồng con họ để đòi tự-do, hạnh-phúc và cơm áo.

Đầu thế-kỷ thứ 20, chị em P.N. Pháp tham-gia rất đặc-lực trong việc đấu-tranh chống phát-xít và chiến-tranh, như là vào khoảng 1934-35, lúc Hitler mới lên cầm quyền ở Đức. Trong thời-kỳ kháng Đức, P.N. Pháp đã tham gia trong các ngành công, nông-nghiệp, đánh du-kích, phá-hoại giặc. Rất nhiều nữ chiến-sĩ Pháp bị Hitler bắt tù đầy và giết trong các trại tập-trung ở Auschwitz.

Từ 1945, P.N. được hưởng quyền bình-dẳng với nam-giới. Hiến-Pháp đệ-tứ Cộng hòa công-nhận họ được bầu-cử, ứng-cử, tham-chánh. P.N. Pháp đã từng có 28 chị Nghị-sĩ ở Quốc-Hội.

Nhưng phụ-nữ Pháp còn phải tranh-đấu nhiều với nạn thất-nghiệp, nạn sanh-hoạt mắt-mỏ, nạn chiến-tranh. Họ đã có rất nhiều thành-tích trong cuộc đấu-tranh đòi chấm-dứt trận-giặc ở Đông-dương và giờ đây, họ còn phải đấu-tranh nhiều đề chống lại cuộc chiến-tranh thuộc-địa ở Algérie. Do đó, ta thấy, vì tình thương chồng con nòng-nàn sâu-sắc, P.N. Pháp ở « Mẫu quốc » đã thông-cảm được với chị em khác màu da ở các thuộc-địa và nêu ra một gương ái-quốc rộng-rãi và công-bình, không bị ràng-buộc trong một chủ-nghĩa quốc-gia hẹp-hòi.

Vài nhận xét về phong-trào Phụ-nữ thế-giới

Nghiên-cứu phong-trào P.N. thế-giới, trước tiên ta, nhận thấy phong-trào nào cũng trải qua hai xu-hướng. Xu-hướng nữ-

quyền, đòi bầu-cử, ứng-cử, đòi tự-do hên-nhân, tự-do chức-nghiệp và xu-hướng giải-phóng P.N. đòi hoàn-toàn bình-dẳng với nam-giới (cổ nhiên trong đó có quyền tuyển-cử), đòi cải thiện sinh-hoạt, đòi bảo-vệ P.N. và nhi-đồng, đòi thái-bình, phản-đối chiến-tranh, đòi tự-do dân-chủ. Xu-hướng trên chỉ thỏa-mãn một số ít chị em, xu-hướng dưới lôi-cuốn đông-dào P.N. vì nó thỏa-mãn nguyện-vọng của các tầng-lớp P.N. và nó mới thực-tế giải-phóng P.N. hoàn-toàn.

Một nhận xét nữa là phong-trào P.N. đã trưởng-thành. Ở đâu P.N. có tổ-chức là ở đấy phong-trào P.N. thấu được nhiều thắng-lợi. Tóm lại, muốn phong-trào lên cao, P.N. phải đoàn-kết thành một tổ-chức có chương-trình hoạt-dộng, có cơ-sở trong dân-chúng. Như thế, P.N. mới thực-sự lãnh-đạo được P.N.

Kết-luận

Học tập chị em P.N. thế-giới, P.N. V.N. chúng ta thấy chỉ có con đường tranh-dấu là giải-phóng hoàn-toàn cho P.N. Trong những tiêu-chuẩn chung của quốc-gia, chị em chúng ta cần ghi thêm mấy điểm :

- nâng cao đời sống P.N. và nhi-đồng,
- thực-hiện nam-nữ bình-dẳng,
- góp phần vào việc bảo-vệ và kiến-thiết nước nhà.

Điều cần-thiết là chị em ta phải thống-nhất lực-lượng vào một tổ-chức duy-nhất, rồi tăng-cường công-tác cho tổ-chức ấy được tin-nhiệm để phát-triển hội-viên thì phong-trào P.N.V.N. mới lên cao và vững mạnh.

MINH-PHONG

■ BÀ GIÀ XỨ SYRACUSE VÀ VUA DENYS L'ANCIEN

Tất cả dân-chúng thành Syracuse đều cầu mong cho bạo-quân Denys l' Ancien chết đi vì nhà vua tỏ ra tàn-ác thái quá, chỉ trừ có một bà già hằng ngày vẫn tới đền thờ nguyện xin thần-minh giữ-gìn nhà vua sống lâu muôn tuổi, và nếu cần, xin cho được chết thế bạo-quân. Vua Denys, nghe biết, lấy làm ngạc-nhiên, không hiểu vì đâu lại có kẻ xử tốt với mình như vậy. Vua truyền cho gọi bà già tới và hỏi duyên-cớ vì đâu.

Bà già đáp :

— Tôi nguyện xin thần-minh gìn-giữ nhà vua, không phải là không duyên-cớ. Ngày tôi còn nhỏ, xứ chúng tôi mắc vào tay một vị bạo-quân, khiến chúng tôi khốn-nhọc trầm đường, khi đó tôi hằng ngày cầu-mong mau được giải thoát — Bạo-quân ấy sau bị ám-sát, ông vua kế-vị lại tỏ ra tàn-ác gấp bội. Đối với ông vua này, tôi vẫn còn tưởng làm sao cho mất đi, là điều vạn-hạnh cho dân-chúng xứ tôi, nào ngờ vua ấy chết chúng tôi lại lọt vào tay nhà vua bây giờ là kẻ tàn-ác hơn hết mọi vua đời trước. Tôi sợ rằng nhà vua mất đi, kẻ kế-vị sẽ còn tàn-ác hơn nhà vua nữa chẳng. Cho nên tôi nguyện xin thần-minh giữ-gìn nhà vua sống lâu muôn tuổi.

Vua Denys không dám làm tội lỗi đáp dững-cảm và thần-linh đó. Nhà vua cho bà già trở mà không làm hại gì.

VĂN-ĐỀ DỊCH VĂN

NGUYỄN-HIỆN-LÊ



ICH danh-văn ngoại-quốc là một việc vô-cùng bổ-ích. Ta có thể nhờ nó mà kiếm được cách áp-dụng văn-phạm của người một cách thông - minh,

khéo-léo vào văn-phạm của ta mà làm cho Việt-ngữ phong-phú thêm, tế-nhị thêm. Cách đây hai chục năm, ông Nguyễn-Giang, trong cuốn *Danh-văn Âu-Mỹ* đã nhận thấy điều đó và viết :

« ... Chúng tôi thấy rằng sự dịch văn có liên-can đến một vấn-đề tối hệ-trọng trong nước ta ngày nay là vấn-đề ngôn-ngữ. (Le problème de l'expression en Annam). Đối với chúng tôi, sự giải-quyết rõ-ràng vấn-đề đó có cái ích-lợi không phải là nhỏ. Nó có thể giúp cho thanh-niên nước ta trông rõ con đường nên theo, trong mọi sự cải-cách có trong nước ta hiện giờ, giúp cho ta ngày một hiểu rõ cái tinh-thần của ta mà suy-thấu tới được cái tinh-thần sâu-sắc của người Pháp ».

Tôi đã có lần (1) nêu lên vấn-đề nên vay mượn cách phô-diễn tư-tưởng của Âu-Mỹ tới mức nào và theo những quy-tắc nào. Giải-quyết được vấn-đề ấy là làm cho Việt-ngữ tiến được một bước khá dài.

Đó là đứng về phương-diện ngôn-ngữ, còn về phương-diện văn-hóa, ích-lợi của công-việc dịch cũng rất lớn : Các dịch-giả có thể giúp đồng-bào biết thêm được văn-hóa của người, cùng những học-thuyết, tư-tưởng mới lạ rồi dung-hòa để bồi-bổ cho văn-hóa của mình thêm sinh-khí.

Vì công- việc dịch quan-trọng như vậy nên cả những nước mà văn-hóa rất cao như Pháp cũng khuyến-khích nó. Hàn-lâm-viện Pháp mỗi năm đặt một giải đề thưởng dịch-phạm nào có giá-trị nhất và những bản dịch thơ Đức của Gévard de Nerval, bản dịch thơ Shakespeare của Garnier được coi là những công-trình đáng lưu lại hậu-thế.

Ở Trung-Hoa, các nhà soạn văn-học-sử đều đặt những dịch-giả có tài như Lâm-Thư ngang hàng với các đại văn-hào và mới từ cuối Thanh tới nay, trong khoảng nửa thế-kỷ, văn-sĩ Trung-Hoa đã dịch được non vạn cuốn, nhiều nhứt là của Pháp, Nga, Anh, Mỹ rồi đến Đức, Ý, Ba-Lan, Ấn-độ, Y-pha-Nho... Một tập tiểu-thuyết vào hạng trung-bình của mình, cuốn *Đồng-quê* của Phi-

(1) Trong cuốn *Luyện-văn II* mới xuất-bản—L.T.S.

Văn cũng đã được họ dịch, với nhan-đề là *Nguyễn-dã*.

Nói gì tới Nhật-Bồn. Hạng trí-thức của họ đã được đọc từ mười năm nay bản dịch cuốn *Kiều* của *Nguyễn-Du*, in lần đầu mười ngàn cuốn và cả những thanh-niên quê mùa của họ cũng hiểu *André Gide*, *André Malraux*.

Ở nước ta, công việc dịch cần được phát-triển mạnh hơn ở Trung-Hoa và Nhật-Bồn vì non một thế-kỷ nay, ta phải học trong những sách viết bằng tiếng Pháp, ngày nay nếu không có một phong-trào rộng lớn, dịch hết những sách căn-bản của ngoại-quốc trong mọi môn, mọi ngành, thì ta sẽ còn bị ràng-buộc hoài vào người, không sao tự-lập được.

Nhưng không cần xét phương-diện văn-hóa và ngôn-ngữ chỉ đứng riêng về phương-diện luyện văn, thì người cầm bút nào cũng nên tập dịch. Dịch danh-văn ngoại-quốc là một cách luyện văn rất có hiệu-quả : nó tập cho ta tìm-tòi, cân-nhắc từng chữ để diễn đúng ý của tác-giả ; nó lại cho ta cơ-hội học được bút-pháp của các văn-hào trên thế-giới.

* Người ta bảo *Henry de Montherlant*— một danh-sĩ Pháp đương thời— ngày nào cũng dịch *Tacite* để luyện văn. Điều ấy có thể tin được và gương ấy rất nên theo (trong cuốn *Nghề viết văn*).



Ai cũng rõ có hai lối dịch :

Một lối dịch thoát, như lối dịch thơ Đức của *Gévard de Nerval*, lối dịch thơ Đường của *Tản-Đà*, dịch thơ Âu-Mỹ của *Nguyễn-Giang*.

Chính *Nguyễn-Giang* đã biện-hộ cho lối dịch ấy trong cuốn *Danh-văn Âu-Mỹ* :

« Dịch văn tức là lợi-dụng cái tư-tưởng

ngoại-quốc mà bồi-bổ cái tư-tưởng của người mình cho đến hết cái chỗ có thể bồi-bổ được.

Cũng một cái tinh-tứ, người Tây và người mình diễn-tả hai cách khác nhau. Như trong bài *Lucie* của *Alfred de Musset* mà chúng tôi dịch hôm nay có đoạn sau này :

... *Tu pleurais ; sur ta bouche adorée,
Tu laisses tristement mes lèvres se poser,
Et ce fut ta douleur qui reçut mon baiser.*

Đoạn này, người Tây họ có một lối ăn nói riêng của họ, ta không thể bắt-chước được. Nếu ta cứ dịch câu thơ đó ra y nguyên theo giọng Tây, (*traduction littérale*) thì ta sẽ thấy tinh-tứ nó sai-lạc đi mất, mà câu thơ cảm-động lại hóa ra có cái vẻ ngô-nghe buồn cười. Cốt làm sao dịch cho nó ra cái ý cảm-động, yêu-thương nồng-nàn của đoạn đó là được rồi, mà chỉ có như thế mới có thể dịch được ».

Nghĩa ba câu đó như vậy :

... Em khóc, trên cái miệng yêu quý của em

Em buồn-bã để môi anh đặt lên,

Và chính là nỗi đau-khò của em nhận được chiếc hôn của anh.

mà ông dịch thoát ra là :

Tình riêng nước-nở không hàn,

Phân-ưu anh chẳng biết lời,

Hàng một hé mở tạm thời sẽ hôn.

Hôn em đó mà buồn vô-hạn

Hôn mới sâu của bạn ngày xanh !

Đinh-Gia-Trình chủ-trương ngược lại. Ông bắt dịch-giả phải trọng, chẳng những ý-tưởng mà cả đến ứnh-tình của tác-giả, đến từng cái « cặn-kế » trong văn. Ông nói :

« Người ta bảo : *Can chi mà phải nhọc-nhăn như vậy ? Lấy nội-dung câu thơ diễn nó bằng lời mình, theo cú-pháp*

của mình, dùng những đẹp-đẽ tương-đương ở văn mình. Thực là lăm. Văn đi với ý, với tình. Một câu văn hay đem cái ý lên tột độ của sáng-sủa, hấp-dẫn mạnh-mẽ, đem tình lên tột bậc. Có cái duyên nợ keo-kết giữa một tiếng, một vần, một chuyển-vận với cái rung-động của thi-sĩ. Cả đến cái lối xếp-đặt trên dưới, liên-tiếp của những tiếng cũng là nguyên-tố của cái đẹp trong một câu thơ. Thề như những tiên-nữ nối tay nhau nhảy một điệu nhịp-nhàng. Đem thay xiêm áo của bầy tiên-nữ ấy, đem xáo-trộn thứ-tự, hàng lối của các tiên-nữ ấy thì ôi thôi, còn đâu nhịp điệu xưa nữa? Đàn sai cung bậc, tiếng đàn thô-sơ, cảnh Bồng-Lai biến mất. Có thể có trăm lối diễn một ý, một tình, nhưng có một lối tuyệt-diệu, mỹ-thuật hơn cả, mà lối ấy, nhà nghệ-sĩ mà ta dịch văn đã tìm thấy rồi trong một phút cảm-hứng thiêng-liêng mà ta không có. »

Lời ấy đúng, song ta phải nhận đó chỉ là một lý-tưởng mà người dịch may mắn lắm mới đạt được. Cho nên ngay những thạc-sĩ Pháp dịch Virgile, Horace cho học-sinh đọc, cũng chỉ rán dịch sát tới cái mức không thêm bớt, giữ đúng cách sắp-đặt của tác-giả và dùng phần cái hồn của nguyên-văn. Được vậy là khá rồi. Tôi đã có lần áp-dụng cách đó. Chẳng hạn khi dịch đoạn :

... tandis que le courant du milieu entraine vers la mer les cadavres des pins et des chênes, on voit sur les deux courants latéraux remonter le long des rivages, des îles flottantes de pistia et de nénuphars dont les roses jaunes s'élèvent comme de petits pavillons.

của Chateaubriand, tôi đã dùng một đảo-ngữ hơi bạo, cho chủ-từ « những cù-

lao nôi » đứng sau động-từ « trôi ngược » để giữ đúng văn-khí cùng tiết-diệu trong nguyên-tác :

... trong khi dòng nước ở giữa sông cuốn ra biển xác những cây thông và cây « sên », người ta thấy, ở trên hai dòng nước hai bên, trôi ngược theo bờ sông, những cù lao nôi, đầy những cây « pít-lia » và sen mà màu hồng vàng đưa lên trời như những thủy-tạ nhỏ.

Hai lối dịch thoát và sát đó đều được những người có uy-tín về văn-học chú-trong và họ thường chọi nhau kịch-liệt. Xét chung thì các thi-gia, tiểu-thuyết-gia thường phóng-túng, chỉ cần dịch thoát thôi, còn hầu hết các học-giả bắt buộc ta phải dịch sát.

Theo nguyên-tác, đã gọi là dịch thì phải giữ đúng tư-tưởng, cả cách hành-văn của tác-giả nữa, vì ta không thể nào thay đổi cách hành-văn mà không thay đổi tư-tưởng được. Tôi nhớ cách đây khoảng ba chục năm, một người Hoa-Kiều đăng trên một tờ báo hoa-văn một bài thơ luật của một nhà ái-quốc Triều-Tiên (người Triều-Tiên cũng dùng chữ Hán như các nhà nho ta hồi xưa) và treo một giải-thưởng hai chục đồng để tặng bản dịch ra Việt-ngữ nào hay nhất. Chỉ trong một tháng, có trên trăm bài dịch gởi về tòa-soạn. Tới kỳ-hạn người Hoa-kiều đó tuyên-bố kết-quả : không bài nào trúng cách vì không bài nào dịch sát mặc dầu y nhận có bài dịch hay hơn cả nguyên-tác. Nhiều người gởi bài bức tức, cho là bị gạt song không ai kêu ca gì được hết vì quan-niệm dịch của ông ta rất đúng, dịch thì dùng nên khoe là hay hơn nguyên-tác mà chỉ nên theo sát nguyên-tác và giả-sử như nguyên-tác có lỗi thì mình cũng không có quyền sửa lỗi cho tác-giả.

Tuy-nhiên, khi dịch văn thơ, nhất là thơ qua một ngôn-ngữ mà cách phô-diễn nhiều khi khác hẳn với ngôn-ngữ dùng trong nguyên-tác thì dịch sát có thể hóa ra ngô-nghe kỳ-cục, làm độc-giả nào không thông ngoại-ngữ đã chẳng thấy hay mà còn hiểu lầm nữa. Trong trường-hợp đó, ta phải chăm-chước, miễn diễn được đủ ý của tác-giả và gây được cái cảm-trông như khi đọc trong nguyên-tác là được.

Theo tôi, dịch sát hay thoát đều nên dùng, tùy mục-dịch của ta : nếu ta thiên về khảo-cứu thì phải dịch sát, nếu thiên về văn-chương thì có thể dịch thoát. Dưới đây, tôi xin bày tỏ ít ý-kiến của tôi về những điều nên theo hoặc nên tránh trong hai lối dịch đó.



Khi dịch những sách khảo-cứu như sách khoa-học, triết-lý... ta không cần có nhiều tài bằng có một sức học vững-vàng, đủ để hiểu rõ mà dịch đúng từng chữ. Ta không có quyền thêm bớt, nhưng ta phải sáng-sủa.

Nếu ta sợ dịch đúng từng chữ, độc-giả sẽ hiểu lầm thì một là ta phải chú-thích, hai là phải chăm-chước. Một nhà dịch Thánh-Kinh nhận thấy rằng, đối với một dân-tộc Mọi ở bờ hồ Victoria (châu Phi), nếu dịch đúng từng chữ câu : « Đây, ta đứng ở cửa và ta gõ cửa » trong Thánh-Kinh thì dân-tộc đó sẽ hiểu lầm vì ở miền ấy, chỉ những tên ăn trộm mới gõ cửa để xem trong nhà thức hay ngủ, còn người lương-thiện muốn vào nhà ai, cứ kêu tên chủ nhà. Và dịch-giả đó đã phải đổi ra là : « Ta đứng ở cửa và gọi ».

Dân sơn-cước ở miền Volta chưa bao giờ trông thấy tàu và tất-nhiên không có tiếng đề chỉ cái neo, song họ có những

cái cọc đề buộc ngựa và bò, cho nên khi dịch lời của thánh Pierre : « (Niềm hy-vọng đó là... cái neo của tâm-hồn, chắc và vững » . phải đổi là : « (Niềm hy-vọng đó là)... cái cọc của tâm-hồn, chắc và vững ».

Ta lại phải để ý đến sự dụng-công của tác-giả và chỉ khi nào diễn đúng cái giọng cùng những thâm-ý trong văn thì mới là khéo.

Chẳng hạn câu này của N.M. Butler :

« L'homme qui ne parle que de soi-même, ne pense qu'à soi-même. Et l'homme qui ne pense qu'à soi-même est irrémédiablement mal élevé. Il n'a pas d'éducation quelque soit le degré de son instruction ».

mà dịch là :

« Người chỉ nói đến mình là người chỉ nghĩ đến mình.

Và người chỉ biết nghĩ tới mình là người thiếu giáo-dục, dù trình-độ học-vấn họ đến đâu ».

thì tuy không sai nghĩa đấy, song còn thiếu, thiếu cái giọng gay-gắt trong nguyên-văn.

Dịch như vậy thì hơn :

« Người nào chỉ nói về mình là chỉ nghĩ đến mình : Và người nào chỉ nghĩ đến mình thì nhất-định là mất dạy. Dù trình-độ học-thức của y tới đâu, y cũng là thiếu giáo-dục ».



Một lỗi rất quan-trọng mà nhiều dịch-giả nước ta thường mắc, là không giữ tính-cách Việt-Nam cho câu văn dịch ; nên đọc nhiều bản dịch ta thấy chối tai, rất ngớ-ngẩn. Bản dịch các sách Pháp, Anh bản không chạy nguyên-do chính ở đó.

Người Pháp dịch văn Anh, văn Đức, văn Nga, cả văn Trung-Quốc, Nhật-Bản... có thể sai được, nhưng họ luôn luôn theo văn-phạm của họ, giữ cái giọng Pháp chứ không bắt-chước giọng Anh, Đức...

Người Trung-Hoa dịch văn Âu, Mỹ cũng vậy. Duy có người Việt chúng ta dịch văn Tây là Tây đặc. Tại sao vậy nhỉ ?

Có lẽ tại hồi nhỏ, khi mới bập-bẹ học tiếng Pháp, các ông giáo đã bắt ta dịch từng chữ :

Cette maison là : cái nhà này

est — : là

belle — : đẹp.

Cette maison est belle là : cái nhà này là đẹp.

Cet arbre a été abattu par mon père là : cây đó đã bị đốn bởi ba tôi.

Lớn lên, ta cũng quen lối dịch đó mà viết những câu Việt chẳng ra Việt, Pháp chẳng ra Pháp.

Một số học-giả có ý hơi buồn khi thấy tiếng Pháp có những tế-nhị mà tiếng Việt thiếu hẳn. Lòng yêu tiếng mẹ đẻ đó thực đáng khen, chỉ tiếc họ nóng-nảy quá, ép tiếng Việt phải kết-hôn với tiếng Pháp, thành-thủ yêu mà bằng mười phụ. Họ muốn nhất đán thay đổi hẳn văn-phạm của ta, cóp đúng văn-phạm Pháp, viết những câu đại loại như :

« Và khi mà, sau bao thí-nghiệm và lần dò, Việt-ngữ đã sẽ (!) thực-hiện được cái liên-quan thích-đáng của những âm, những ảnh và ý-nghĩa, nó sẽ trở thành (...) một lợi-khí đẹp và chắc để nói-năng và truyền tư-tưởng : chuyềnn ngữ giáo-huấn hoàn-bị của một nước Việt Nam đời mới. »

Nguyên-văn bằng tiếng Pháp và người dịch đã cóp đúng văn-phạm Phú-lãng-sa, dùng một « futur antérieur » (đã sẽ thực-hiện) và một « futur » (sẽ trở thành) cho câu văn được tinh-xác, rõ-ràng hơn. Nhưng nó đã chẳng tinh-xác, rõ-ràng hơn chút nào, mà trái lại, chỉ hóa ra lúng-túng ngô-nghe.

Tôi vẫn chủ-trương rằng cần phải mượn của Anh-Pháp nhiều cách phô-diễn cho Việt-ngữ minh-xác hơn-hầu diễn được hết những tế-nhị của Văn-học, Triết-học, Khoa-học, song, nếu người ta muốn đổi mới tới cái mức đó, tới cái mức nói :

« Ngày mai, khi tôi đã sẽ dạy học xong, tôi sẽ đi dạo phố »

và

« Hôm qua, khi tôi đã đã dạy học xong, tôi đã đi dạo phố » thì thừa bạn. tại sao ta không đòi phắt một lần cho hết đi, sau này khỏi phải đòi thêm nữa, sao không đặt ra đủ mười tám thì như Pháp rồi chúng ta cùng nhau chia động-từ như Pháp. Chẳng hạn động-từ ăn, ta thêm *er* ở đằng sau rồi chia : Tôi ăn, mày ăn, nó ăn..., có phải là tinh-xác rất mực không ?

Rồi tại sao lại chỉ bắt chước có Pháp thôi ? Còn Anh, Nga, Đức, Ấn-Độ, Ba-Tư, Thổ-Nhĩ-Kỳ... cũng có chỗ đáng làm thầy ta chứ ? Sao không lựa hết những cái hay trong văn-phạm vạn-quốc nhồi lại thành một thứ văn-phạm « hồ-lồn », rồi ép Việt-ngữ phải theo nó để sản-xuất những câu văn mới-mẻ, gắp mười câu sau này nữa (cũng của dịch-giả nói trên) :

« Nó (Việt-ngữ) được tạo ở từng lầu thượng (!) do các nhà văn chúng tôi đứng-dẫn (!) cổ tâm sản-xuất một văn-phẩm lâu dài, nhờ các trạng-sư chúng tôi, nơi pháp-đình bây giờ biện-hộ bằng tiếng Việt để soi sáng hay che mờ (!) quan-tòa, các ông này quả-nhiên họ (!) chịu khó thảo những « xét vì » của họ để tránh cho những người đăng kiện mắc phải một vụ kiện mới ».

Dịch như vậy thì quốc-dân có oán lỗi văn dịch cũng là phải.

Mỗi dân-tộc có một cách phô-diễn tư-

trường, mỗi ngôn-ngữ có những đặc-diểm của nó.

Ta nói một con mèo mun, một con chó mực, người Pháp không dịch ra là un chat d'ébène, un chien d'encre thì tại sao dịch câu :

Veillez agréer cher Monsieur, l'expression de mes sentiments respectueux et reconnaissants lại cứ phải dịch đúng từng chữ là :

Thưa ông thân ái, xin ông vui lòng gia-nạp sự biểu-hiện của những tình-cảm tôn-kính và tri-ân của tôi. Và tại sao lại phải dịch một « futur antérieur » là đã sẽ ?

Dịch văn không phải là dịch chữ, mà là dịch cái nghĩa, cái tinh-thần của câu văn ; nên mỗi lần dịch, phải đọc kỹ nguyên-văn, tìm hiểu ý và tinh-thần của nó, rồi tự hỏi : « Một người Việt không biết một ngoại-ngữ nào cả, muốn diễn đúng những ý đó, tinh-thần trong câu đó, sẽ nói ra sao ? »

Nếu tìm mà không thấy cách nào phổ-diễn được hoàn-toàn đúng ý của tác-giả, thì chẳng thà bỏ bớt những tế-nhị đặc-biệt của ngoại-ngữ đi, mà giữ cho câu văn dịch cái tính-cách Việt-Nam.

Hễ dịch thì phải cam chịu đánh mất một phần cái hay trong nguyên-tác. Giữ được chừng nào thì giữ, không giữ được thì phải bỏ. Hai ông H. Veslot và J. Banchet hiểu lẽ đó, nên thú rằng không thể nào dịch được cái tài-tình trong những câu dưới đây của Dickens :

In came a fiddler with a music book... In came Mrs Fezziwig, one vast substantial smile. In came the three Miss Fezziwigs beaming and loveable. In came..., in came..., in came...,

Trong mỗi câu có hai đảo-ngữ : động-từ

came đáng lẽ phải đứng sau chủ-từ : *fiddler, Mrs Fezziwig...* thì đứng trước, hậu-trí từ *in* đáng lẽ đứng sau *came*, cũng đứng trước. Nhờ phép hành-văn đặc-biệt đó mà ta có cảm-giác thấy những lớp sóng khách-khứa ồn-ào, vui-vẻ, vội-vàng, tiến vào cửa hàng ông Fezziwig.

Bạn thử dịch ra Việt-ngữ xem có hoàn-toàn đúng được không. Tôi thấy không có cách nào khác là dịch ra : *Tiến vô* một người kéo vĩ cầm..., *Tiến vô* bà Fezziwig.... *Tiến vô*... ; nhưng như vậy mới lột được một phần nguyên-tác và cũng hơi gượng.

Jean Suberville nói rất đúng :

Une langue est l'expression même d'une race, de sa conformation physiologique et mentale, de son tempérament, de son climat, de son histoire.

(Một ngôn-ngữ chính là biểu-hiện của một giống nòi, của cách cấu-tạo sinh-lý và tinh-thần của giống nòi đó, của khí-chất phong-thô và lịch-sử của nó).

Vì vậy mỗi ngôn-ngữ có những cách phổ-diễn, những tế-nhị riêng không sao dịch nôi. Có tiếng Pháp hoặc Anh nào diễn được ý và tình trong những câu dưới đây không :

Trời tối quê nhà đâu đó tá ?

VÔ-DANH

Thú yên-hà trời đất đều riêng ta,

Nào ai, ai biết chẳng là !

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

Đã hay chàng nặng vì tình,

Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru !

NGUYỄN-DU

Vậy thì cũng đừng nên quá thắc-mắc về chỗ tiếng Việt không có được đủ những tế-nhị về mười tám thì của tiếng Pháp, mà hóa ra có tự-ti mặc-cảm, bắt chước người một cách vô-lý.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

LÁ THƯ MỸ-QUỐC



Bách-Khoa hân-hạnh được chị Phạm-thị Khánh-Trang, cử-nhân luật-học, hiện đang du-học tại Mỹ nhận lời cộng-tác với chúng tôi. Chị Khánh-Trang, qua lá thư Mỹ-Quốc, sẽ trình-bày cùng độc-giả những cái hay, cái dở của người.

Chúng tôi hy-vọng Chị sẽ giúp bạn đọc hiểu được một phần nào muôn ngàn khía cạnh của đời sống dân-chúng Mỹ.

M. S. U. Mar 25-57

CÁ TUẦN nay, trường đóng cửa : « mãn-khóa mùa Đông Winterterm ». Trong các nhà trọ ở trại trường M.S.U, chỉ có nhà trọ ABBOT mở cửa cho các nữ sinh-viên không thể về nhà nghỉ được vì đường xa hay phải làm việc tại trường.

Trường vắng-vẻ. Tôi có một bạn gái mới tên Rina, người Mỹ, trọ cùng phòng tôi. Còn trẻ tuổi chúng tôi không khỏi

không có dịp chuyện trò vui-vẻ, nhất là trong mấy ngày rảnh-rang này. Chúng tôi được tự-do ngủ dậy trưa, và ngủ lúc nào cũng được. Tôi rất bằng lòng có bạn mới của tôi về mọi phương-diện. Cô ta dễ thương, vui-vẻ và khi nào cũng tìm cách giúp đỡ tôi trong các công việc lặt-vặt. Chỉ phiền một điều là tối nào cô ta cũng đi chơi về rất khuya. Mặc dầu cô ta gắng không làm ồn, nhưng khi nào tôi cũng bị phá trong giấc ngủ.

Theo thề-lệ nhà trọ, các cô đi chơi phải về đúng giờ. Chẳng hạn từ thứ hai đến thứ năm, các cô được quyền đi chơi đêm cho đến 11 giờ khuya. Và từ thứ sáu đến tối chúa nhật, được chơi khuya đến 1 giờ đêm. Sinh-viên phải ký vào một tờ giấy ghi giờ đi chơi và giờ mình về phòng, nếu quá giờ định trong thề-lệ, sinh-viên phạm kỷ-luật nhà trường và mỗi phút trễ là một phút bị phạt : chúng tôi gọi là « late minutes ». Quá một số « late minutes » thì bị phạt không được đi chơi đêm. Kể ra kỷ-luật cũng không quá nghiêm-khắc như các kỷ-túc-xá tại nước nhà, vì ở đây, sinh-viên đều đã lớn, trên 17 tuổi, nên được tự-do hơn. Ngoài ra, mỗi tuần, các bà giám-thị đi khám phòng chúng tôi, nếu chúng tôi để phòng dơ bẩn, sàn nhà không láng-bóng, giỏ rác quên đem đi đổ, áo quần hoặc sách vở bừa-bộn, chúng tôi cũng bị « late minutes ».

Trở về cô bạn của tôi. Số là hôm ấy, đáng lẽ phải về trước 11 giờ, cô ta về trễ và cố-nhiên là bị phạt. Những tưởng cô ta buồn-bực, sáng dậy tôi gọi chuyện đề cô ta vui. Nhưng tôi rất ngạc nhiên khi cô ta vui-vẻ kể chuyện cho tôi nghe : « Tối vừa rồi, chị biết không, tôi có người bạn trai mới. Ồ, anh ta rất dễ thương, rất đẹp trai và vui tính... Chúng tôi đi xi-nê, rồi đi ăn kem, quên cả giờ về... »

— Thế Rina có bằng lòng bị « late minutes » không ? Tôi hỏi.

— Ồ, cần quái gì, miễn mình vui chơi và thỏa-thích là đủ. Tôi sẽ gắng tránh late minutes đề đi với Paul.

— Rina đã bỏ Tom rồi sao ? Tom là bạn trai của Rina từ lâu nay. Bạn trai chơi thân được kêu là « boy-friend ».

— Tom cũng dễ thương, nhưng tôi thích cái gì mới mới. Mà chị nghĩ, mình có nhiều boy-friends chừng nào, « chúng » càng nề mình và mình dễ lựa chọn « ý trung-nhân » hơn. — « Chúng » đây là các bạn gái của Rina — Câu trả lời của Rina làm tôi ngấm-ngẫm đến phong-tục « trai gái hẹn hò » của các thanh thiếu-nữ Mỹ-Quốc. Phong-tục ấy gọi là « dating ».

(Một người bạn Việt-Nam ở tại đây lâu năm đã tình-nghịch cho nó một cái tên là « chà-là » theo chữ date mà ra).

Phong-tục « dating » quá bành-trướng và quá « đại-chúng » nhất là trong giới học-sinh, sinh-viên.

Các cô học-sinh từ 13 tuổi trở lên, đã biết hẹn-hò, và đã « ra đời » với các bạn trai. Tôi còn nhớ một lần đi cùng một nữ giáo-viên viếng một trường trung-học tại đây. Tôi rất ngạc-nhiên khi thấy các cô ngây-thơ từ 10 tuổi trở lên, đã biết làm tốt, môi son đỏ tươi, ngồi trong lớp học, và giờ ra chơi đã bạo-dạn vẽ trên bảng đen những quả tim to-tiểu có mũi tên xuyên qua cùng những giọt máu đào và những giọng chữ lí-lí : « Tôi yêu John, tôi chết vì anh... ». Tôi còn nhớ, tôi hỏi nữ giáo-viên về kỷ-luật nhà trường, tại sao lại đề các em bé quá tự-do, nhất là các em gái làm đom quá sớm. Câu-trả lời của nữ giáo-viên làm tôi cụt-hứng : « Chỉ nên hỏi các bà mẹ tại sao đề cho con họ đánh môi son... » Kề ra câu trả lời của nữ giáo-viên rất có lý.

Cách làm gái rất tự-nhiên ở Mỹ. Và các bạn gái tự cho đó là một bổn-phận phải làm tốt, làm cho mình đẹp lên để mọi người xung-quanh ưa thích. Lúc ban đầu, tôi còn hơi khó chịu khi thấy các em bé độ mười một, mười hai tuổi, môi son đỏ choét, nhưng sau này tôi đã quen vì nhớ đến câu : « Đi với bụi mặc áo cà-sa, đi với ma mặc áo giấy... »

Phong-tục « hẹn hò » có sẵn trong các đầu-óc non-dại. Họ lớn lên với quan-niệm trai gái phải gặp nhau, phải hiểu biết nhau về mọi phương-diện. Cha mẹ các cô đề cho con tự-nhiên đi chơi với các cậu và cũng nhiều khi lấy làm hãnh-diện vì con mình nhiều bạn trai. Họ cho rằng đây là phương-pháp duy-nhất để các cô gặp « ý trung nhân ». Nếu các cô ở trong « buồng the », kín cổng cao tường, thì có lẽ các cô phải chịu phận làm gái già. Vì thế họ rất dễ-dãi với con cái, và đã có một bà mẹ nói với tôi rằng : « Sở dĩ các cô gái gắng học xong High School, và ao-trước vào Collye là cốt để kiếm chồng ! »

Các nữ-sinh-viên được tự-do chọn bạn trai, đi nhảy đầm hoặc đi xinê, hoặc đi dự các cuộc giải-trí công-cộng với bạn trai. Và nhất là họ tự-do âu-yếm nhau như những cặp vợ chồng eòn son. Cứ mỗi đêm, trước các nhà trọ của nữ sinh-viên, trước giờ « giới-nghiêm », từng cặp trai gái, ôm nhau khấn-khít, không một chút e-ngại, sợng-sùng. Đã nhiều lần, vì phải học lớp ban đêm, tôi hồ-thẹn quá, mặt cúi gằm đi thật mau vào phòng khách, tránh thấy cảnh âu-yếm như trong « xi-

nê ». Nhưng sau lại thấy quen đi, vì hiểu đây là một phong-tục, và nhận thấy không một ai tỏ ý phản-đối « cái hôn nửa đêm » ấy, nên tôi không cho đây là một việc tối quan-trọng.

Phong-tục « dating » có cái hay của nó là làm cho trai gái hiểu nhau hơn trước khi lập gia-đình. Họ không bỏ-ngờ trước vấn-đề sinh-dục và con cái. Nhưng đối với tinh-thần Á-đông, nhất là đối với quan-niệm « nam nữ thụ thụ bất thân » của các ông bà ta, phong-tục « dating » quá lỗ-bịch và quá trớn.

Viết thư này, tôi không có ý muốn chỉ-trích một phong-tục quá mới và quá táo-tợn. Tôi chỉ muốn trình-bày cùng độc-giả Bách-Khoa cái lạ của xứ người, những xứ Âu-tây quá văn-minh và chuộng vật-chất. Nhưng tôi không khỏi phân-vấn đặt câu hỏi : Đây có phải là phương-pháp chính, phương-pháp duy-nhất để trai gái hiểu nhau và nghĩ đến việc lập gia-đình không ?

Vì đã có nhiều bạn gái của tôi ở đây thay-đổi bạn trai như ta thay áo mặc. Và cũng đã nhiều bạn gái nhận thấy tôi thắc-mắc về việc này, hỏi tôi về phong-tục hẹn-hò ở Việt-Nam. Tôi phản-đối, bảo rằng gái V.N. không khi nào có các cuộc hẹn-hò manh-dạn như vậy, và nếu có bạn, thì cũng ở trong phạm-vi bạn-bè. Nếu phải lập gia-đình, cố-nhiên có cha mẹ, bà con lo-liệu cho.

Tôi tự tìm câu giải-đáp cho sự thắc-mắc của tôi là chỉ em Âu-Mỹ rất được tự-do trong vấn-đề hôn-nhân. Họ tự lựa lấy ý-trung-nhân, và nếu họ trưởng-thành, cha mẹ họ chỉ có việc là đến dự lễ cưới của họ. Còn ở Việt-Nam ta, cha mẹ vẫn còn quyền « phụ mẫu » và dầu đã trưởng-thành, chúng ta đều trông mong ở sự dàn-xếp và ưng-thuận của cha mẹ trong hai họ.

Lắm khi ngắm-ngẫm câu hỏi của một vài cô bạn ở đây : « Nếu gái Á-đông không có các cuộc hẹn-hò, làm sao họ có chồng được ? », tôi phì cười nhớ đến giòng tư-tưởng của R. Kipling và Pearl Buck : « Đông và Tây không khi nào gặp nhau được ».

Có phải chăng đây là phản-ảnh của một văn-minh có tư-thượng-cô và một văn-minh quá mới.

GIUDA, KẺ BÁN CHÚA

Nguyên-tác của GIOVANNI PAPINI

Bản dịch của TRỰC-ĐỊNH

CÓ hai người ở trần-thế này biết rõ cái tâm-trạng cực-kỳ bí-mật của Giuda, đó là Đức Chúa Giêsu và chính kẻ đã bán người. Trong suốt sáu mươi thế-hệ công-giáo, người ta đã tận-lực khám-phá cho ta cái bí-mật ấy, mà bí-mật vẫn hoàn-toàn ở trong vòng bí-mật. — Đó là bí-mật duy nhất trong các cái bí-mật thuộc về loài người ở trong Phúc-Âm. Chúng ta có thể hiểu rõ một cách dễ-dàng tâm-địa quý-quái của Herode, gan ruột ghen-ghét của bọn Biệt-phái, ý-chí căm-hờn của thầy Caipha và thần-kinh suy-nhược của Philatô. Duy có sự phản-trắc của Giuda là ta đành chịu, không sao biết rõ được. Bốn vị thánh-sứ nói rất ít về Giuda và những lý-do đã khiến y quyết-định việc bán Chúa mình.

Bốn thánh-sứ chỉ nói : « Satan đã nhập vào lòng nó ». Nhưng lời này chỉ là lời định-nghĩa cho cái tội-ác của Giuda. — Mâm ác đã chiếm lòng nó, có nghĩa là đã chiếm một cách bất-thần. Trước ngày ấy, có lẽ trước bữa cơm ở Bethania, Giuda chưa lọt vào bàn tay của cừu-dịch Satan. Nhưng vì đâu và tại sao, Satan lại đột nhập lòng Giuda ? Vì đâu và tại sao, Satan đã đột-nhập lòng Giuda mà không đột-nhập lòng môn-đê khác ?

Ba mươi đồng đổi với một người tham tiền như Giuda quả thật là một số bạc ít ỏi. Số tiền ấy không đủ năng-lực đưa một người mà các tông-đồ đã rõ là một kẻ biền-lận, tới chỗ phạm một tội ác ghê-tởm nhất trong lịch-sử nhân-loại.

Dấu đáng sợ nhất để có thể buộc Giuda vào tội phản thầy chính là việc y đã tự đảm-nhận trong khi theo thầy. Trong số môn-đê, có một người xưa vốn làm nghề thầu-thuế, đó là ông Matthêu ; đáng lẽ thì phạm việc chi-tiêu trong đoàn-thể đều do ông này quản-lĩnh. Nhưng như ta đã thấy, việc chi-tiêu lại do Giuda đảm-nhận. Tiền tài xưa rầy vẫn là một vật phản-trắc đầy cheo-leo và nguy-hiêm. Chỉ một việc phân-phát nó đi cũng đã đủ khiến cho người ta bị nó đầu-độc một cách dễ-dàng. Cho nên ta không lấy làm lạ, khi thấy thánh Gioan coi Giuda là một kẻ ăn-cắp như người đã nói : « Bởi y giữ túi tiền nên y đã lấy những của người ta để vô trong đó ».

Tuy-nhiên, ta không thể không cho rằng một người ham tiền như thế lại có thể ở lâu trong một đoàn-thể nghèo-túng như thế được. — Nếu Giuda quả có ý muốn đánh cắp, hẳn y đã chọn một công việc có lợi hơn công việc y đã đảm-nhận. Và nếu y cần

đến món tiền có ba mươi đồng, y có thể kiếm bằng một cách khác, thí dụ : y có thể đồng ý một nơi khác với cả túi tiền của đoàn-thờ, như sao lại chịu đi điều-định với bọn thầy cả để bán thầy.

Những ý-nghĩ thông-thường xung-quanh một tội-ác phi-thường này đã khiến nhiều người, ngay từ thế-kỷ đầu trong tây-lịch kỷ-nguyên, tìm-kiếm những lý-do khác để cắt nghĩa sự mua bán trên. Một phái lạc-đạo cho rằng : Giuda biết tỏ Đức-Chúa Giêsu phải đi tới cái chết bằng sự phản-bội. Giuda cũng biết tỏ đó là ý-định của Đức-Chúa Giêsu và của Đức-Chúa Cha nữa, nên y bằng lòng chịu nhận sự nhục-nhã muôn đời để mọi lời tiên-tri nên ứng-nghiem. Là khí-dụng cần-thiết và tình-nguyên cho công-cuộc cứu-thế, Giuda, cứ theo ý họ, trở nên một vị anh-hùng và một vị tử-đạo, không những không nên nguyên-rủa mà lại nên tôn-kính.

Theo một dư-luận khác, Giuda là một người thành-thật yêu dân nước mình mà muốn cứu dân nước khỏi vòng nô-lệ của người Roma. Giuda thấy Chúa Giêsu là người mà y cho là có thể làm thỏa nguyện-vọng quốc-gia của y được. Y bèn liên-kết với người.— Kịp đến khi nghe rõ những lời giảng-thuyết của thầy, y mới thấy rõ là y đã lầm đường, nghĩa là y đã rơi vào một Messia có một chủ-trương khác hẳn.— Để làm dịu bớt cái ngọn lửa phản-uất nổi lên trong lòng sau khi vỡ mộng, y đem nộp thầy cho cừu-địch của thầy.

Có người khác cho rằng lý-do chính của việc Giuda phản-bội chính là ở sự mất đức-tin.— Giuda thành-thật đặt một niềm tin-tưởng ở thầy, đến nay thì thấy không còn thề nào tin-tưởng. Y thấy những lời Chúa phán trong mấy bữa gần đây ngụ một vẻ gì khác thường. Y thấy Chúa vẫn

bình-tĩnh, nhưng điệu-bộ ra như quyết-liệt. Y lơ-mờ cảm thấy xung-quanh Chúa bao-phủ một làn không-khí sôi-nổi gây nên bởi thái-độ quyết-liệt ấy xung-đột với thái-độ cảm-hờn của bè Biệt-phái, bè Pharisiêu. Bầu không-khí sôi-nổi ấy một ngày một tăng-cường nhiệt-độ và y dầm ra lo sợ cho địa-vị của mình ở giữa một đoàn-thờ cô-lập, yếu-hèn.— Y ngờ lú Pharisiêu sẽ có thể giết Chúa không biết lúc nào, và các môn-đệ của Chúa sau đó, cũng khó lòng có thể ngồi yên được. Chính vì lo sợ quá mà y phải bước sang hàng-ngũ của bè đối-lập để tìm kế thoát-thân.— Chính vì hèn-nhát quá mà y đã dễ cho Satan đột-nhập vào lòng, đến nỗi tưởng rằng chỉ có phản-gián mới có cơ cứu-vãn được thân mình.

Có kẻ khác lại cho lý-do có thể cắt-nghĩa hành-động của Giuda chính là ở trong sự cảm-hờn. Người ta thường không thể phản-bội nếu không cảm-hờn. Nhưng tại sao Giuda lại cảm-hờn Chúa ? Họ cho rằng cảm-hờn của Giuda đã nồ-bùng ra trong bữa cơm ở nhà ông Simon và khi người thiếu-phụ lấy dầu thơm xúc chân Chúa. Lời trách-móc của Chúa đã làm cho Giuda sinh phản-uất và Giuda hẳn cũng đã nhiều phen bị Chúa mắng-mỗ, nhưng lần sau, sự phản-uất của y đã lên tới cực-độ, y không ngăn-ngại gì trong việc đi tố-cáo thầy.

Nhưng thật ra, trong thâm-tâm, Giuda có tin rằng lời tố-cáo của mình sẽ đưa thầy đến chỗ chết chăng ? Hay y chỉ cho rằng bè Pharisiêu sẽ chỉ tìm cách làm nhục thầy, và không cho thầy được lên tiếng ở nơi công chúng nữa thôi. Câu chuyện về sau xảy ra tỏ cho ta thấy rõ sự lên án Chúa đã làm cho Giuda hoang-sợ, vì Giuda không ngờ kết-quả gớm-ghiếc và bất-ngờ ấy. Thánh Mattheu thuật lại sự tuyệt-vọng của Giuda làm cho ta ngờ rằng Giuda đã cảm thấy

ghê-tởm khi thấy sự dữ xảy đến cho thầy gây nên chính bởi lỗi mình. Ba mươi đồng bạc nằm trong túi y thiêu-dốt lòng y, đến nỗi khi bọn thầy cả từ-chối không nhận, y đành phải quăng-liệng vào đền thánh mà trả lại. Cả tối khi trả lại, y vẫn chưa được yên-lòng và còn phải đi thắt cồ chết trong cùng một ngày với nạn-nhân của y nữa.

Mặc dầu những kẻ chưa thỏa-mãn hằng tìm mọi cách để cắt-ngĩa sự bí-mật trên, như gỡ một mối bông-bong, càng gỡ càng thấy rối thêm, sự bí-mật vẫn hoàn-toàn ở trong vòng bí-mật. Duy chúng ta quên mất một chứng-tá khác. Chứng-tá biết rõ câu chuyện bí-mật của Giuda hơn hết mọi người. Chứng-tá ấy là Chúa Giêsu, người hiểu Giuda hơn cả Giuda nữa.

Đức Chúa Giêsu đã chọn Giuda để trở nên một trong số mười hai tông-đồ và giao cho trọng-trách rao-giảng tin lành như những anh em khác, tuyệt-nhiên trước sau, không hề có điều gì chênh-lệch, hơn kém cả.— Nếu Chúa biết rõ Giuda là một tên gian-phi bất-trị thì khi nào Chúa lại lựa chọn y, để y ở bên người, coi y như một người bạn thân-tín, và lại giao cho y một công việc rất thiêng-liêng, rất cao cả và rất quý-báu là công việc xây-dựng nước Đức Chúa Trời.

Cho tới ngày sau hết, cho đến đêm sau hết, Đức-Chúa Giêsu vẫn không lộ ra một vẻ gì khinh-bí đối với Giuda. Người cũng cho Giuda chịu lấy thịt người và máu người dưới hình bánh và hình rượu. Người cũng rửa chân cho Giuda (bàn chân sẽ đưa người tới trước dinh Caipha), và cũng lau cho nó khô ráo bằng đôi bàn tay, mà chỉ trong vòng hôm sau sẽ phải đóng danh do sự đồng-lỏa của y. Lại tới khi Giuda tiến vào vườn Gietsimani dưới bóng tối mờ mờ của đêm hôm khuya-khoắt và dưới ánh-

sáng lập-lòe của những ngọn đuốc giữa vườn Oliva, Đức-Chúa Giêsu đã không ngần-ngại giơ gương mặt đầm mồ hôi máu cho Giuda hôn cùng bảo y rằng :

— Hỡi con yêu dấu ! con tới đây làm gì ?

Hỡi con yêu-dấu ! Đó là lời cuối-cùng Đức Chúa Giêsu phán cùng Giuda và giữa lúc ấy Đức-Chúa Giêsu không biết còn dùng lời nào khác để gọi y, lời mà người đã dùng để gọi y ngay bữa hôm đầu khi mới gặp y. Giuda đến với Chúa, mặc dầu y đến trong tối-tăm để nộp Chúa cho quân thù. Vẫn chưa phải là người của tối-tăm, Giuda vẫn còn là người con yêu-dấu, y mà ít giờ trước vẫn còn ngồi cùng bàn với Chúa, ăn uống với Chúa, y mà cách đây đã từng nhiều lần, trong những giờ yên-nghi dưới bóng cây, hoặc dưới bóng tường, được Chúa lấy tình thầy-trò, anh em mà bảo-ban, giảng dạy cho những lời hằng sống. Chúa Kirixitô đã phán trong bữa tiệc sau hết một lời rằng : « Khốn cho kẻ đã mưu-đồ sự phản-bội đấng con người ! Giá kẻ chẳng sinh ra thì hơn » ! Nhưng giờ đây trước mặt tên phản-bội mà sự phản-bội đã hoàn-tất xong ; giờ đây trước mặt tên phản-bội mà sự phản-bội chưa làm cho y vừa lòng, đến nỗi y còn muốn lấy cái hôn mà gia-tăng sự lẳng-nhục, Chúa nguyên là đấng giảng dạy người ta phải thương yêu kẻ thù, Chúa đã phán một lời, với cái giọng êm-ái, ngọt-ngào vốn là cái giọng thường-nhật của người :

— « Hỡi con yêu dấu ! con đến đây làm gì ? »

Lời chứng của Đức-Chúa Giêsu không những không hé cái tấm màn bí-mật lên được chút nào, mà còn làm cho chúng ta càng thêm nghi-hoặc. Chúa biết Giuda là một tên ăn-cắp mà người lại giao cho nó giữ tiền ! Chúa biết Giuda là kẻ phản-trắc

mà người còn giao cho nó kho-tàng chân-lý quý-giá hơn hết mọi của-cái thế-gian ! Chúa biết Giuda là kẻ đảo-diên mà Chúa còn cho nó dự vào bản-tính mình là cho chịu thịt cùng máu thánh người ! Chúa thấy Giuda dẫn đường cho kẻ đến bắt mình mà một lần nữa, Chúa còn dùng tiếng « con yêu dấu », một tiếng rất thiêng-liêng để gọi kẻ phản mình.

« Thà nó chẳng sinh ra thì hơn » ! Lời này, còn nặng hơn một lời tuyên-án. Ta có thể coi nó như một ý-chí của Chúa từ-bi muốn ráng sức cứu-vớt kẻ khốn nạn khi nghĩ tới cái định-mệnh không thể tránh được. Giuda ghét Chúa, nhưng Chúa thì trái lại ; ta không thấy một lúc nào Chúa không tỏ ra lòng thủy-chung với nó, không một lúc nào Chúa không tỏ ra thương-xót nó. Vì Đức Chúa Giêsu biết việc Giuda bán mình là việc cần-thiết cũng như sự hèn-yếu của Philatô, sự căm-hờn của Caipha, là việc cần-thiết cho cái chết của người. Chúa biết Giuda phải làm việc y làm. Chúa không nguyên-rủa nó, cũng như người không nguyên-rủa đám dân-chúng đã muốn giết người hay nguyên-rủa cái búa đã đóng danh người. — Chỉ một lời nói thốt ra ở nơi miệng người, hầu cho cơn hấp-hối ghê-hồn được sớm kết-thúc : « Con hãy làm việc con định làm ».

Cái bí-mật của Giuda ràng buộc vào cái bí-mật của Ngôi Hai chuộc tội bằng nhiều nút vòng thắt chặt. Nó sẽ còn mãi là bí-mật cho chúng ta.

Những cái bí-mật ấy chính lại là một hình bóng ám-chỉ một hiện-thực siêu-nhiên vô cùng trong-dại.

Đó là Đức Chúa Giêsu không những đã bị phản-bội, người còn bị người ta bán đi như bán một con bê cho người đồ-tề. Như một con bê vô-tội, người đồ-tề đem ra mổ cắt, bán lại cho những người mua lẻ và phân-phát từng miếng cho những kẻ ham thích ăn thịt. Chính thầy cả thượng-phẩm Caipha, trong suốt cả đời ông, chắc chưa bao giờ có dịp được dâng-hiến một vật thiêu-sinh lớn lao như vậy. Từ hai ngàn năm nay, các người công-giáo trong khắp hoàn-cầu đã từng nuôi sống mình bằng vật thiêu-sinh ấy, và màu-nhiệm thay ! vật thiêu-sinh ấy đến nay hãy còn nguyên-vẹn và những kẻ càng ăn vào thì càng thấy đói và càng thấy khát-khao.

Giuda đã vô-tình bán cho nhân-loại một vật thiêu-sinh vô-giá thiên-hạ trông đợi từ muôn thuở, và chính vật thiêu-sinh ấy là lẽ sống và là sự sống của nhân-loại.

Giuda đã vô-tình thực-hiện một kế-hoạch của Thiên-Chúa đã trù-định từ trước vô cùng.



NGUỜI ĐỜI thường sống về những khi lo-lắng, cần-khò, mà chết về những lúc sung-sướng, yên-nhàn. — Lẽ ấy rất rõ, mà người đời không biết sợ, là bởi không chịu xét đến nơi.

LÃ ĐỒNG LAI

GIÁO-DỤC MỸ-THUẬT

TẠI CÁC CẤP TRUNG, TIỂU-HỌC

TỪ-QUYÊN ĐẶNG-VĂN-NHAM

NỀN mỹ-thuật Việt-Nam từ xưa đến nay vẫn không thể so bước ngang hàng với các nước văn-minh khác trên thế-giới.

Nguyên-do, người Việt-Nam không có một kỹ-thuật hội-họa thuần-túy phát-sinh từ nhu-cầu và tâm-lý dân-tộc.

Trước ngày vua Gia-Long giao hoàng-tử Cảnh cho ông Bá-Đa-Lộc đem sang Pháp, nền mỹ-thuật Việt-Nam cũng như toàn-bộ văn-hóa thời đó gồm văn-chương, thi-ca, âm-nhạc, hội-họa, kịch-ngệ, đều bị ảnh-hưởng trực-tiếp của nền văn-hóa Trung-Hoa. Người Việt-Nam đã phải dùng kỹ-thuật thủy-mặc (Lavis — to paint without colours) của người Tàu để diễn-tả những rung-cảm của nội-tâm mình.

Về sau, khi người Pháp đã đô-hộ Việt-Nam, nền văn-hóa ta bắt đầu chuyển-hướng. Mọi người quay sang học chữ Quốc-ngữ, trang-sức theo kiểu Tây-phương. Những tư-tưởng, văn-minh Âu-tây bắt đầu tràn vào xứ ta. Lúc ấy, nền mỹ-thuật Việt-Nam cũng tự cởi bỏ lớp vỏ

cũ, khoác lên mình bộ áo mới, hướng theo kỹ-thuật hội-họa tây-phương.

Hơn nữa, ngay từ lúc phôi-thai, dưới thời phong-kiến, nền mỹ-thuật — hay nói rõ hơn nền hội-họa Việt-Nam — đã gặp nhiều trở-ngại, ngăn bước tiến. Nó bị mọi người, mọi tầng-lớp dân-chúng coi như là một môn giải-trí thanh-nhã đặc-biệt dành riêng cho lớp người giàu sang, phú-quí trong xã-hội. Và hễ nói đến một người trí-thức, phong-lưu tức phải nói đến những điều-kiện tối-thiểu như : cầm, kỳ, thi, họa...

Người họa-sĩ thời ấy không ý-thức rõ-ràng được trách-nhiệm phục-vụ nhân-sinh của mình, của nghệ-thuật mà mình phụng-sự.

Sống dưới thời đế-chế, với quan-niệm : « quân xử thần tử, thần bất tử bất trung », với thành-kiến vua là con trời sai xuống trị-vì muôn họ, người họa-sĩ Việt-Nam cũng như toàn-thể sĩ-phu trong nước, lớp người lãnh-đạo quần-chúng, đều cúi đầu, nhắm mắt, trở hết tài-năng thiên-phú để phụng-sự cho ngai vàng, để môi-giới

làm tăng thêm uy-tín địa-vị độc-tôn của nhà vua trong dân-gian.

Điều này, chẳng cứ gì ở Việt-Nam, ở Á-Đông mới có ; mà ngay ở Âu-Châu thời đó cũng vậy. Bằng có là bên những bức chân-dung Tần-Thị-Hoàng, Hán-Cao-Tổ, những sáng-tác-phẩm lưu-trữ trong cung-điện kiến-trúc huy-hoàng của nhà vua, còn có những tượng-hình Sésostri III, Ramsès II Ai-Cập, Vénus Hy-lạp. Và nhà danh-họa Tây-ba-Nha là Diego Rodriguez de Silva y Velasquez (5/6/1599 — 6/8/1660) tiêu-biểu cho các họa-sĩ thời bấy giờ đã coi việc làm ấy là một lý-tưởng cao-siêu đẹp-đẽ. Ông ta đã vẽ chân-dung vua, vợ vua, con vua và cả con chó của Nhà vua nuôi nữa. Hiện giờ, ở viện-bảo-tàng Louvre còn trứ những tác-phẩm quý-giá này : chân-dung hồi còn nhỏ của Marguerite, của Philippe IV lúc về già ; con chó của nhà vua trong bức tranh Un Nain ; Don Antonio l'anglais, và trong bức Les Nains (musée du Prado, Madrid).

Tóm lại, dưới thời quân-chủ, tất cả văn-nghệ-sĩ đông-tây đều là những cái khung vưng-chải đề lồng những bức tranh để-chế. Họ quan-niệm đó là lý-tưởng và phụng-sự cách say-sưa, sung-sướng. Họ đã nhốt mình và nghệ-thuật vào trong tháp ngà và vô-tình đã bỏ rơi đám đông quần-chúng, nghèo đói, khốn-khò quanh mình.

Đến sau, theo trào-lưu tiến-hóa của nhân-loại, nền quân-chủ chuyên-chế (la monarchie absolue) bị lung-lay và sụp-đổ, đám văn-nghệ-sĩ này, trong số có họa-sĩ, đâm ra bơ-vơ, lạc-lồng, mất mục-dịch phụng-sự lý-tưởng.

Họ quay xuống nhìn đám nhân-dân. Đám này nghèo-đói, tay làm hàm nhai, không đủ khả-năng để nuôi sống, cung-phụng họ.

Họ thất-vọng và cuối cùng phải sống

bám vào giai-cấp phong-lưu, giàu-có. Họ lại sáng-tác đề phụng-sự, làm thỏa-mãn thú-tính, dục-vọng của giai-cấp này.

Thế là, tác-dụng phụng-sự nhân-sinh của mỹ-thuật, của hội-họa mất hết cả !

Những kẻ giàu sang thì coi là một trò chơi giải-trí. Những kẻ nghèo thì không thiết đến, vì không có lợi gì trong việc mưu-sinh vất-vã hằng ngày.

Hội-họa bị bỏ rơi. Những kẻ làm việc cho hội-họa thấy nghề mình bạc-bèo cũng tìm đường xa lánh, thoát-ly. Hiện giờ, nói đến nghề vẽ, học vẽ là người ta thêm ngay vào đấy một câu « vớ ! », và hắt một thờ dài chán-nản.

Nhìn sâu vào thực-trạng tinh-thần hiểu-biết của dân-chúng Việt-Nam hiện giờ, người ta rất lấy làm ái-ngại khi thấy ít người có một kiến-thức sâu-sắc về vấn-đề mỹ-thuật. Trong khi đó, dân-chúng các nước láng - giềng như Tàu, Nhật, Ấn-độ, v.v... dù là chỉ có trình-độ học-vấn phò-thông, họ vẫn có thể minh-dâm xác-luận về mỹ-thuật.



Ở Việt-Nam, tuy rằng chuyên-khoa hội-họa đã có ghi trong chương-trình giáo-dục từ lâu, song kết-quả vẫn chỉ là con số không to-tát ở các cấp trung, tiểu-học. Hơn nữa, lại còn làm cho người ta có quan-niệm sai-lạc là « phải có hoa tay mới có thể vẽ được ! »

Nguyên - do tại thiếu phương - pháp hướng dẫn chuyên-môn.

Người ta không chối-cãi rằng phần nhiều trẻ em đều tỏ ra thích vẽ, thích hát trước khi biết học. Nếu trong tay có cục phấn nhỏ thì việc trước tiên của đứa bé là vẽ xuống gạch, lên tường một hình người ngây-ngò, ketch-côm, hay hình con gà, con

trùng, con dế v.v... Tuy vẽ không ra hình, song nó vẫn cảm thấy thích-thú, sung-sướng, cười như nắc-nẻ khi đã hoàn-thành ý muốn. Nhưng khi cấp sách đến trường, ngay từ ngày còn ngồi lơ-láo ở lớp năm đề nhờ cô giáo hí mũi, hoặc khóc nhè, cho đến khi lớn lên đến lớp nhất cuối năm tiểu-học, những đứa trẻ ấy cũng không thu-thái được gì hơn nữa cả. Hằng tuần, cứ đến giờ hội-họa thầy hoặc cô giáo lại đem ra một tĩnh-vật khô-khan như cái hộp phấn, cái ngăn kéo, cái tô, cái chén, cái bình để cho bọn học-trò mặc tình ngắm-nghĩa, mặc tình mài bút chì và tẩy giấy cho đến rách thì thôi. Ngoài ra, chúng không biết gì về phương-pháp, về ích-lợi của môn-học.

Thiếu phương-pháp để vẽ có tiến-bộ, lại không biết ích-lợi của môn học, người học-sinh càng ngày càng chán. Người học trò càng yêu mỹ-thuật bao nhiêu càng thất-vọng bấy nhiêu, khi thấy trước mắt mình, vòm trời mỹ-thuật trở nên xa-xôi, khó khăn và màu sắc u-ảm quá!

Họ nản lòng và yên trí tin theo luận-diệu « có hoa tay mới vẽ được » để tự an-ủi mình không phải vì bất tài mà chỉ vì không có khiếu trời cho.

Lên đến trung-học, chuyên-khoa hội-họa đã có giáo-sư chuyên-môn đảm-nhiệm, song hầu hết các cán-bộ giáo-dục mỹ-thuật này vẫn không làm gì hơn các giáo-viên tiểu-học. Một là vì thiếu phương-tiện, hai là tại các chủ trường quan-niệm cách dễ-dãi, thêm giờ này để học trò nó « vui học ».

Vì vậy, nên đến giờ hội-họa là hầu hết học-sinh đều hí-hững coi như là giờ... giải-trí! Họ lợi-dụng giờ này để đùa trên giấy trắng, để đánh cờ « ca-rô ». Hoặc có vài ông học-trò ngộ-ngịch hơn, đút sách túi

quần, lên ra ngoài trường trốn học. Mấy em học-trò gái cũng vậy. Họ không tha-thiết với giờ mỹ-thuật, lẽ ra họ rất cần để ứng-dụng vào đời sống thực-tế sau này.

Về sau, nếu lớp người ấy rời Trung-học trở về làm giáo-viên thì họ lại dạy theo lẽ-lối cũ. Bồn cũ ấy cứ được soạn đi soạn lại mãi cho đến khi tình-yêu mỹ-thuật sẽ chết hẳn trong lòng người Việt-Nam chăng?

Lỗi ấy tại đâu?

Cổ-nhiên là tại thiếu phương-pháp hướng-dẫn. Tình-yêu mỹ-thuật cổ-truyền của dân-tộc Việt-Nam không được khơi-dậy đúng mức.

Còn gì thú-vị cho bằng khi học hội-họa để phân-tích được màu sắc của thiên-nhiên, đường cong của tạo-hóa và cấu-tạo được một cảnh-vật xinh-tươi theo ý mình muốn lên trên giấy, bằng màu.

Còn gì say-sưa hơn khi học hội-họa để tìm hiểu được lịch-trình tiến-triển của nền mỹ-thuật thế-giới, phân-biệt được những đặc-tính, cái hay cái đẹp của các họa-phái đương thời.

Họa-phái lập-thể (cubisme) do Picasso chủ-trương ra sao? Họa-phái siêu-thực (surréalisme) chủ-trương ra sao? Và họa-phái vô hình-dung (non-fugurisme) đang nảy sinh ở Pháp chủ-trương thế nào?

Đến khi vào phòng triển-lãm xem tranh, đôi mắt to đen lay-láy lúc nào cũng như soi mói tìm tòi trên gương mặt sáng-sủa của lớp người đang lên kia sẽ không còn ngỡ-ngờ, ngạc-nhiên nữa.

Có như thế, giờ hội-họa mới không còn là giờ giải-trí, đánh cờ « ca-rô »!

Muốn đạt được mục-đích này, trước tiên môn họa phải được mọi trường, mọi người hữu-trách coi như là một môn học quan-trọng không kém các môn khác. Các giáo-sư phải thay đổi phương-pháp, hướng-dẫn

cho linh-động hơn, cho học-sinh thấy rõ sự ích-lợi thiết-thực của môn học này, tác-dụng phục-vụ nhân-sinh cao-quí của nó. Phần phương-pháp căn-cứ trên hai chính điểm :

- 1) Lý-thuyết (giản-dị, rõ-ràng).
- 2) Thực-hành (nhiều đề-tài linh-động).

Trên phần lý-thuyết, giúp học-sinh tài-liệu, kiến-thức để họ có thể làm bài bình-luận về những tác-phẩm hay tác-giả đương thời nào đó.

Về phần thực-hành, giúp học-sinh khơi nguồn tưởng-tượng, rung-cảm mãnh-liệt với thực-tế, giúp kỹ-thuật chuyên-môn đề sáng-tạo những tác-phẩm nhỏ hợp với tinh-thần của giới họ. Và thường xuyên

tổ-chức những phòng triển-lãm tranh-ảnh học-sinh để thúc-đẩy, khuyến-kích họ trau-giồi nghệ-thuật, mở cho họ thấy một chân trời bừng sáng của hội-họa.

Ở đây, chúng tôi không dám có cao-vọng mong cho tất-cả học-sinh trung, tiểu-học sau này sẽ thành họa-sĩ. Việc ấy đã có trường mỹ-thuật. Chúng tôi chỉ hy-vọng, sau khi rời ghế nhà trường với ít hiểu biết thông-thường về mỹ-thuật, học-sinh Việt-Nam sẽ là những mảnh đất tốt, sẽ là những người làm vườn giương-mẫu lo nuôi-nấng, săn-sóc cho cây hoa mỹ-thuật đơm nhiều bông đẹp, ngát hương thơm.

III — 57.

TỪ-QUYÊN ĐẶNG-VĂN-NHÂM



■ Thế nào là đại-trượng-phu.

Cảnh-Xuân hỏi Mạnh-Tử :

— Mỗi lần Công-tôn Diên, Chương-Nghị nài cơn thịnh-nộ đi du-thuyết thì các chư-hầu thấy đều run sợ, không ai dám ho-hè tranh-giành gì nữa. Nạn binh-đao bớt dần tránh khỏi và thiên-hạ được hưởng thái-bình. Như thế, hai người trên có thể gọi là đại-trượng-phu không ?

Mạnh-tử đáp :

— Gọi hai người ấy là đại-trượng-phu thế nào được ! A-dua, xiêm-nịnh, lựa ý, chiều lòng người để có quyền-thế, thái-độ của hai người ấy là thái-độ của bọn tỳ-thiếp, lúc nào cũng sẵn-sàng để cho người ta sai bảo. Đại-trượng-phu đâu có thế !

Đại-trượng-phu có tâm-địa chí-công, giống như cái nhà rộng lớn trong thiên-hạ ; hành-vi cần-trọng, mực-thước như giữ ngôi chính trong thiên-hạ ; việc làm đường-hoàng, quang-minh như đi giữa đại-lộ trong thiên-hạ. Lúc đắc-chí thì đem thi-hành cái sở-đắc, cái khôn-ngoa cho mọi người nhờ ; lúc bất-đắc-chí thì cũng an-nhiên giữ vững cái hay, cái giỏi của mình. Giàu sang không làm mất được cái tâm, nghèo khó không biến-đổi được cái tiết, vũ-lực không làm nhục được cái chí... có được như thế mới gọi là đại-trượng-phu.

DUYÊN HỘI-NGỘ TRONG CÂU HÒ MIỀN NAM

THUẦN-PHONG

CA-DAO VỚI DÂN-TỘC



Á TỪNG học-hỏi ca-dao, ai cũng phải thừa-nhận tánh-cách đồng-nhút của dân-tộc, từ văn-chương đến phong-tục, trong lãnh-vực cũng như ở tinh-

hần. Ca-dao là một phương-tiện truyền-truyền, một thể-thức liên-lạc, vượt tất cả đèo ải núi sông, qua suốt cả thời-gian triều-dại. Trải qua tất cả chướng-ngại vật-chất và vô-hình, ca-dao đi sát theo gót nam-tiến và có khi tung bay ra hải-ngoại lân-bang.

Trước hơn hết, ca-dao là chiếc xe chở ngôn-ngữ từ Bắc vào Nam ; như tiếng « ô », tiếng « mồm », hai tiếng thổ-ngữ ở Bắc và ở Trung chỉ có lưu-truyền trong hai câu ca-dao miền Nam, mà không hề nói :

— *Lọng che sương dầu sườn cũng lọng,*

Cái « ô » bịt vàng dầu trọng cũng « ô ».

— *Một trăm ông chú không lo,*

Lo vì một nỗi mụ o nỏ « mồm ».

Những tư-tưởng phổ-thông, phản-ảnh khía-cạnh của dân-tộc-tính, cũng nương theo

giọng lãnh-lót mà truyền thẳng vào Nam.

Chẳng hạn câu ca-dao ở Bắc :

Chim quỳên xuống suối ăn trùng,

Anh hùng lữ vận lên rừng đốt than.

chuyển vào Nam thành câu :

Chim quỳên xuống suối kiếm mồi,

Thấy anh lao-khò đứng ngồi không yên.

Có những câu đi ngang qua thời-gian suốt Bắc, Trung, Nam, mà vẫn còn nguyên vẹn :

— *Gió đưa cây cải về trời,*

Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.

— *Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,*

Nhớ người đây gấm khăn điều vắt vai.

— *Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,*

Bâng-khuâng nhớ mợ chín chiều ruột đau.

Chủ-yếu và thông-dụng nhất là câu cò-vô đoàn-kết :

Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây gụm (chụm) lại nên hòn núi cao.

Ngoài ngôn-ngữ và tư-tưởng, ca-dao vẫn còn chứng-minh được sự đồng-nhút trong thể-cách hành-văn, trong phương-pháp diễn-tả. Câu trong Nam người bạn biền hát ở ngoài khơi hòn Phú-Quốc :

Tháng giêng là tháng ăn chơi,

Anh đi nằm bãi hờn Khờ một mình.

nếu không phải vì truyền-thống đồng-nhút, có lẽ nào ngẫu-nhiên mà trùng với câu ca-dao ở đồng quê sông Nhị-Hà :

Tháng giêng là tháng ăn chơi,

*Tháng hai trồng đậu, trồng khoai,
trồng cà...*

Bài này không nhằm mục-dịch chứng-minh sự thống-nhút xứ-sở. Một ít thí-dụ dẫn-chứng, chỉ mong thanh-minh trước rằng bài này không có dụng-tâm phân-biệt địa-phương, dưới một đầu đề thu-hẹp. Đầu đề sở-dĩ thu hẹp vì vấn-đề quá ư to rộng mà nhút là vì quan-niệm dân-tộc vẫn đồng-nhút về vấn-đề, đầu cho xét ca-dao ở lưu-vực sông Hồng, xét câu hò mái đẫy ở mặt sông Hương, hay là xét câu huê-tình trong giòng sông Cửu. Vậy thu hẹp vấn-đề ở trong khung-cảnh miền Nam tưng-trung không có dụng-ý phân ranh hạn giới mà trái lại, có tác-dụng điển-hình cho khắp cả dân-tộc từ Bắc chí Nam. Phương-chi, ừ hồi Hoàng-ngọc-Phách trong bài diễn-văn đọc tại Hội Trí-Tri Nam-Định ngày 14-10-1923 và Phạm-Quỳnh trong bài diễn-văn đọc tại Hội Địa-Dư Hà-Nội ngày 19-12-1929, dẫn đến Hoa-Bằng Hoàng-thức-Trâm trong quyển « Dân-Tộc-Tính trong Ca-dao », đã nhiều lần ca-dao ngoài Bắc được nghiên-cứu trình-bày, được rộng-rãi phổ-biến khắp nước ; trong lúc ấy, ca-dao miền Nam chỉ được hát, hò trong cảnh đồng rộng sông dài, chưa có dịp phổ-trương giới-thiệu.

DUYÊN GẶP-GỠ

Cùng một dân-tộc, cùng một huyết-thống, cùng một tâm-hồn, nên ở Đàng Ngoài hay ở Đàng Trong, người Việt chúng ta bao giờ cũng vẫn là người Việt :

Tốt đây chẳng hát thì hò,

Chẳng phải con cò ngóng cò mà nghe.

Vì yêu đời mà vừa làm vừa hát ; vừa làm vừa hát để càng yêu đời. Từ xưa và từ Nam chí Bắc, hát gắn liền với cuộc đời, hát là một điều-kiện sanh-sống, — sanh-sống tập-đoàn : trước hơn hết, hát là duyên gặp-gỡ.



Trên chiếu bông hay trường kỷ, ngoài điệu thuốc miếng trầu bên chung trà chén rượu, những nhà trí-thức kết duyên tao ngộ bằng câu phú câu thơ. Kề chân lăm tay bùn lầy trời làm nhà, lầy nước làm chiếu, chào hỏi nhau bằng tiếng hát, câu hò và cứ hát hò mà kết duyên hội-ngộ.

Trên khúc sông rộng trời khuya, một ánh trao-phu thả chèo theo nước, lòng những lâng-lâng theo ngọn thủy-triều, khắp-khỏi như những chòm sao nháy trên chín tầng mây, rộn-rục như các vùng lửa đóm hai bên mé rạch, không thể nào mà chẳng cất tiếng lên hò, nhút là khi nhìn thấy một

đếm đèn linh-dinh thả trước mặt, sắp khuất
đang bên doi :

Bớ chiếc thuyền loan !

Khoan khoan ngớt mái,

*Đặng đây tỏ một hai lời phải trái nghe
chơi.*

Dầu chưa phải một nòi tình, nhưng vẫn
là người đồng-diệu, khách thương-hồ cũng
sẵn-sàng tao-ngộ gây duyên, thung-dung
đối lại :

Bớ chiếc ghe sau !

Chèo mau, em đợi,

Kẻo khỏi khúc sông này, bờ bụi tối-tăm.

Thế là duyên gặp-gỡ đã gây đầu.

Có khi duyên gặp-gỡ bắt đầu một cách,
khác.

Đây là trường-hợp một cô thương-nữ
đêm khuya sông vắng, lẻ-loi một gái một
thuyền, muốn tìm một bạn đường cho giải
muộn, lạnh-lót hát lên đánh thức cô-bác
anh-em :

Gió đưa con buồn ngủ lên bờ,

Đừng cho nó xuống nó rờ mắt tôi !

Thiên-hạ đã thức và âm-thầm thồn-thức
vì câu hò có duyên ; để đáp lại tiếng ho-
hen tăng-hắng trên bờ và để trêu-gheo các
anh trai đồng-diệu, chị lái dò nổi tiếng hò
lên :

Đời phải đời thanh-trị,

Cuộc phải cuộc văn-minh,

Kìa là gió mát trăng thính,

Biết đâu non-đạo bày tình cho vui ?

Quả-nhiên, trên bờ có khách đồng-diệu
ứng tiếng hò lên đáp lại :

Thùng thùng ! đó nói một câu,

Đây anh châu nửa chục,

Hề là gạn đục,

Thì phải lóng trong ;

E cho miệng chẳng in lòng,

*Chớ thuyền-quyên sánh với anh-hùng
mới xuê.*

Thì chàng « anh hùng » này tức-khắc,
hoặc là thả bộ trên bờ sông, hoặc là bơi
xuồng theo cò lái, đối đáp cho phỉ tình
đồng-diệu, thỏa duyên tao-phùng.

Duyên gặp-gỡ đã gây mối **xong**, tiếp
theo là một cuộc đối-đáp, gạn **đục** lóng
trong, thử lòng đua trí.

Anh dò đã nghe « người **ngbĩa** » cất
tiếng vọng lại « Bớ chiếc ghe sau ! chèo
mau em đợi », là anh rán hết nước chèo
theo, miệng hò với :

Thuyền em đã nhẹ

Chèo lẹ khôn theo !

Khuyên em bớt mái, khoan lèo chờ anh !

Cò lái trước doi không lẽ hẹp-hòi mà
không đáp lại :

Đây đã chèo lợt

Đặng chờ người tri-kỷ,

Gặp mặt chuyện trò cho phỉ ước-mơ.

Cò lái đã gây đầu, anh dò cố-nhiên
vội buộc :

Bâng-khuảng bát-ngát

Nghe em hát hữu tình,

*Căn-duyên tiền-định khiến đôi-dấu
mình gặp nhau.*

Từ bây giờ là bắt đầu cuộc thi tài. Cô
gái hát lên một câu đối từ-ngữ, lấy tiếng
của thợ mộc mà ước tình :

*Chàng đừng có lóng trong gạn **đục**,*

*Thiếp giao tình bằng thừng như **cưa**,*

Giữ cho trọn nghĩa sau xưa,

*Cũng như anh thợ mộc liệu vừa **rập-
khôn**.*

Anh dò bắt buộc phải đáp lại theo
phương-pháp mỹ-từ ấy, dùng tiếng thuật-
ngữ của thợ dệt tơ :

*Anh đốc kén cho đặng một người
kim chỉ,*

*Nên chỉ làm cho phỉ **tóc-tơ***

Bớt vầy anh mới ước mơ,

Cũng như người dệt lụa giữ hồ mỗi-
manh.

Cô lái tiếp-tục đối-ngữ, dùng những vật
lễ-nghi trong đám cưới :

Chim chìa-vôi bay ngang đám thuốc

Cá bả-trầu lội tuốt mương cau

Đầu anh đốt thử cho mau !

Em đây chịu khó đừng hấu lóng nghe.

Anh đồ khéo hơn, dùng những tiếng
trong bếp, hòa lẫn những tiếng văn-phòng,
ngụ-y hợp-hòa hôn-phối :

Nước chanh-giấy rưới vào mắt mực,

Rau mùi-viết trộn lộn giấm son,

Bốn mùi hiệp lại càng ngon,

Cũng như qua gần bậu, chẳng còn nhớ
trông.

Cô lái chưa chịu, sang qua nghề hạ-bạc
có ý mỉa-mai :

Quần lũng đày đi đâu xó-ró,

Áo rách te nói chuyện bốc-chài,

Thế-gian em thấy thường hoải,
Hễ ăn được cá, tỉnh bài bỏ nơm.

Anh đồ đáp bằng nghề cung ná phòng-
đối :

Con ngọ-nạn giò run bầy-bầy,

Lúc giết-giàng chạy lẹ bằng cung,

Việc đời nói chẳng hay cùng,

Đặng chim bẻ ná, anh chẳng dùng vạy.
đầu.

Cô lái trở về vườn quê, ví mình với
trái hạnh, biểu-hiệu đức vẹn toàn :

Thân em như trái hạnh

Rành rành đang tròn,

Đầu sương dầm, nắng dãi, không mòn
liết xuân

Anh đồ liền hóa thân thành con chim
để đáp gần thứ trái cây tiêu-biểu cho đức-
hạnh ấy :

Thân anh như con én

Léo-lén trên nhành,

Muốn kè trái hạnh, chẳng đành bay xa.

Đã cao-rao mình là gái tiết-hạnh, không
lẽ dành cho én dựa oanh kè, nên cô lái
biến ra một thứ hoa, tượng-trưng cho đức
thanh-khiết :

Thân em như bông bưởi trắng ròng,

Tuy mùi thơm nức mũi, mà lòng sạch
trong.

Hoa bưởi đã dành tượng-trưng cho
thanh-khiết, nhưng chưa phải biệt-lập một
cối như Nhị-kiều trong chốn nhà vàng, mà
trái lại vẫn bị chùm-gởi bám-vây, nên anh
đồ khéo hạ mình đáp lại :

Qua li như chùm-gởi đáp nhờ,

Gá vô nhành bưởi nọ, đặng nhờ hương
hơi.

Nhận biết đã sơ-hở, cô lái vẫn đề-cao
giả-trị bản-ngã, vừa cảnh-cáo anh chàng,
hát trở :

Thiếp như một cụm hoa hương :

Thấy xinh mà rờ đến, mắc đường chông
gal.

TIN VĂN-NGHỆ MIỀN TRUNG

◆ Chữ tình

Tập truyện ngắn đầu tay của VÕ-PHIẾN
BÌNH-MINH Xuất-bản

Đương in :

◆ Chiều cuối năm

Truyện của ĐỒ-TẤN

◆ 24 giờ trong đời một người đàn bà

Truyện dịch của STEFANZWEIG
BÌNH-MINH Xuất-bản

Giới thiệu sách

Nhà Xuất-bản BỐN-PHƯƠNG mới tái-
bản cuốn HƯƠNG HOA ĐẤT NƯỚC
một công-trình sao-lục hơn hai mươi lăm
năm của Trọng-Toàn.

Bách-Khoa trân-trọng giới-thiệu cùng
bạn đọc.

Anh dò tò ý cao-thượng, đáp :

Qua cũng tỉ như cái hột sương,

Rưới hoa hương cho tươi-tắn,

Vì tiếc cánh hoa lành bị nắng héo khô.

Đã bắt đầu đề-cao tài, hạnh và sắc mà vẫn bị chàng trai ăn qua, cô lái duy còn có một nước là tự tôn mình lên một ngôi-vị thiêng-liêng cao cả, may ra được kẻ đối-thủ tôn-thờ :

Thiếp như trái Phật-thủ khác gì ?

Đẹp thì thấy đẹp, ăn thì khó ăn.

Nhưng không ! Cuộc đời là một trường tương-đối : ma linh còn có quỷ linh hơn ; quỷ linh còn có thần linh hơn ; thần vẫn còn kém thánh ; thánh há cao hơn tiên ? Tiên chưa dễ sánh cùng Phật ! Nhưng Đứng Thề-Tôn, dầu cho linh-thiên hơn chúng-sanh vạn-vật, vẫn không thể lia-tách cõi đời : chính có cõi đời mới có chỗ cho Thề-tôn « ngự-trị ». Anh trai mộc-mạc kia tự ví mình là chỗ ngự-trị của Thề-Tôn, là căn-bản của Đứng Chí-Linh Toàn-Giác ấy :

Qua như cái quả-tử trên bàn,

*Đề chung Phật-thủ vững-vàng xem
chơi !*

Cô ơi ! cái chi-chi ấy của cô, cô cho là linh, là « Phật » ấy, thực-tế là món đồ đề trang-hoàng, đề chung-diện, đề « xem chơi », nằm ì trên cái đĩa quả-tử : chuốt-ngót lời vàng mà treo cao giá ngọc, chi cho anh trai đồng chua nước mặn bụm miệng cười dài ? Đành rằng một mai nên lứa thành đôi, có « ông thánh » nào mà khỏi « lập trang thờ bà », nhưng giờ linh chưa gõ, thì cô mình chẳng qua là khăn-yếm thường-rình.

Thế mà cô vẫn đánh liều nguy-biến, còn cao giọng khoe lên :

Thân em xét kỹ

Cũng tỉ như đồng bạc đầu hình,

Người người ai cũng muốn nhìn,

*Lãng-xăng đương buổi chợ, gọi mình
vào đâu ?*

Tài năng, nhan-sắc, đức-hạnh, linh-thiên, những giá-trị cao nhứt ở đời đã hoá ra vô hiệu-lực đối với anh chàng tay lăm chơn bùn ; giờ cô chỉ còn một hi-vọng cuối-cùng, một giá-trị thực-tế, một miếng mồi ngon-lành là đồng bạc, đồng bạc trắng đã vì nó mà chú tây đen làm lụy biết bao khách má hồng ! Trăm phần anh lái dò cùng phải theo luật « sáng đèn hoa mắt », « trắng bạc đen lòng » mà phải qui-hàng thúc-thủ, cô tưởng như thế.

Lầm to ! cái luật « hoàng kim hắc thế tâm », có đúng là đúng cho những người bất nghĩa. Còn anh chàng quê-mùa chất-phác, ăn chắc mặc dày, có tham tiền là tham đồng tiền « phải nghĩa », đồng tiền mồ hôi nước mắt của mình làm ra, và cất kỹ đồng tiền của mình trong chỗ chắc-chắn. Cho nên anh đối lại :

Thân qua xét chắc

Như tù sắt đề hồ.

Góp thâu tiền-bạc giấy-tờ,

*Đồng nào phải nghĩa, anh được nhờ,
cất vô.*

Thế là hết đời ! Còn gì cao-quí mà khoe-khoang ? Nền cô lái đồ cứ im-lặng mà chèo xuôi theo nước. Anh trai còn luyến-tiếc không muốn cho dứt cuộc hát hò, nên trở lại « tấn-công » :

Canh hãy còn khuya,

Đàng về thăm-thăm,

Đôi ta xứng lắm,

Như kếp gập đào.

Hát chơi cho giải muộn, lẽ nào làm ngo ?

Tiếc thay mẩn nước tàn canh, bày gà đồng-thanh gáy sáng, giục-giã đôi bạn phân-lìa. Cô gái cất tiếng lên từ-tạ :

Đêm lun canh tàn,
Giả chàng ở lại,
Ra về hoãn-hoại,
Luống những đau thương,
Chào nhau cách mặt đôi đường,
Dứt câu hò hát, lo-lường bán buồn.
Đề chắm dứt buổi tao-phùng, anh trai
cũng hò theo một câu tạm biệt :

Gió thổi hiu-hiu,
Chín chiều ruột thắt,
Nhìn sao bên Bắc,
Nước mắt chảy bên Đông,
Ai xui chi cho vợ chồng chồng,
Không biết đây với đó, đây tơ hồng có xe ?

Cuộc gặp-gỡ giữa trai gái như trên đây là một sự việc thường-trực, diễn ra hằng ngày, hằng đêm, trên đồng, dưới sông, chung quanh cối xay, cối giã, giữa đêm trăng, trong đêm tối, giữa một gái một trai, giữa một đám người có thể gồm cả nam phụ lão ấu, trong hoàn-cảnh thiên - nhiên theo nhịp sống thông-thường của dân-tộc. Hoàn-cảnh thiên-nhiên sắp bày cho cuộc gặp-gỡ đượm sắc-màu của đất nước ; dân-tộc không cho cuộc gặp-gỡ như thế là trái ngược với đạo-lý luân-thường, tuy câu châm-ngôn đã cấm: « Nam nữ thọ thọ bất

thân ». Câu này chẳng qua là một hàng rào thừa ngăn-dón hạng trí-thức và phú-hào, một thiếu-số dễ bề trụ-lạc vì mắng ăn không ngồi rồi. Sanh-hoạt trong nông-thôn, công-tác ở nơi đồng-áng, đã không phân rẽ gái trai, mà trái lại, luôn luôn đoàn-tụ, đoàn-tụ trong một tinh-thần tương-trợ, tương-thân, trên một thửa đất màu-mỡ lành-mạnh : không có một câu ca-đao thô-tục lưu-manh, chỉ toàn là những câu thanh-tao đạo-lý ; đó là một bằng-chứng hùng-hồn làm chứng cho tinh - thần lành - mạnh của gái trai thôn-quê, làm chứng cho những cuộc gặp-gỡ duyên-vị nồng-nàn, mà không có mây-may nguy-tà tội-lỗi.

THUẦN-PHONG

Giới thiệu sách mới

Chúng tôi vừa nhận được quyển « LỊCH-SỬ V.N. I », do PHẠM-HOÀN-MỸ và một nhóm giáo-sư biên-soạn, do nhà xuất-bản Tân-Việt gởi tặng. Đây là quyển đầu trong bộ sách giáo-khoa viết cho học-sinh ban Trung-học và những người tự-học, viết theo phương-pháp mới nhất và tiến-bộ nhất « học-sử để làm sử », « học sử để tin ở sức sống phi-thường của nền giống và sự vươn tới của loài người ». Có nhiều bài bổ-ích và lý-thứ : thêm phụ-bản, bài hát « Đi hết đền Hùng ». Giá 35 đ.

B.K. xin giới-thiệu cùng bạn đọc.

■ CŨNG LÀ KHÔI-HÀI.

Vua Louis XIV thường chuyện-trò thân-mật với quần-thần.

Một hôm nhà vua cao-hứng truyền bảo một nhóm các quan :

— Oai-quyền ta không có giới-hạn và không một ai dám trái ý ta. Chẳng hạn, ta truyền cho ai gieo mình xuống sông, kẻ ấy phải lập-tức tuân lệnh, không được hỏi-han lời-thôi gì hết.

Dứt lời, nhà vua đưa mắt nhìn quanh một lượt. Triều-đình im phăng-phắc, trong khi ấy, quận công DE GUISE rón-rén ra đi. Nhà vua liền hỏi :

— Quận-Công đi đâu đó ?

— Thưa, tôi đi học bơi.

Nhà vua phá lên cười. Còn thái-độ của triều-đình lúc ấy ra sao, không thấy người ta kể lại.

CHÚT LÒNG

Gởi tặng NGUYỄN-HỮU-LỘC và BUI-ĐẶNG HÀ-PHAN

Dưới thời V.M, Quách-Tấn tranh-dấu trong hình ngũ * Mặt trận quốc-gia liên-minh bài Cộng * tại liên khu 5, sát cánh với Đoàn-đức-Thoan, Nguyễn-hữu-Lộc.

Năm 1950, tổ-chức bị vỡ, thi-sĩ bị bắt. Cuối năm ấy, được phóng-thích, ông về làm ruộng ở quê. Trong thời gian đó, ông có viết tặng những chiến-hữu bài * Chút lòng *.

Cuối 1952, Đoàn-đức-Thoan, Nguyễn-hữu-Lộc, Võ-minh-Vinh bị Việt-Cộng sát-hại ở Gò Rộng (Bình-Định), * Chút lòng * ấy mới được trao tới tay Giáo-sư Bùi-Đặng Hà-Phan trong thời gian ông này bị quản-thức ở Bồng-Sơn (Bình-định) cùng với một ít anh em. Hà-Phan nức-nở họa-vận lại trước khi ông chết ở xứ đừa (1953) như ông đã tiên đoán.

Từ phen biên mộng khép trắng song,
Nửa mẫu vườn quê tằm nấu lòng.
Đi đứng luống thương đường lối hẹp,
Ăn nằm dăm phụ nước non chung.
Mười phương tin-tức chìm hờ-hững,
Ba kiếp văn-chương bút ngại-ngùng.
Bạn-tác vì thương tình gặp-gỡ
Đừng đem mây ràng dọ nghĩ-dùng.

Phú-Phang 1950
QUÁCH-TẤN

Họa vận

TRỜI xanh lồng-lộng động khung song
Đầy mảnh vườn con, bát-ngát lòng...
Trắng nước mai chiều thơ-mộng đẹp
Đầy voi nhân-thế hận-sầu chung
Mây trôi ngày tháng tình lơ-lửng ;
Bướm lạc hồn hoa ý ngại-ngùng.
Chỉ sợ ràng mây ngày gặp-gỡ :
Hương-linh đâu nữa ngát hoa-dùng.

Trung-lương 1952
BUI-ĐẶNG HÀ-PHAN

CHUYỆN VỀ QUÊ TÔI...

Thân-tặng các học-sinh của tôi để kỷ-niệm một mùa du-ngoạn...

QUÊ tôi đấy : ngô buồn phơi cát trắng,
Nàng chiều lên xóm nhỏ dẹt có-liều...
Chiến-chinh xưa còn ghi vết tiêu-diều.
Lòng mẹ héo bên nong tằm xơ-xác...

QUÊ tôi đấy : lều tranh ngồi rải-rác.
Màu quê-hương thanh-đạm dưới trăng đêm.
Vườn quê-hương ghi lại phút êm-đềm :
Nồi khoai luộc ngát thơm link đất nước...

QUÊ tôi đấy : áo nâu đà bạc thếp
Màu dầu-tranh của bao bác nông-phu
Tháng năm qua, đưa những bước cần-cù
Cho ruộng đất lại chỗi lên mầm sống...

QUÊ tôi đấy : tóc xanh chờ ấp mộng
Thanh-bình đây, tràn ngập cả hồn trai.
Đất lành ơi ! Trời rộng với sông dài,
Tình lúa mới, với duyên trăng muốn thuở...

QUÊ tôi đấy : tiếng hò vang trong gió :
Hò... ơ... !

Ở cô con gái Đồng-nai,
Hát lên cho thấm lòng ai bên đò...
Khoan hò, cất giọng khoan hò,
Đời thêm tươi đẹp, âu lo xóa mờ...
Trăng thanh soi xuống liếp dừa,
Cầu tre một nhịp: duyên xưa nối liền...

T.D.K.

(Mùa Phục-Sinh 1957)

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boîte Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-Thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng Khánh,
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon.

Toutes Opérations de Banque et de Change.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

CHI-NHÁNH TẠI SAIGON :

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23434/35/36 — Địa-chỉ điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG-VIỆC NGÂN-HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội-Đoài Quốc-Gia Việt-Nam*

**MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES & CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE**

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

ANNE FRANK

MỘT CUỘC ĐỜI VÀ MỘT VỞ KỊCH

NGUYỄN-KIM-THANH *trích-dịch*

Giữa một thời ly-loạn, một cô gái vừa bắt đầu biết xúc-cảm, Anne Frank liền bị làm vật hy-sinh cho chiến-tranh. Tâm-hồn non trẻ của cô gào lên, đòi quyền được sống mãnh-liệt, sống tràn-trề trong tự-do, hòa-bình. Và những tiếng kêu đó tuy oặt tắt trong cái chết vô nghĩa, vẫn còn vang mãi, làm động lòng rất nước mắt cả đến dân-tộc hiếu-chiến như dân Đức: Mặc người xúc-cảm, chiến-tranh vẫn có thể lãnh-đạm, bạo-tàn mãi chăng?



AN đêm, không còn một ai trong căn nhà tại kinh-thành Amsterdam. Im-lặng tràn ngập nơi đây, chỉ còn văng-vẳng tiếng chuông nhà thờ Westerto-

ren, mà dư-âm lướt trên mặt sông tựa hồ như đọng lại trong hơi sương nhẹ-nhẹ. Những bức tường gạch và làn nước xung-quanh nhà cô, hầu như đã lãng quên những thảm-kịch xa xưa. Cách đây 12 năm, Anne Frank đã rời khỏi nơi này. Cách đây 12 năm, những bóng súng tàn-bạo đã đập phá chiếc cửa bí mật nhà cô. Rồi chiếc xe riêng của sở mật-thám Gestapo chứa đầy những thịt người, đã rẽ sang bên phải, tiến về phía nghĩa-trang. Cô gái nhỏ tóc đen đã trút hơi thở cuối cùng tại trại tập-trung Bergen-Belsen.

Trong căn nhà ấy, cô đã phải sống giam-cầm suốt hai năm cùng với hai thân, sống cô-quạnh chờ đợi tự-do, nhưng quá muộn. Giữa một khoảng rộng chừng vài thước vuông, cô đã lớn lên, đã đau-khổ và đã yêu-đương. Rồi một ngày kia, cô lìa trần. Sau cuộc đại chiến thứ II, vào năm 1945, một hôm người ta tìm thấy cuốn sổ viết tay trên mặt sàn nhà cũ này: đó là trang nhật-ký thân-yêu của cô gái 13 tuổi mô-tả cuộc sống ẩn núp giữa tuổi niên-hoa, gian-nan hòa-lẫn ái-tình, nụ cười xen giữa tiếng khóc. Cuốn nhật-ký này khi được phát-hành đã làm xôn-xao dư-luận, và được phiên-dịch ra nhiều ngoại-ngữ, dưới nhan-đề: « Journal d'Anne Frank ». Không những thế, nó còn được nâng cao lên một địa-vị mà những cuốn nhật-ký khác chưa từng có, vì nó trở thành một vở kịch đề

diễn-xuất. Thật vậy, hai vợ chồng nhà văn-hào Mỹ, Frances Goodrich và Albert Hackett, đã soạn thành một vở kịch mà nhà dàn-cảnh Garson Kanin đã cho trình-diễn tại một rạp hát ở Nữu-Uớc. Vở kịch chẳng bao lâu đã được nhiều lời khen ngợi và tặng thưởng đến nỗi người ta quảng cáo liền hàng mấy tháng nay ở Broadway mà vẫn đông khách xem. Vở kịch này đồng-thời đã làm xúc-dộng khán-giả ở bảy tỉnh bên Đức và chẳng bao lâu nữa, chắc sẽ được đem công-diễn tại Pháp-quốc. Nhà bình-luận Walter Winchell đã viết: * Các bạn sẽ không bao giờ quên được vở kịch ấy * và nhà phê-bình của báo Life đã quả-quyết rằng đó là một bản kịch cảm-dộng nhất, bắt nguồn cảm-hứng trong cuộc đại-chiến thứ II và là một vở hát hay nhứt mà rạp Broadway chưa từng trình-diễn. Nhờ ngọn bút xuất-sắc và thơ-ngây của một cô bé mà ngày nay mỗi tối, căn nhà hoang vắng tại kinh-thành Amsterdam, được thể-hiện dưới ánh đèn sân-khấu với đông-đủ các nhân-vật và nhờ áng văn ấy mà người ta đã làm sống lại được thiếu-nữ mà chiến-tranh sát-hại.

Tập nhật-ký khai-bút từ ngày 12 tháng 6 năm 1942, lúc đó Anne vừa mới 13 tuổi. Cha cô là một thương-gia Do-Thái, bị trục-xuất khỏi Đức và phải di-cư sang thành Amsterdam từ 1933. Anne là một cô gái xinh-đẹp, nhĩ-nhảnh, tinh-ngịch, có nhiều năng-khiếu. Nhưng năm 1940, quân Đức tiến đến thành-phố êm-đềm cô ngụ. Nhiều kế-hoạch được thi-hành để tiêu-diệt



người Do-Thái: nào là phải mang huy-hiệu sao vàng, cấm đi tàu, lái xe, cấm ra đường sau 8 giờ tối, nào là cấm xem chớp bóng, tuồng hát, cấm giao-dịch với tín-dồ Gia-Tô. Các sự cấm- đoán, nhục-nhã với bao cực-hình mỗi ngày một tăng. Mặc dầu chung sống với cha mẹ và người chị cả, Anne vẫn cảm thấy cô-độc. Sự kinh-hoàng do Đảng Quốc-xã Đức gây ra đã làm cho cô bàng-hoàng trong cuộc sống tranh tối tranh sáng, giữa lúc thời thơ-ấu chuyển sang thời niên-thiếu. Anne muốn bộc-lộ tâm-sự, nhưng nào có ai nghe. Nhân ngày lễ sinh-nhật, ông Otto Frank, thân-phụ cô, cho cô cuốn sổ ghi nhật-ký. Anne chợt nảy ra ý-dịnh dùng cuốn sổ đó thay một người bạn tâm-sự và đặt tên cuốn sổ đó là Kitty. Cô ghi chép ngày ngày: * Ta ước-mong có thể gửi niềm tâm-sự vào người hơn đối với một người nào, ta cũng hy-vọng rằng người sẽ

nâng-dỡ ta ». Sự « nâng-dỡ » của cuốn nhật-ký, sau đó trở nên rất cần-thiết cho cô. Cô thừa hiểu cha mẹ cô và cả cô nữa đều bị ngược-dãi vì người ta đang truy-tầm để sát-hại gia-đình cô. Cô hiểu lắm, nhưng dù bao giờ cô cũng vẫn giữ được điệu văn duyên-dáng của tuổi thơ-ngây. Mỗi trang nhật-ký luôn luôn tràn-ngập niềm vui-tươi. Anne là cô Alice giữa biển khổ.

Tháng 7 năm 1942, những biến-cố dồn-dập tới, gia-đình họ Frank nhận được giấy đòi của Sở mật-thám Đức. Vì biết trước sự chẳng lành, họ đã được các bạn công-giáo giúp-dỡ để tổ-chức sẵn-sàng một nơi ẩn-nấp trong một căn nhà bên bờ sông Prinsengracht. Cũng giống như những ngôi nhà khác trong các khu-phố cổ-kính thành Amsterdam, căn nhà chia làm hai phần riêng-biệt, một mặt trông ra phố dùng để mở cửa hiệu, một mặt hướng về phía vườn. Căn phòng gia-đình Frank trông ra phía vườn, cửa ra vào được che kín sau chiếc tủ kính trên từng gác thứ nhì. Nếu không biết rõ địa-điểm này, thì không ai có thể nghi-ngờ có một nơi trú-ẩn với nhiều phòng lẫn sau chiếc tủ gương. Một phần đồ-dạ, giường, ghế, quần áo, vải vóc, đồ hộp của gia-đình họ Frank được chuyển đến dần-dần. Bọn người ẩn-dật đều phải sống trong căn phòng bí-mật đó, không được ra ngoài, cho đến khi cuộc xâm-chiếm của quân Đức chấm dứt. Sự liên-lạc với bên ngoài đều do những người thân-thuộc đảm-nhiệm như gia-đình Kraler, ông Koophuis và nữ thư-ký Elli Vossen làm việc trong cửa hiệu. Muốn được sống an-ninh, họ phải tự đặt cho họ những kỷ-luật nghiêm-ngặt. Ban ngày, vì sự có mặt của nhân-viên trong cửa hiệu đang trước, họ phải đi chân không, nói năng thật khẽ, không được tắm rửa, không được ho, mặc

dầu ồm ầu. Chỉ ban đêm, sau khi nhân-viên trong cửa hiệu đã về hết, đời sống của bọn người này mới được tự-do hơn. Bọn họ gồm tám người : ông bà Frank và hai con gái là Margot (16 tuổi) và Anne, ông bà Van Daan và người con trai là Peter (15 tuổi) và thêm ông Dussel, một nha-sĩ 54 tuổi sống độc-thân. Họ thu-xếp chỗ ở, chia nhau các phòng, và phải thuộc kỹ những mật-lệnh mà họ tự đặt ra. Anne ghi trong cuốn nhật-ký : « Tôi có cảm-tưởng phải sống những ngày nghỉ hè trong một ký-túc-xá rất kỳ lạ... » Đồng thời, cô được hiểu rõ nguy-hiểm trong một cuộc khai-tử giả - mạo mà bọn người Do-thái phải đem ra áp-dụng để may ra được sống sót. Anne ghi : « Tôi cảm thấy bị ngột-ngạt khôn tả vì chúng tôi không bao giờ được ra ngoài và tôi rất lo sợ bị người ta khám-phá rồi bị bắn ». Nhưng rồi cô Anne không để tâm mãi đến sự lo-lắng ấy nữa. Tuy bị giam-cầm hết ngày này sang tháng khác, cô vẫn theo dõi sự tiến-triển của chiến-tranh và những biến-chuyển trong tâm-hồn cô.

Đời sống bọn người này được tổ-chức như ta đã thấy, nghĩa là im-lặng ban ngày, và chỉ được lên tiếng ban đêm. Anne dự-định học sử-ký, Pháp-văn, Anh-văn, cô hy-vọng một ngày kia khi được giải-phóng, sẽ tiếp-tục học-hành như thường. Anne viết : « Tôi rất ao-ước làm sao để khỏi phí mất tuổi học-sinh của tôi ». Nhưng rồi cô Anne đã ghi trên cuốn nhật-ký những điều không còn liên-quan đến thời thơ-ấu : đề-tài của cô là bảy người chung sống với cô. Những tính-tình mâu-thuẫn, những sự cãi-cọ vì những sự nhỏ mọn như công việc bếp nước, sự tranh-dành quyền ưu-tiên trong bồn tắm, khiến cô Anne đề-ý quan-sát và trở nên một quan tòa, một nhà phê-

bình. Cô đã ghi như sau : « Tôi nhận thấy một điều kỳ-quái là người lớn có thể cãi nhau dễ-dàng vì bất-luận một chi-tiết vụn-vặt nào ; trước kia tôi cứ tưởng rằng sự cãi-vã là thói quen của con nít, và khi lớn lên là người ta trừ bỏ được ngay ». Cô rất giận bà Van Daan là người đàn bà ích-kỷ, bà còn giữ lại một chiếc áo khoác bằng lông thỏ cũ-kỹ đã mười bảy năm nay, mà nhất-định không chịu bán đi trong khi mọi người thiếu ăn. Còn ông Dussel, có tật riêng là thích lên mặt giảng-dạy suốt ngày, cả đến việc gọt vỏ khoai tây cũng là dịp để ông dạy bảo : « Anne nhìn một chút xem tôi cầm dao thế nào và tôi gọt từ trên xuống như thế này. Không phải như thế... thế này cơ mà ». Ngay những người ruột thịt trong gia-đình đối xử với Anne cũng không được êm-đẹp lắm : mẹ cô hình như ít tình-cảm và bất-công đối với cô ; chị cô hay giận-dối. Cô ghi : « Tôi yêu hai người này chỉ vì đó là mẹ tôi và chị tôi. Nhưng đối với cha tôi thì khác hẳn, tôi yêu cha tôi tha-thiết lắm. Cha tôi là người lý-tưởng của tôi, tôi không yêu ai bằng cha tôi ». Rồi Anne kết-luận bằng một ý-tưởng ngộ nghĩnh : có những bậc phụ-mẫu nào có thể ban cho con cái sự mãn-nguyện hoàn-toàn không ? ».

Ngày 8-11-1942, nhóm người buồng xép này tiếp được tin Đồng-Minh đồ-bộ tại Bắc-Phí. Họ lấy làm hả dạ trong chốc lát, nhưng rồi sự khủng-bố lại tiếp-tục. Từ bên cửa sổ, Anne Frank được quan-sát rõ những cảnh ghê-rợn ngoài phố. Anne ghi : « Tôi nhìn thấy hàng đàn người vô tội dật dờ con mếu-máo lếch-thếch dẫn qua, theo lệnh của mấy tên tàn-nhân, chúng vừa đi vừa quất họ, hành-hạ họ cho đến khi những kẻ đáng thương kia quỵ xuống. Người ta không kiêng-nể một người nào, người Do-

Thái cũng như người công-giáo, hết thầy đều chờ đợi, có lẽ nhiều người lắm, có lẽ cả hoàn-cầu chờ đợi... bàn tay của Tử-thần ». Ngày tháng trôi qua đầy kinh-hãi, bất cứ tiếng động nhỏ nào đập vào chiếc tủ gương cũng làm cho họ phải lo-lắng. Rồi mối đe-dọa xuất-hiện : một nhân-viên trong tiệm nghi-ngờ có điều gì lạ. Hắn đã nghe thấy tiếng động, biết có một chiếc cửa bí-mật và tự hỏi tại sao người ta lại kê chiếc tủ gương ở trước cái cửa đó. Hắn toan tố-cáo chuyện kín, nhưng sau chuyện đó lại dàn-xếp được. Những người che chở bọn người lánh-nạn khuyên-nhủ họ nên có ý-tứ hơn nữa.

Sự ăn uống ngày thêm cực-khò : bọn người trong buồng xép này phải ăn khoai tây giá lạnh và đậu đỗ. Ban ngày nơm-nớp lo sợ, ban đêm không được yên giấc, vì bom đạn liên hồi. Nếu chẳng may mà bom rơi trúng nhà họ, thì nếu không chết vì bom đạn, họ cũng sẽ chết về tay quân Đức. Anne viết : « Mỗi ngày người ta cho tôi uống một liều thuốc « Valériane » để tĩnh-dưỡng thần-kinh ; riêng tôi biết một khoa thuốc hay hơn hết là : cười, cười phá lên, nhưng chúng tôi hầu như đã quên cười. Bên ngoài không một tiếng chim hót, trong nhà một sự lặng-lẽ như không có một sinh-vật nào và tràn ngập một bầu không-khí ngạt thở như muốn lôi-cuốn tôi xuống vực thẳm. Lòng tôi như muốn thét lên : Tôi muốn ra ngoài thay đổi không-khí, tôi muốn cười ! Tôi không buồn trả lời nữa, tôi nằm dài trên chiếc ghế ngựa đề ngủ, đề quên đi trong chốc lát thời-gian cùng sự yên lặng với nỗi lo sợ khủng-khiếp vì tôi không thể làm thế nào trừ bỏ những điều ấy được... Hối căn-phòng chật hẹp này ! mi hãy nói rộng thêm ra, hãy mở cửa ra cho chúng ta ! ».

Lời cầu-khẩn tha-thiết đòi được cởi mở, giải-thoát, đòi ánh sáng không hẳn là không được đáp lại, vì Anne, cô gái bị giam cầm, trong vài tháng nữa sẽ sống. Cuộc đời tình-ái, của tất cả mọi cô thiếu-nữ, một cánh cửa bí-mật sắp mở rộng cho cô, không phải hướng ra phố mà hướng về tình thương-yêu. Peter, con trai ông bà Van Daan đã 16 tuổi. Buổi đầu, Anne không có cảm-tình lắm đối với chàng. Ngày 14-8-1942, cô ghi trong cuốn nhật-ký : « Peter là một anh chàng khá phiền-nhiều và nhút-nhát, chàng mang theo con mèo Mouschi. Tôi coi Peter như một người bạn, tôi không hề hy-vọng gì rằng chàng có thể trở thành một người bạn tốt của tôi ». Ngày 2-9, cô viết : « Peter lười-biếng và nũng-nịu quá chừng, không ai nể-nang chàng cả ». Nhưng dần dần cô đổi giọng, ngày 2-10, cô đã trao cho Peter một quả táo. Anne kết luận rằng : « Bây giờ Peter có vẻ dễ thương đôi chút đối với tôi ».

Tuy nhiên, buổi đầu, Anne chưa hiểu rõ cái gì đã thu-hút lòng cô. Anne chỉ tưởng-tượng rất giản-dị là cô cần tìm một tình bạn, mà chắc-chắn hai thân cô và chị cô không thể mang lại cho cô được. Cô tưởng rằng nếu Peter là một người con gái thì tâm-tình đó cũng như vậy, không có gì khác. Nhưng rồi sau đó, cô tìm hiểu được rằng cô thích Peter là con trai hơn là nếu chàng là con gái. Anne viết : « Từ hôm qua, ngày 13-2-1944, có điều gì thay đổi trong tâm-hồn tôi, tôi nhận thấy tôi rất vui sướng vì Peter luôn luôn ngắm tôi không chớp mắt. Chàng nhìn tôi một cách thể nào ấy, một cách khác thường không giống như mọi ngày, tôi không biết giảng-nghĩa thế nào cho đúng được... Tôi cố ý không nhìn chàng nữa hoặc nhìn chàng rất ít, vì mỗi

lần tôi bắt gặp chàng nhìn tôi là tôi cảm thấy trong lòng tôi nảy-nở một thứ tình-cảm kỳ-diệu nó ngăn-cấm tôi nhìn chàng ».

Đến đây, Anne không còn tự dối mình nữa. Lúc cô đến thăm Peter, cô làm dõm rất tế-nhị, chải đầu, mang bao tay. Tuy chỉ phải đi bộ ba bước, nhưng Anne chải-chuốt cẩn-thận như sắp dự cuộc hành-trình ra khỏi kinh-thành Amsterdam. Tình-yêu làm cho cái thể-giới nhỏ bé của mấy gian-phòng thêm mở rộng, tâm-hồn Anne đã được tự-do tựa như cánh cửa bí-mật đã mở rộng trước mắt cô.

Anne và Peter cùng làm việc, cùng học tiếng Pháp, cùng nhìn thành-phố qua cửa sổ. Anne ghi : « Chừng nào cuộc chung sống của hai chúng tôi còn kéo dài, và lòng tôi còn rung-cảm với mỗi tình đẹp như vùng dương chói-lọi, như bầu trời quang-đăng, thì tôi không còn thấy buồn nữa. Tôi không nghĩ đến nỗi khổ-ái hiện tại nữa mà chỉ mơ tới sự tươi-đẹp mai sau ». Những lời trao đổi âu-yếm của đôi lứa không có gì kín-dáo, trong sạch bằng. Tình-yêu đắm-thắm thường bộc lộ qua những bài học tiếng Pháp, tiếng Hòa-lan, những môn thần-thoại Hy-lạp hoặc trong công việc hàng ngày. Đôi trẻ không bao giờ biểu-lộ tâm-tình trực-tiếp ; họ luôn luôn hiểu ngầm nhau, nhưng mỗi tình của họ rất nồng-nàn và linh-dộng. Anne chỉ còn biết có tình-yêu, ngoài ra mọi việc khác, nàng không để tâm đến nữa : trước những cuộc cãi-vã giữa mọi người, Anne đều lãnh-dạm, cả đến sự đe-dọa của chiến-tranh và nỗi lo-sợ hầu như cũng giảm dần. Có lẽ chiến-tranh cũng dịu bớt và gây lát thương-hại cho mỗi tình của đôi trẻ ẩn-núp trong kinh-thành Amsterdam.

Mỗi tình thơ-mộng, chỉ gọn có một chút mây mờ, vì Margot dường như ghen-

tuông với hạnh-phúc của Anne. Anne đến an-ủi chị một cách hồn-nhiên và thỏ thẻ cùng chị bằng những lời thân-mật và e lệ. Ai mà không cảm thấy khó chịu khi một chiếc xe bốn bánh lại có thêm bánh thứ năm. Margot đã ngăn cản mối tình của Anne. Không, Margot không yêu Peter ! Hai chị em không thể nào làm cho nhau hiểu được bằng lời nói, nên đã gửi cho nhau những bức thơ giảng-giải điều này. Margot cãi rằng nàng không hề yêu Peter. Anne viết: chúng tôi sắp vượt qua con giông tố của tình-yêu, một tình-yêu chân-thật, Peter xinh trai lắm, cười nói hay nghiêm-nghị trông vẫn dễ thương. Chàng rất ngoan-ngoãn và tử-tế... Chúng tôi bị ngăn-cấm đủ thứ và phải sống trong lo-âu càng ngày càng tăng dần, nhất là trong thời-gian gần đây. Tại sao chúng tôi cam chịu cách-biệt khi chúng tôi yêu nhau? Tại sao lại đợi đến tuổi trưởng-thành? Tại sao đòi hỏi nhiều quá như thế?

Bên ngoài, chiến-tranh vẫn tiếp-diễn. Tựa cửa sổ, Anne nhìn thấy chiếc phi-cơ Đồng-minh bị hạ, đoàn người nhảy dù lao ra, rồi quân-đội Đức bắn họ. Một buổi chiều chủ-nhật, ngày 9/4, Peter đến tìm cha Anne, chàng nói là đến nhờ thân-phụ

nàng giảng-hộ bài tiếng Anh khó hiểu, nhưng thực ra chỉ là một cơ chàng viện ra mà thôi.

Một tai biến xảy ra vì có kẻ trộm lên vào cửa tiệm. Chúng có thể nghe rõ bước đi, câu chuyện của bọn người giam-cầm. Bọn người này tắt đèn, xuống gác, thoáng nhận thấy cửa của tiệm này bị phá toang. Ông Van Daan mất tinh-thần kêu lên « ối cảnh-bình ơi! ». Thấy động, bọn trộm chạy trốn. Người trong nhà định chữa lại cánh cửa như cũ cho cảnh-bình khỏi đến điều-tra. Rồi bọn trộm ngờ là có việc gì lạ nên chúng dừng lại đập phá. Mọi người đều trở vào nhà trong.

Hồi 11 giờ, mọi người lại nghe thấy nhiều bước chân tiến lại gần, rồi có một kẻ bắn rất nhiều vào chiếc tủ gương dựng đứng trước chiếc cửa bí mật. Sự lo sợ lên đến cực-độ, mọi người thấy sắp bị lộ và bị bắt. Anne viết : « Tôi biết tôi sắp chết, tôi chờ cảnh-bình, tôi sẵn-sàng đợi như người lính ngoài trận-địa. Nhưng bước đi lại xa dần, chúng tôi lại thoát chết lần nữa ».

Ngày 6/6, mọi người ăn mừng. Đài-phát-thanh BBC Anh-quốc loan-báo cuộc đồ-bộ của Đồng-Minh. Anne đã 15 tuổi. Thế là đã hai năm trời đằng-đẵng, cô sống lén-lút trong căn phòng nhỏ hẹp. Chính nơi đây cô đã trở thành một cô gái biết yêu-đương. Ngày 1/8, Anne viết một trang dài về những điều cô tự xét mình : « Tôi tiếp-tục tìm phương-tiện để trở nên một thiếu-nữ mà tôi hằng mơ-uớc... Tôi rất có thể trở thành con người mộng-tưởng ấy nếu không có nhiều kẻ khác trên đời này ». Đó là lời nói cuối cùng của Anne Frank. Cuốn nhật-ký đến đây là hết vì đúng như cô nói trên, đời còn có những kẻ khác chẳng muốn cho cô được sung-sướng. Ba ngày

Giới-thiệu sách mới

Chúng tôi vừa nhận được của nhà xuất-bản Nguyễn-hiến-Lê, những sách sau đây :

1) « Đông-Kinh Nghĩa-Thực » (tác-giả Nguyễn-hiến-Lê), phong trào duy-tân đầu tiên ở Việt-Nam — Giá 34\$.

2) « Luyện-văn II » (cùng tác-giả), một tài-liệu giúp các bạn am-hiểu thêm Việt-ngữ, biết tự sửa văn mình và viết văn giỏi. Giá 48\$.

3) Thơ Bàng-bà-Lân, những văn thơ đẹp trình-bày một cách nên thơ. Giá 42\$

Bách-Khoa xin cảm ơn và trân-trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

sau, ngày 4-8-1944, có kẻ tố-giác điều bí-mật này, bọn lính Đức tràn vào những căn phòng đằng sau nhà để tìm-nã. Tiếp theo là tiếng còi xe, tiếng «phanh» rít lên, tiếng ừng, tiếng va-chạm, tiếng thét lên ghê-rợn. Thế rồi Anne bị bắt đưa về trại giam cùng với gia-đình cô, gia-đình ông bà Van Daan, ông Dussel và cả những người Hoà-Lan dũng-cảm đã che-chở cho bọn người lẩn-lút này. Cuốn nhật-ký văng ra nằm yên trên mặt sàn, giữa cảnh lộn-xộn của thế-kỷ đã tàn.

Cô Anne đã chết vào đầu xuân 1945 tại trại tập-trung Bergen - Belsen. Riêng thân-phụ cô đã thoát nạn, những người Hoà-Lan tìm thấy cuốn nhật-ký trong căn phòng và trao lại cho ông. Cuốn nhật-ký tràn-ngập tươi trẻ và yêu-đương, một kỳ-công duyên-dáng và lành-mạnh. Tác-giả tập sách đó tối tối đã sống lại trước các hàng ghế khán-giả trong rạp hát. Cuốn nhật-ký của Anne đã gây xúc-cảm mạnh-mẽ nhất tại nước Đức, đó mới là một điều đáng chú-ý. Tại Berlin, tại Dusseldorf, khi màn kịch đã từ từ hạ trong bầu không-khí yên-lặng và cảm-động, biết bao người đã khóc, biết bao người còn nán lại sững-sờ trên ghế. Nhiều nhà phê-bình đã viết : « Vở kịch

này rất cần đề nhắc-nhở cho chúng ta một chuyện quá-khứ gần đây mà chúng ta đã quên lãng quá mau chóng ».

Ngôi nhà bí-mật vẫn sừng-sững trước con sông Prinsengracht trong kinh-thành Amsterdam. Những buổi chiều sương mù bao phủ, có lẽ anh-hồn cô bé đã trở về đây để ngồi trong phòng, bên cạnh chàng Peter, như thời cách đây 12 năm. Trong đêm khuya-khoát, giống như những người thợ kim-hoàn cần-mẫn gọt dũa từng hạt kim-cương nhỏ xíu, có lẽ cô Anne vẫn còn đôi khi cầm ngọn bút ghi thêm vài giòng trên trang nhật-ký còn bỏ dở. Trong lúc đó, hồi chuông nhà thờ Westertoren vang lên, êm-ái, nhịp-nhàng trên giòng sông.

NGUYỄN-KIM-THANH

Trích dịch Paris-Match số 395

Cáo-lỗi cùng bạn đọc

Vì có nhiều bài cần đăng trong số này, chúng tôi tạm gác lại kỳ sau các bài trong hai mục : « Bách-Khoa đọc thay các bạn », « Nói có sách, mách có chứng » và truyện ngắn « Người tù » của Võ-Phiến đã ghi trong mục-lục.

BÁCH-KHOA

LÀM TÀI TRAI thì phải chết ở biên-thùy, lấy da ngựa bọc thây mới là đáng trọng, chứ dẫu năm xó giường, chết trong tay lũ trẻ thơ nằng-đỡ thì có hay gì ?

Lời MÃ-VIỆN theo Hán-Sử

DỜI TA cần phải lên cao chứ không thể xuống thấp, sức người có một giới-hạn, nhưng cần phải luôn luôn vượt qua giới-hạn ấy.

GUYNEMER

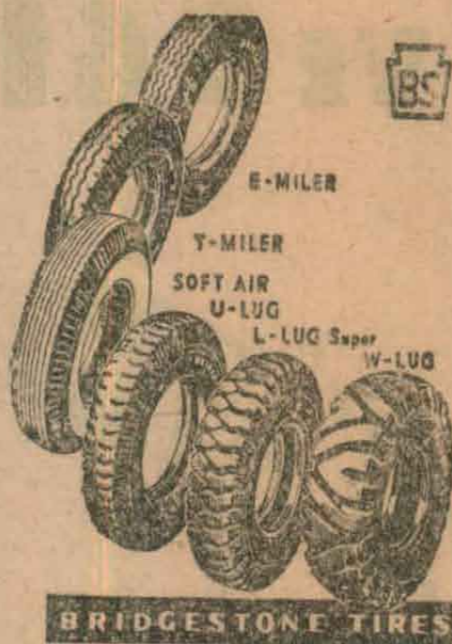
HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung-Su nên
Vinh-tê Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**



S.A.V.I.C.O.

Công-ty vô-danh thương-mại V.N.

Xuất-cảng — Nhập-cảng

41, Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-tín : VICOME

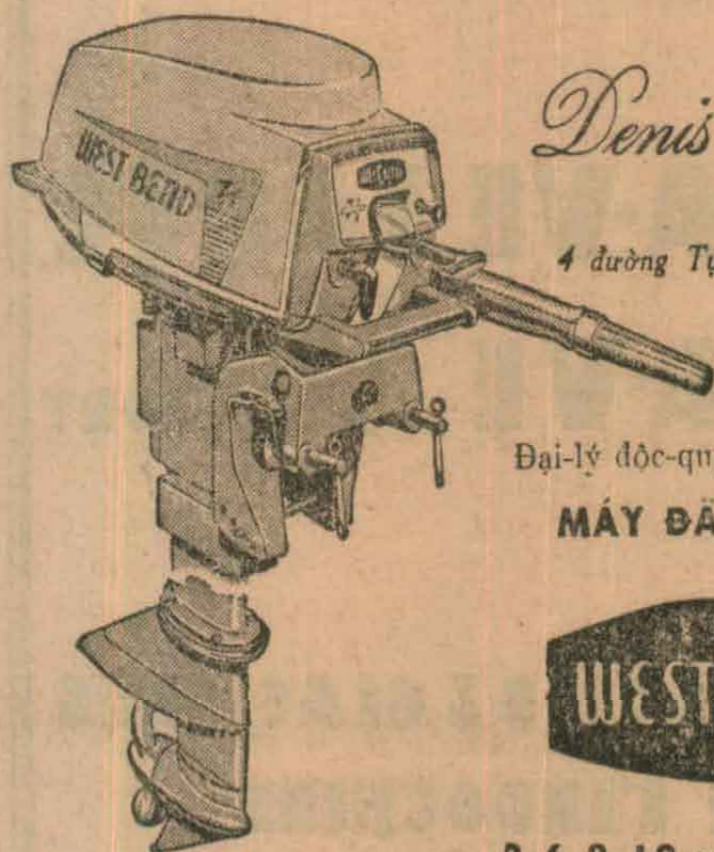


ĐẠI-LÝ :

- Vô xe hơi « BRIDGESTONE »
- Bình điện « G. S. »
- Máy lạnh dùng vào kỹ-nghệ « SURELY »
- Xe hơi các loại, hiệu « TOYOTA »

Vật-liệu Kim-khí — Vải, sợi — Xe gắn máy, phụ tùng xe hơi

XUẤT-CẢNG : Ngũ-cốc — Cao-su, v.v...



Denis Frères

4 đường Tự-do SAIGON

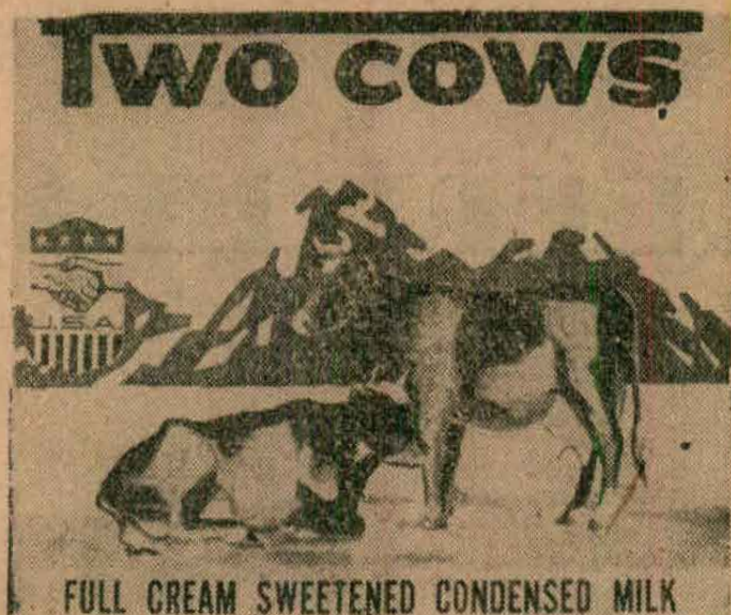
Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐAY CA-NỐT



2-6-8-12 và 30 mã-lực

SỮA «HAI CON BÒ»



ĐƯỢC VIỆN PASTEUR SAIGON CHỨNG - NHẬN LÀ
MỘT THỦ SỮA CÓ ĐỦ CHẤT BÒ CHO TRẺ EM DÙNG

VIỆT-TIẾN CÔNG-THƯƠNG XÃ (V. I. T. I. C. O.)

XUẤT - NHẬP - CẢNG

S. A. R. L. VN\$ 1.150.000

97, Đại-lộ Hàm-Nghi — 2, đường Nguyễn-văn-Sâm

55, đường De Lattre de Tassigny—SAIGON

Số ghi sổ thương-mại : 107—B—Điện-thoại 23.136—22.201

Địa-chỉ Điện-tín : VITICO SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

- | | |
|------------------------------|------------|
| — Vỏ ruột « YOKOHAMA » | (Nhật-bổn) |
| — Xe hơi RELIANT REGAL | (Anh-Quốc) |
| — Xe máy dầu FRANCIS BARNETT | (Anh-Quốc) |
| — Sơn SISSONS BROTHERS | (Anh-Quốc) |
| — Bóng đèn OSRAM | (Đức-Quốc) |

ROBERT BEAU

JOAILLIER

Agent de PATEK PHILIPPE et LONGINES

153, rue Tự-Do (ex Catinat) — SAIGON



Dùng Hộp Quẹt BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tế Quốc-Gia

Sié Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière.

VINGT-CINQ ANS D'EXPERIENCE !

CHEZ **A. CH. MICHAUX**

102 rue Tu-Do (Ex Catinat)

PREMIER OPTICIEN DE SAIGON

diplômé de l'Institut d'Optique de Paris

Dépositaire officiel de **CARL ZEISS**

Correspondant des Frères **LISSAC** à Paris

Dépositaire officiel des Lunettes **AMOR**

doublé or 50/000 et 60/000

Exécution de toutes ordonnances de MM. les Docteurs en 24 heures

Ets. THÁI-THẠCH

XUẤT-NHẬP-CẢNG

58-70, đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại số : 21.643 — 21.694

Đại-Lý :

Xe hơi : **BUICK và PONTIAC**

Xe gắn máy : **STAMI-CAPRI và MIÈLE**

Máy may : **ANDARD**

Hóa-phẩm của **MONSANTO CHEMICAL COMPANY**

Nhập-Cảng

Thực-phẩm các thứ.

Dạ-kim phẩm-vật.

Hàng vải

Xuất-Cảng

Cao-su

Sản-phẩm nội-hóa

VIỆT-NAM KHUYẾT-TRU'ƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TV}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM

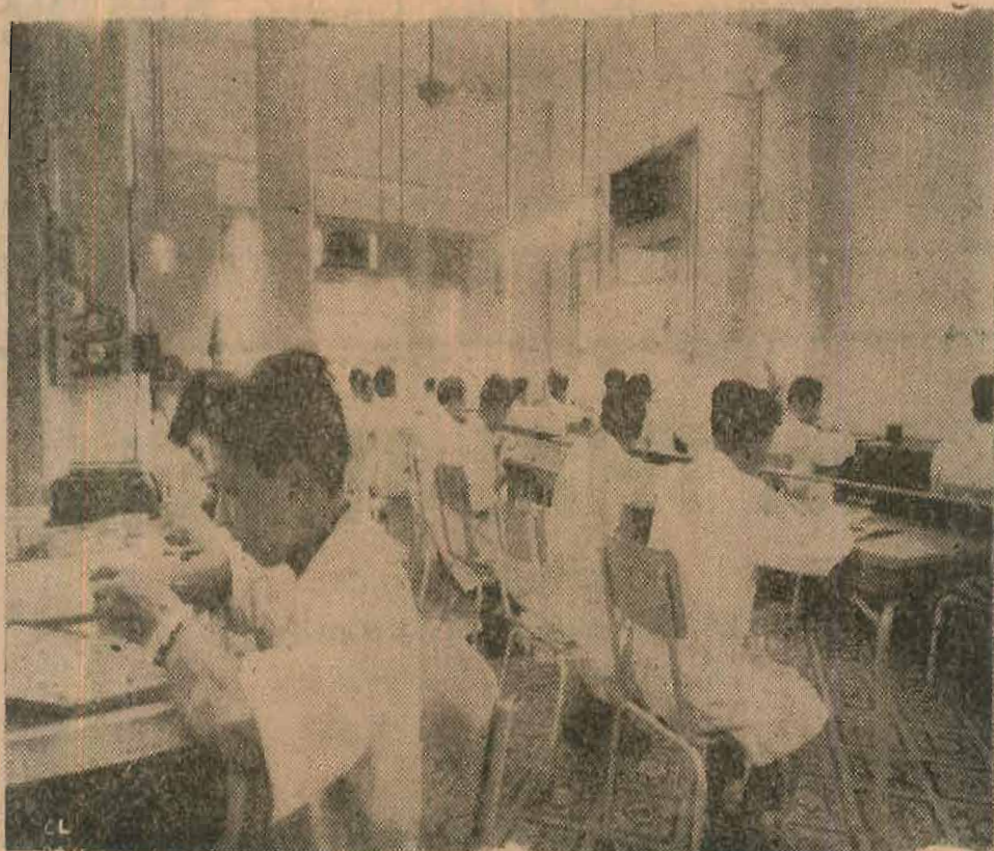
DÙNG ĐỒNG-HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm,
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾT-TRU'ƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TV}

Công-ty vô-danh vốn 12.000.000\$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tín :

Cable address :

VINAWA — SAIGON

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** - Đốt cháy liền
- U** - Khởi mất ngay giờ
- T** - Không khói, không bụi
- A** - Dùng nấu nướng các thứ
- G** - Không làm nhút đầu hay cay mắt
- A** - Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** - Một bình hơi dùng:

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 kí-lô-vát điện

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

GIAO-THÔNG NGÂN-HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÃNG CHÍNH:

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

ĐẠI-DIỆN TẠI VIỆT-NAM :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại: 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



**Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về
Ngân-Hàng và giao-dịch.**

**Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.**

NHẬT GIA

TỪ VU

Bản dịch của VI - HUYỀN - ĐÁC

TÓM-TẮT NHỮNG KỲ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu gồm mười hai người chung sống với nhau, nhưng tư-tưởng bất-đồng. Trung-Nhật chiến-tranh, cả gia-đình tản-cư xuống Thượng-Hải, ở tạm nơi một lữ-quán để chờ kiếm nhà thuê. Ông Hai Lâm tiên-sinh, rường-cột của gia-đình, rất lo-lắng về việc thuê nhà vì ở đâu người ta cũng đòi tiền sang. Trái lại, cả nhà, trong ấy có bà Hai, chừa mắt vì những hàng rế đẹp ở Thượng-Hải, lo sắm đồ hơn đi tìm nhà. Họ còn rủ nhau đi ăn cơm hiệu sang và đi xem hát.

Nhưng rồi mấy đứa con ông Hai đau, phải c o vào nằm nhà thương và ông Hai lại cũng xao-lãng luôn việc kiếm nhà. Thăm-thoát đã tới cuối tháng. Trọn nhà (có cả ông Hai nữa) mới té ngựa ra khi thấy số tiền phải trả lữ-quán và số tiền đã tiêu bằng một phần ba tất cả vốn liếng của gia-đình. Bấy giờ, ông Hai mới cương-quyết đi sang một cái nhà ba tầng. Sắp xếp chỗ ở cho mọi người tạm xong, nhưng còn vấn-đề mượn bao nhiêu đây-tờ thì chưa thỏa-thuận.

NGÀY hôm sau, Lâm tiên-sinh đi đến chỗ nhà mới thuê ; ông không quên đi mua sắm một ít đồ-đặc, bàn ghế, giường tủ và ông cho bày-bien hẳn-hoai. Khi ông trở về lữ-quán, thì đã muộn lắm. Cả nhà đương còn đánh bài.

Ông liền nói cho cả nhà rõ, nhà cửa đã thu xếp đâu vào đấy cả, và nội sáng mai, phải dọn lại. Ông nói như vậy là có ngầm-ý bảo cả nhà nên thôi đánh bài, đi ngủ sớm một chút ; nhưng cả nhà đương mê-mải trong cuộc đồ đen, nên không lưu-ý tới cái nhĩa-ý của ông.

Cả nhà không lưu-ý tới cái nhĩa-ý của ông, ông đành phải đợi vậy ; ông đợi tới khi đánh xong hội bài, ông vừa toan nhắc lại thì cậu Ba, vừa vỗ tay vào bàn, vừa nói : « Đánh một hội nữa ! »

Cụ ông gật đầu tỏ ý bằng lòng, ông Hai vội bảo :

— Thôi, thưa ba, ba đánh thêm một hội nữa làm gì, kia ạ... Mấy bữa nay, con thấy ba cũng có vẻ mệt nhọc đấy mà... Mới lại, sáng mai còn phải dọn nhà, ta nên đi ngủ sớm để mai dậy sớm mà còn thu xếp đồ-đặc chứ.

Tuy Cụ ông còn muốn đánh nữa, nhưng thấy ông con nói vậy, cụ lấy làm chính-dáng, không phản-bác được, nên cụ không bảo sao, cụ chỉ nhìn người con dâu thứ hai của cụ, bà Hai, vì xưa nay, chỉ có bà Hai là có cái địa-vị đem những cái gì vô-lý ra để phản-đối ông con cụ thôi.

Bà Hai quay nhìn ông Hai. Ông Hai đưa mắt, cau lông mày, hắt hàm nhìn bà, ông nói :

— Thôi, mợ gọi người của trà-phòng lên thu bài lại, đi thôi.

Bà Hai sẽ nói :

— Gớm ! Cậu làm gì mà hối-hả như thế, bây giờ đã muộn dầu...

Tuy bà nói vậy nhưng bà cũng thò tay bấm chuông gọi người làm của lữ-quán, rồi bà gạt các quân bài ma-tước cho gọn ở một góc bàn.

Người của trà-phòng lên thu dọn.

Cậu Ba đương ngồi bàn về các nước bài vừa đánh với Cụ ông ; Lâm tiên-sinh ngồi ở sô-pha ; ông ngáp dài một cái. Bà Hai ngồi thừ ra, không biết làm gì, bà liền đứng lên, đi rót nước chè mời hai cụ và cả nhà uống.

Người trà-phòng dọn bàn bài xong, liền hỏi :

— Thưa các cụ và các ông, các bà có dùng thức gì để điêm-tâm không ạ ?

Cậu Ba vui-vẻ nói :

— A, điêm-tâm ấy ư ? Có, có, bác cho tôi một tô mỳ nhân tôm nhá... Thưa ba, ba xơi gì kia ạ ?

Cụ đáp :

—...Mỳ nhân tôm, được, được, bác cũng cho tôi một tô mỳ nhân tôm...

Cụ bà ăn mỳ đông-cô ; bà Hai dùng mỳ hỗn-dộn ; còn Lâm tiên-sinh, ông cũng ăn một tô mỳ gì đó.

Lúc này, hình như cả nhà đều lâm vào cái tình-trạng « tảo-hưng », người nào người ấy cứ ngáp vặt, thì vừa may có các thứ điêm-tâm. Trong khi chờ đợi điêm-tâm, cả nhà lại bàn về các ván bài vừa qua... Câu chuyện cứ nở như gạo rang, nhưng những ván bài, nói đi, nói lại mãi, cũng hết, cả nhà mới nhớ tới điêm-tâm, cả nhà đâm sốt ruột. Cậu Ba nói :

— Biết đợi lâu thế này, thì đánh một hội bài nữa cũng kịp thừa đi.

Cụ ông nói :

— Đứng đấy, một hội, bốn khuyến bài cũng vừa...

Nhưng điêm-tâm đã mang lên. Cả nhà ngồi vào ăn, tiếng nhai, tiếng húp, nhóp-nhét, sộp-soap, vang đầy cả cái khách-đường. Ăn xong, cả nhà yên-lặng hút thuốc. Khi đã no bụng, cả nhà thấy mệt, nên người nào người ấy lại ngáp vặt. Thế là, đã lại qua một ngày trời.



Tối ngày hôm sau, lũ trẻ con chí-chèo cãi nhau, làm cho hai vợ chồng ông bà Lâm tiên-sinh tỉnh giấc. Lúc đó cũng chẳng còn sớm-sủa gì, ấy thế mà cả nhà còn ngủ yên cả. Ông Hai liền đánh thức cậu Ba dậy. Bà Hai đi gọi bà Cả dậy, để bắt đầu thu dọn và gói-ghém các đồ vật lại. Như vậy, hai cụ cố cũng vừa tỉnh giấc.

Lũ trẻ đùa rồn, kêu khóc. Sau khi uống nước và rửa mặt, cả nhà mới lục-đục đi thu-thập các thứ, hai gian phòng ồn-ào, tấp-nập đến cực-độ. Một tháng trời nay, như kiến tha đầy tổ, cả nhà đã mua, sắm, không biết bao nhiêu là đồ vật-vãnh vế, nên thiếu rương, thiếu bao để đựng. Cậu Ba lại bị sai đi ra phố mua rương.

Chỉ mua độ vài cái rương xoàng-xoàng cũng được, nhưng cậu Ba phải mua cho bằng được đồ gia-dụng kia. Cậu đã vác về hẳn một đôi rương da, mỗi chiếc giá tới mấy chục đồng-bạc.

Ông Hai bất-mãn, ông nói :

— Hai cái rương này, đẹp thì đẹp thật, nhưng vừa đắt lại vừa nhỏ quá, đựng làm sao cho hết đồ,

Cậu Ba đáp :

— Thưa anh, ở Háng không có thứ xoàng.

Như vậy, Lâm tiên-sinh phải thân-hành

đi mua. Ông đi khá lâu không thấy về. Cả nhà mong đợi, càng mong, càng bồn-bật; cả nhà đâm sốt ruột, phải phái cậu Ba đi tìm, tìm nửa buổi cũng không thấy ông.

Thì ra, ông Hai đến Hãng tìm, quả không có rương hang xoàng; rồi ông đi hết cửa hàng này, tới cửa hiệu khác. Sau cùng, ông đến con đường Tam-Mã, ông mới mua được ba cái rương đan đem về. Ông đã tiêu mất khá là tiền xe, nhưng ba chiếc rương đan rất tiện dùng.

Ông Hai về, rầy la cậu Ba sao không đến hiệu Lã-khoán mà mua, ở đó, có thứ rương chỉ mười đồng một chiếc thôi, nhưng Cụ ông bảo :

— Bây giờ đã chót mưa mất rồi, không thể đem trả hàng mà lấy lại tiền được; thôi thì cứ dùng, tuy nó đắt nhưng đã bền chắc, việc gì cứ phải đi mua những thứ khác để mất bao nhiêu thì giờ, mà làm cho cả nhà lo-lắng, sốt ruột.

Sau đó, cả rương da lẫn rương đan đều đem dùng, cũng chẳng thừa chiếc nào.

Thế thì đến bao giờ mới thu-thập xong đồ, để dọn nhà? Thì đây, vấn-đề xe-cộ để chuyên-chở lại nổi lên.

Riêng chăn, màn, đệm, gối có tới ngót ba mươi gói, lại đồ vật-văn, thêm mười kiện nữa.

Lâm tiên-sinh, ý muốn thuê một chiếc xe vận-tải « phi-hồ », nhưng bà Hai lại muốn dùng xe hơi kia. Cả nhà lại nhao-nhao bàn-cãi. Bà Hai bảo : đi bằng xe hơi cho chóng, để đến nơi, còn rộng

thời-giờ mà xếp dọn. Ông Hai nói : dẫu sao cũng không kịp. Cậu Ba phụ-họa với Bà Hai vì cậu rất ngại cậu sẽ bị sai ngồi xe tay để đi áp-tải hành-lý. Cụ bà không có chủ-ý nào cả; còn Cụ ông, cụ cũng cho rằng dùng xe hơi tiện hơn, mau-lẹ hơn.

Bởi vậy, sự thắng-lợi về phần bà Hai.

Ông Hai liền đi thuê hai chiếc xe hơi, rồi ông cùng với mười người nhà, ngồi một chiếc đi trước và bảo cậu Ba điềm hành-lý rồi cùng đi với chiếc xe thứ hai.

Thế là cả nhà, lão-nháo lổc-thốc, om-sòm, kéo nhau đến chỗ nhà mới. Khi chiếc xe chở hành-lý đến nơi, thì đã sáu giờ hơn rồi; dỡ được hết các bao, kiện ở xe xuống xong, thì ai cũng thấy kiến bò bụng; phải đi ăn cơm chứ, có thực mới vực được đồ-dạc; ở đây chưa thể nhóm bếp được ngay, nhất-định lại phải đi ăn cơm hiệu vậy.

Lại phải bàn-cãi về việc chọn quán cơm; tiếp theo, đi bằng xe gì? nhao nhao mất mấy khắc mới đi được.

Sau bữa cơm, cả nhà còn thấy có một ít « dư-hứng », ý muốn tổ-chức một thứ tiêu-khiển, nhưng cậu Ba giữ kễ, không dám xướng-xuất, Cụ ông cũng không muốn nói, bà Hai có phần mệt-mỏi, nên bà lạng-thình cùng với cả nhà, ngáp lên, ngáp xuống. Bởi vậy, cả nhà đành an-phận về nhà, dỡ màn, dỡ chăn ra đi ngủ, một cách ngoan-ngoãn và không kém vẻ ngon-lành.

(Còn nữa)

TRƯỚC KHI làm việc gì, không những phải coi việc ấy có ích-lợi không, lại phải coi hoặc còn việc nào khác có ích-lợi hơn nữa, hoặc còn việc nào cần phải làm trước, vì thời-gian trời ban cho chúng ta có giới-hạn.

HENRI DELATTRE

CÁC BẠN HỌC-SINH BAN TRUNG-HỌC, CÁC BẠN TỰ-HỌC
CÙNG NHƯ CÁC BẬC THỨC-GIA ĐỀU CẦN NÊN CÓ BỘ

LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

do PHẠM-HOÀN-MỸ và MỘT

NHÓM BẠN GIÁO-SƯ biên-soạn

Theo một phương-pháp mới nhất và tiến-bộ nhất, để: **THÀNH** và **KÍNH** dâng những **NGƯỜI** đã **KHO** và đang **kho**, đã **chết** và đang **chết** để **GIỐNG** VIỆT được **TRƯỜNG-TỒN**, **NỖI** VIỆT được **VINH-QUANG**,

- mà tiêu-ngữ: «Tặng 10.00 pho sử, Soạn 1.000 quyển-sử, không bằng làm 1 ngày lịch-sử»
- Cùng lời nhắn gửi bốn phương « thay lời tựa, với những câu :
- « Học *Sử chết*, ta không được quên rằng ta là những người đang làm *Sử sống* »,
- « Ta học sử để mà làm sử »,
- với 4 bài hát lịch-sử đánh dấu 4 đoạn đời đặc-biệt của dân-tộc, với những bài đọc (văn, thơ, kịch) chọn-lựa công-phu.
- nêu cao 1 quan-niệm mới về sử, khi Thế-giới không còn chia làm 2 phe như người ta thường bảo.

NẾU

QUYỀN I (Đệ - thất Trung - học)

(từ nhà Hồng-Bàng mở nước đến Ngô-Quyền dựng nền tự-chủ) đã làm các bạn tin ở sức sống phi-thường của nòi-giống,

THÌ

QUYỀN II (Đệ-lục Trung-học)

(từ Ngô-Quyền dựng nền tự-chủ đến nhà Hồ mất nước)

Sẽ khiến các bạn còn vững lòng tin ở tương-lai giống-dòng vì nền văn-trị huy-hoàng, võ-công hiên-hách cùng bao sáng-kiến tân-kì của dân-tộc ta dưới Lê, Lý, Trần, Hồ, trình-bày rất khoa-học mà cũng rất nghệ-thuật.

SẼ RA TIẾP

QUYỀN III (Đệ-ngũ Trung-học)

và

QUYỀN IV (Đệ - tứ Trung - học)

B.N.C.I.



BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36. Rue TÓN-THÁT-ĐAM
(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26. Moha Vitthet Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagée)

Téléphone : 385 et 543
B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebule Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).



COMPAGNIE DES MESSAGERIES MARITIMES

Service régulier de fret sur

PHILIPPINES — HONGKONG — FORMOSE — JAPON — MALAISIE
CEYLAN — DJIBOUTI — EUROPE — MADAGASCAR — Océanie

Service régulier de passagers par

PAQUEBOTS DE LUXE ET PAR NAVIRES DE CHARGE

FRET : 3, đường Trung-Tướng TRỊNH-MINH-THẾ

PASSAGERS : 46, đường TỰ-DO — Boite Postale : 282

SAIGON

CÔNG-TY BẢO-HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiêm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phậ-t-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000 frs.

TÔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiêm hỏa-hoạn
Tai hại gây bởi chất nổ
Vốn : 1000 triệu phậ-t-lăng
Compagnie d'Assurances Générales
contre l'Incendie
et les Explosions
Capital : 1 Milliard de francs

TÔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiêm tai nạn
Gian-phỉ — Hàng-hải — Rủi ro
Vốn : 1000 triệu phậ-t-lăng
Compagnie d'Assurances Générales
Accidents
Vol — Maritime — Risques divers
Capital : 1 milliard de francs

**NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG
LÂU NHẤT CỦA PHÁP**

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances

CHI-NHÁNH
Succursale

SAIGON : 26, Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau) 26

Giấy số : 21.253 — 23.913
Tél.

Bata

**NHÀ MÁY LÀM GIÀY
TO NHẤT TẠI VIỆT - NAM**

J. M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^e

Import — Export



REPRESENTATION



Téléphone : 21.219
Ad. tél : JASMIN

175—179 Đường Tự-Do — SAIGON

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN-HÓA,
XÃ - HỘI.

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VĂN-LANG

hợp-tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHỈ
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN

Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ.

Nghĩ tới độc giả của Quán Ven Đường và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.